

THIÊN SƯ THÍCH THANH TỪ

LÂM TẾ NGŨ LỤC

Giảng giải



Mục Lục:

LỜI ĐẦU SÁCH.....217

THƯỢNG ĐƯỜNG.....218

HÀNH LỤC.....321

LỜI ĐẦU SÁCH

Trong các bộ ngữ lục có bốn bộ của các thiền sư Mã Tổ, Bá Trượng, Hoàng Bá, Lâm Tế thường được nhắc đến, gọi là Tứ ngữ lục. Ngoài ra còn có Ngũ ngữ lục, chỉ cho ngữ lục của năm tông: Lâm Tế, Tào Động, Quy Ngưỡng, Vân Môn, Pháp Nhãn.

Ngũ lục của Mã Tổ và Bá Trượng trong Thiền Sư Trung Hoa tập một, tôi dịch gần hết; ngữ lục Hoàng Bá trong Tối Thượng Thừa Luận, riêng ngữ lục của tổ Lâm Tế, lời dạy rất mạnh mẽ, rất quý báu, tha thiết muốn chúng ta thâm hiểu được những gì ngài đã nhận.

Tổ Lâm Tế trước kia giỏi kinh luận, nhưng khi vào nhà thiền, ngộ được rồi, ngài mới thấy rằng văn tự chữ nghĩa không làm mình giải thoát được, cho nên lời dạy của ngài có nhiều câu nghe như bác kinh điển, nhưng sự thật ngài muốn cho chúng ta thật ngộ mà không mắc kẹt trong văn tự.

Ngũ lục này do ngài Tam Thánh Huệ Nhiên góp nhặt, nên có ghi “Trụ Tam Thánh tự pháp tiêu sư Huệ Nhiên tập”.

Kính ghi

THÍCH THANH TỪ

THƯỢNG ĐƯỜNG

Phủ chủ Vương thường thị cùng các quan thỉnh Sư thăng tòa. Sư thượng đường, nói:

-Sơn tăng ngày nay sự bất đắc dĩ chiều theo nhân tình mới lên tòa này. Nếu nhắm vào tông môn của Tổ sư xưng dương việc lớn thì ngay đó mở miệng chẳng được, không có chỗ các ông để chân. Sơn tăng ngày nay do Thường thị cố thỉnh thì đâu có thể ỷ cường tông, trong hội này có người nào là chiến tướng tác gia thì hãy xổ cớ bày trận, đối chúng chứng cứ xem?

Thăng tòa là lên tòa để thuyết pháp. *Xưng dương việc lớn* tức chỗ chí yếu trong tông môn, thì không có phương tiện mở miệng được và không có chỗ gá chân.

Vì Vương thường thị cố thỉnh cho nên ngài không thể giấu giếm được, buộc lòng phải nói. Trong nhà thiền những buổi tham vấn thầy trò như hai vị tướng xổ cớ ra trận, nên nói *tác gia chiến tướng*.

Có vị tăng bước ra thưa hỏi:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư liền hét, tăng lễ bái. Sư bảo:

- Ông thầy này lại nên bàn luận.

Tăng hỏi:

- Thầy xưng gia khúc tông phong ai và nổi pháp người nào?

Sư bảo:

-Ta ở chỗ Hoàng Bá ba phen thưa hỏi ba lần bị đánh.

Vị tăng suy nghĩ, Sư bèn hét, tiếp theo đánh, nói:

-Không thể nhắm trong hư không mà đóng đinh được.

Ông tăng rút lui, đó là một bại tướng rồi! Buổi thuyết pháp không giống ngồi nghiêm chỉnh như chúng ta ngày nay.

Có Tọa chủ hỏi:

-Ba thừa, mười hai phần giáo đâu chẳng chỉ rõ Phật tánh?

Sư bảo:

-Cỏ hoang chưa từng cày.

Tọa chủ nói:

-Phật đâu có lừa người?

Sư bảo:

-Phật ở chỗ nào?

Tọa chủ đáp không được. Sư nói:

-Ở trước mặt Thường thị, ông muốn lừa lão tăng sao? Lui mau! Lui mau! Làm chứng ngại người khác thưa hỏi.

Tọa chủ là trụ trì bây giờ. Ý hỏi: Thưa ngài, mười hai phần kinh điển của ba thừa, cốt để chỉ rõ Phật tánh phải chăng? Ngài trả lời: *Cỏ hoang chưa từng cày*. Là sao? Đó là những câu trả lời bí hiểm, những câu này có ý vị, người khéo một chút có thể thấy được.

Ngài nói cở hoang chưa từng cày, tọa chủ tức quá nói *Phật đâu có dối người*, ngài liền hỏi *Phật ở chỗ nào? Tọa chủ không đáp được*, ngài nói: *Ông muốn làm mờ mắt lão tăng sao?* Tức là một bại tướng nữa rút lui.

Sư lại nói:

- Ngày nay pháp hội vì một đại sự, lại có người nào thưa hỏi chẳng? Mau ra hỏi. Các ông vừa mới mở miệng thì sớm đã không có dính dáng. Tại sao như vậy? Các ông đâu không thấy đức Thế Tôn bảo rằng: “Pháp lìa văn tự không thuộc về nhân mà cũng không ở nơi duyên.” Vì các ông tin không đến, do đó ngày nay mới nói dây dưa, e làm ngại cho Thường thị cùng các quan viên lâm Phật tánh, chi bằng hãy thối lui.

Sư hét lên một tiếng, nói:

- Người gốc tin kém cỏi, trọn không có ngày xong. **Đứng lâu. Trân trọng!**

Ngài nói hội thuyết pháp này là một đại sự, lại có người nào hỏi nữa chẳng, hãy ra hỏi mau. Ngài lại nói: *Các ông vừa mới mở miệng thì sớm đã không có dính dáng gì*. Bảo hỏi mà nói mở miệng là không đúng rồi.

Pháp đức Phật truyền cho tổ Ca-diếp gọi là Niết-bàn diệu tâm, pháp đó không mắc kẹt trong văn tự, *cũng không thuộc nhân cũng không ở nơi duyên*. Ngài nói rằng vì các ông tin không được pháp đó buộc lòng ngày nay phải nói tới nói lui, dùng những phương tiện tạm may ra các ông nhận được, còn chỗ chí yếu không có văn tự, không thuộc nhân duyên.

Một vị thiền sư lên tòa, cho phép ai muốn hỏi gì thì hỏi, ngài trả lời hoặc đánh hoặc nạt hoặc làm hành động gì đó. Tham thiền lúc xưa là vậy, còn ngày nay giờ ngồi yên lặng là giờ tham thiền. Tham nghĩa là tham vấn, không phải tham là ngồi yên. Nghe nói tham thì phải ngồi yên rồi cho là tham thiền. Tôi giảng mà không giảng, chỉ nhắc lại lời của tổ Lâm Tế để chúng ta thấy rõ bản ý của Tổ dạy mà tu. Phật tổ muốn dạy mình cái chính mình có, chính mình đầy đủ mà không chịu tin, buộc lòng Phật tổ phải nói cách này cách kia để mình nhận cho ra.

Một hôm ngài tới phủ Hà Bắc, Thường thị mời ngài thăng tòa. Khi ấy Ma Cốc bước ra hỏi:

- Đức Đại Bi có ngàn tay ngàn mắt, mắt nào là mắt chánh?

Sư bảo:

- Đức Đại Bi ngàn tay ngàn mắt thì mắt nào là mắt chánh? Nói mau! Nói mau!

Ma Cốc kéo Sư xuống tòa, rồi chiếm tòa ngồi. Sư đến gần, nói:

- Chẳng rõ.

Ma Cốc vừa suy nghĩ, Sư kéo xuống rồi lên tòa ngồi. Ma Cốc đi ra, Sư liền xuống tòa.

Phủ Hà Bắc nơi Vương thường thị làm tri phủ. Ma Cốc là huynh đệ với tổ Bá Trượng, hỏi Bồ-tát Quán Thế Âm có ngàn tay ngàn mắt, mắt nào là mắt chánh? Ngài không đáp mà lặp lại câu hỏi bảo Ma Cốc phải nói.

Khi Ma Cốc bỏ đi thì ngài bước xuống tòa. Vậy là hết buổi tham thiền, coi như đùa chơi, nhưng cả một đạo lý đầy tràn trong đó. Ma Cốc là đồ đệ lớn của Mã Tổ không phải nhân vật thường. Hỏi *Bồ-tát Đại Bi có ngàn tay ngàn mắt, mắt nào là mắt chánh?* Nói mắt nào cũng mắc kẹt hết, đó là thuật của thiền sư. Những tay chiến tướng bày trận, cái bẫy đã gài, trả lời là mắc kẹt trong trận mạc rồi, tức là bị hãm trận. Trả lời mắt trên đầu hay mắt dưới chân là chánh... đều bị lọt bẫy của các ngài, tức là thua trận.

Tổ Lâm Tế là tay đặc biệt, nghe nói vậy liền nhắc câu hỏi rồi bảo: *Nói mau! Nói mau!* Ngài Ma Cốc biết chú này không bị lừa rồi, không còn cách nào hơn kéo xuống tòa, kéo xuống tòa tức là coi như ông biết tôi, rồi ngài Ma Cốc lên tòa ngồi, là hai người cân xứng. Nhưng ngài Lâm Tế bày trận lại, bằng cách đến gần nói: *Chẳng rõ!* Bên kia tính suy nghĩ đáp, liền bị kéo xuống tòa, lúc đó ngài Ma Cốc thấy rằng đây là tay đối thủ xứng đáng nên bỏ ra đi, ngài Lâm Tế cũng xuống tòa, tức là huê. Đó là tác gia chiến tướng gặp nhau không thắng không bại, chính trong đó tràn đầy đạo lý, nghĩa là cảm thông nhau, chỉ người nào khéo mới thấy được, còn không khéo thì thấy như một trò đùa.

Sư thượng đường nói:

- Trên khối thịt đỏ có một Vô vị chân nhân, thường ra vào trên mặt các ông. Người chưa chứng cứ hãy xem! Xem!

Có vị tăng ra hỏi:

- Thế nào là Vô vị chân nhân?

Sư bước xuống tòa nắm đứng bảo:

- Nói! Nói!

Vị tăng ấy suy nghĩ. Sư buông ra nói:

- Vô vị chân nhân là que cứt khô gì!

Sư liền về phương trượng.

Ông già này thiệt là ông già phi thường. Khi thăng tòa nói: *Trên khối thịt đỏ có một Vô vị chân nhân*. Cục thịt đỏ nào? Tức là một khối thịt này, trong cái khối thịt này có một chân nhân, chân nhân tức là người chân thật mà không có ngôi vị, ngôi vị tức là chỗ ngồi, *thường ra vào trên mặt các ông*. *Người nào chưa chứng cứ được hãy xem! Xem!*

Khi đó có vị tăng bước ra hỏi: Thế nào là Vô vị chân nhân? Mới vừa hỏi thế nào là Vô vị chân nhân, ngài liền bước xuống tòa, nắm hai bả vai đứng lại, bảo *Nói mau! Nói mau!* Vị tăng kia mới vừa suy nghĩ, ngài xô ra cửa nói: *Vô vị chân nhân là cái que cứt khô gì?* Rồi trở về phương trượng. Nói vậy ai hiểu gì? Trong nhà thiền các ngài không cần lựa những lời văn chương tao nhã, cần nói gì thì nói, nhiều khi rất là thô, rất là thường, mà chính những cái đó còn hoài không mất. Tổ Lâm Tế lúc chưa ngộ đạo là người nghiêm chỉnh nhất, oai nghi nhất, nhưng khi ngộ rồi thì được gọi là phong điền, nghĩa là làm nhiều điều lạ thường. Như ngài muốn chỉ cho thấy cái chân thật của mình ngay trong con người mình, ngay ở trên mặt mình, ngay chung quanh mình, nhưng vừa chỉ ra mà người nào hỏi thì không trả lời. Tăng hỏi ngài lại không trả lời, chỉ nắm đứng bắt nói mau, nói mau. Không trả lời ma bắt nói, biết nói gì? Nên vị tăng suy nghĩ tìm lời nói thì bị xô ra cửa, nói: *Vô vị chân nhân là que cứt khô gì?* Những câu nói vừa mở vừa úp, vừa bày vừa dẹp của các ngài

không cho mắc kẹt. Các ngài nói thẳng thì sợ mình coi thường, mà không nói e mình không biết, nên vừa hé ra muốn chỉ rồi liền tìm cách giấu mất, người nào lanh trí sáng suốt nhận ra mới thấy cái kỳ lạ, đó là sự khéo léo. Thiền đường của các Tổ ngày xưa tham thiền rất đặc biệt.

Sư thượng đường, có vị tăng ra lễ bái. Sư liền hét. Tăng nói:

- Lão hòa thượng chỗ có dò xét.

Sư nói:

- Lời ông nói rơi tại chỗ nào? Tăng liền hét.

Cuộc tham vấn này chỉ là một hình ảnh. Ngài bước lên tòa, một người ra lễ bái không hỏi câu nào hết, ngài liền hét. Tăng nói *Lão hòa thượng chỗ có dò xét*, ngài liền nói *lời ông nói rơi tại chỗ nào?* Tăng hét một cái rồi thôi. Như vậy cả hai vị đều biết vừa mở miệng đã lạc vào vọng tưởng, nên không dùng ngôn ngữ, nếu có dùng thì cũng là nói mà không nói.

Có một vị tăng hỏi:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư liền hét. Tăng lễ bái. Sư bảo:

- Người nói nên hét hay không?

Tăng nói:

- Giặc cỏ đại bại.

- Lỗi tại chỗ nào?

- Tái phạm không tha.

Sư bèn hét.

Tăng hỏi câu lúc xưa ngài hỏi tổ Hoàng Bá, *thế nào là đại ý Phật pháp?* Tổ Hoàng Bá liền cho ăn một gậy.

Bây giờ người khác hỏi, *ngài bèn hét một tiếng*, thay vì gậy thì hét. Vị tăng đó lễ bái, ngài nói *Người nói nên hét hay không?* Người ta lễ bái thôi mà hỏi hét hay không? Tăng nói *giặc cỏ đại bại*, tức là Thầy thua rồi. Ngài nói: Tôi thua chỗ nào? Tôi có lỗi gì? Tăng nói: *Tái phạm không tha!* Thầy đã thua rồi còn hỏi thêm lần nữa là tái phạm không tha. Như vậy để thấy ý nghĩa trong buổi tham vấn đều nhắm chỗ vô ngôn, vừa mở lời là sai.

Hôm đó hai vị thủ tọa của hai tăng đường gặp nhau, đồng thời cùng hét. Tăng hỏi Sư:

- Như vậy có chủ khách hay không?

Sư bảo:

- Chủ khách rõ ràng.

Sư lại nói:

- Đại chúng muốn biết câu “chủ khách” của Lâm Tế thì nên hỏi hai vị thủ tọa trong chúng.

Nói xong xuống tòa.

Hai vị thủ tọa gặp nhau đồng thời hét, thì biết ai chủ ai khách! Ngài trả lời: *Chủ khách rõ ràng.* Ngài lại nói thêm, nếu muốn biết chủ khách thì nên hỏi hai Thầy đồng thời hét đó.

Trong buổi tham thiền có những hình ảnh lạ thấy như khó hiểu, đoạn sau ngài giải thích.

Sư thượng đường. Có vị tăng hỏi:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư dựng cây phát tử lên. Tăng liền hét, Sư liền đánh.

Lại có một vị tăng hỏi:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư cũng dựng đứng cây phát tử lên. Tăng bèn hét, Sư cũng hét. Tăng suy nghĩ, Sư liền đánh.

Sư nói:

- Này đại chúng! Phàm người vì pháp thì không tránh tan thân mất mạng. Ta hai mươi năm ở chỗ tiên sư Hoàng Bá, ba phen hỏi đại ý Phật pháp, ba lần nhờ ơn ngài ban cho gậy, giống như cây chổi quét vậy. Nay muốn ăn một trận gậy, ai là người vì ta làm được việc này?

Lúc đó vị tăng bước ra khỏi chúng nói:

- Con làm được.

Sư liền đưa gậy cho vị tăng. Vị tăng toan nắm gậy, Sư liền đánh.

Ngài thấy lúc xưa tổ Hoàng Bá đánh ba gậy là một cái ơn lớn vô cùng, nhờ đánh ba gậy sạch hết bụi. Như vậy để thấy ăn gậy là một diệu thuật. Lúc xưa tổ Hoàng Bá đánh thì ngài sạch bụi, bây giờ đánh chúng ta thì sao? Càng đánh càng dấy bụi, nổi sân lên thì bụi nhiều hơn!

Sư thượng đường. Có vị tăng ra hỏi:

- Thế nào là việc trên kiểng bén?

Sư nói:

- Việc họa! Việc họa!

Tăng suy nghĩ, Sư liền đánh.

Có vị tăng hỏi:

- Chỉ như hành giả Thạch Thất đạp chày quên giở chân thì đi về đâu?

Sư bảo:

- Chìm đắm sâu.

Sư lại nói:

- Chỉ có người đến mà không có thiếu sót y, thấy đều biết chỗ y đến. Nếu đến như thế thì in tuồng như mất đi, nếu chẳng đến như thế thì không dây mà tự trôi. Trong tất cả thời chớ thêm bớt loạn xạ, hội cùng không hội đều là lầm, nói rõ ràng như thế, mặc cho thiên hạ bác bỏ. Đứng lâu, trân trọng.

Hành giả Thạch Thất đạp cối giã gạo, chân hạ xuống thì đầu cần giở lên, chân giở lên thì đầu cần hạ xuống, bây giờ đạp mà quên giở chân, hỏi vậy khi đó đi về đâu? Tức là giã gạo mà quên dời chân thì cái chày có giã không? Đâu có giã! Ý hỏi người đã tới chỗ bất động thì lúc đó ra sao? Ngài trả lời chìm đắm sâu. Nếu chỉ lặng im mà không có trí tuệ thì như chìm ở sâu.

Ngài nói thêm, *chỉ có người đến mà không thiếu sót y, thấy đều biết chỗ y đến*. Đó là chỗ đặc biệt, bí hiểm mà người tu thường mắc kẹt. Đại đa số người tham thiền nghe Phật tổ dạy không tâm là đạo, hay bật vọng tưởng là định, rồi để tâm

rỗng không hoặc bất vọng tưởng, cho đó là đạo là định; nhưng phải hay chưa? Ngài Lâm Tế nói đó là chìm ở suối sâu.

Ở đây chúng ta cũng ngồi yên, không tâm và không theo vọng tưởng thì có lỗi gì? Có phải chìm ở suối sâu hay không? Đó là chỗ phải lưu tâm cho kỹ càng, không khéo thì bị lầm. Ngài nói, chỉ có người đến mà không khiếm thiếu y, nghĩa là tới chỗ lặng lẽ mà không thiếu y, y là ai? Đây là chỗ quan trọng. Lặng lẽ mà không thấy mặt y thì lặng lẽ đó là chìm. Thấy mặt y thì lặng lẽ đó là phải, cho nên nói rằng *thấy biết chỗ y đến*.

Ngài nói, nếu đến như thế, in tuồng mất đi, còn không đến như thế là không dây tự trói. Trong tất cả thời chỗ có thêm bớt loạn xạ, hội cùng không hội đều là lầm, nói rõ ràng như thế, mặc tình cho tất cả người trong thiên hạ bác bỏ. Như vậy trong tất cả thời không nên suy xét cho là ngộ hay không ngộ, hai cái đó đều lầm, mà chỉ thấy cho thật rõ ràng y thì mới được.

Sư thượng đường nói:

- Một người trên đỉnh núi cao vót không lối xuống, một người nơi ngã tư đường không biết đi ngõ nào. Người nào trước, người nào sau? Không được làm Duy-ma-cật, không được làm Phó đại sĩ. Trân trọng.

Một người ở trên đỉnh núi cao vót, một người ở ngã tư đường, cả hai đều không có lối ra. Ai ở trước, ai ở sau? Không được làm thỉnh như Duy-ma-cật, mà cũng không được giảng nói như Phó đại sĩ, lúc đó làm sao? Nhưng vừa nghĩ nên làm sao cũng sai luôn. Đó là một lối nói bí hiểm khiến cho không còn cách nào đối đáp được.

Sư thượng đường nói:

- Có một người muôn kiếp ở giữa đường không lìa nhà, có một người lìa nhà mà không ở giữa đường, thì người nào nên thọ trời người cúng dường?

Sư hạ tòa.

Ở giữa đường mà không lìa nhà, lìa nhà mà không ở giữa đường. Hai hạng người đó, hạng nào trời người nên cúng dường?

Thiên tông có lối nói cho nghe mà không cho suy nghĩ. Các ngài khéo dùng những câu nói mà không động lưỡi, nói mà như không nói. Người nào hội được cũng có thể đáp lại, đáp cũng không động môi. Lối đối đáp này mới thật là thiên. Còn chúng ta nói ra có ý nghĩa để suy nghĩ, suy nghĩ kỹ càng rồi đáp lại, đều là nói trong vọng tưởng, nói của lưỡi của môi. Nhưng càng suy nghĩ thì càng xa. Vừa suy nghĩ là ăn đòn, đó là chỗ lạ trong nhà thiên.

Sư thượng đường, tăng hỏi:

- Thế nào là đệ nhất cú?

Sư đáp:

Ấn tam yếu mở bên chấm son,

Chưa cho nghĩ nghị chủ khách phân.

(Tam yếu ấn khai chu điểm trắc,

Vị dung nghĩ nghị chủ tân phân.)

Hỏi:

- Thế nào là câu thứ hai?

Sư đáp:

Diệu giải đầu cho Vô Trước hỏi, Bọt tan nào dễ chặn dòng sông.

(Diệu giải khởi dung Vô Trước vấn, Âu hòa tranh phụ tiệt lưu cơ.) **Hỏi:**

- Thế nào là câu thứ ba?

Sư đáp:

Chỉ xem tượng gỗ đùa trên gác,

Dấn dất toàn nhờ người ẩn trong.

(Khán thủ bằng đầu lộng khôỉ lồi, Trừu khiên đô tạ lý đầu nhân.) **Sư lại nói:**

- Một câu phải đủ ba huyền môn, một huyền môn phải đủ ba yếu, có quyền có dụng. Hết thấy các ông làm sao hiểu?

Sư xuống tòa.

Hỏi thế nào là câu thứ nhất, ngài nói khi ẩn tam yếu vừa mở ra thì đã có những điểm son hiện, lúc đó chưa cho khởi nghĩ phân chủ khách. Nếu có chủ khách thì có đối đãi, vừa có đối đãi là nằm trong nghĩ suy. Câu thứ nhất là lúc chưa khởi nghĩ, chưa có chủ khách đối đãi.

Hỏi thế nào là câu thứ hai, ngài nói: *Diệu giải đầu cho Vô Trước hỏi, bọt tan nào dễ chặn dòng sông.*

Câu thứ nhất là nói về thể, câu thứ hai là nói về dụng. Thể thì không có chủ khách, không có nghĩ nghĩ. Nếu người đạt đến chỗ xuyên suốt rồi thì diệu dụng như dòng sông chảy, bao nhiêu trở ngại giả dối đều không ngan chặn được, cũng

như những hòn bọt tan không chặn được dòng sông. Người đạt đạo được thể rồi thì khả năng diệu dụng của họ không gì ngăn trở được.

Hỏi thế nào là câu thứ ba, ngài đáp: *Chỉ xem tượng gỗ đùa trên gác, dẫn dắt toàn nhờ người ẩn trong.* Người gỗ do đâu mà múa may được? Do có người ẩn bên trong giật dây. Chúng ta thấy người gỗ tự đứng tự đi tự múa may, không ngờ chính trong đó có sợi dây do người điều động.

Đoạn sau ngài nói người nào ngộ câu thứ nhất cùng Phật tổ làm thầy, người nào ngộ câu thứ hai được nhân thiên cúng dường, người nào ngộ câu thứ ba tự cứu cũng không xong. Câu thứ ba là để chỉ người mắc kẹt trong hình thức giả dối không nhận chân được lẽ thật.

Ngộ câu thứ nhất là ngộ ngay bản tâm chưa dấy động, thấy được bản tâm bất sanh bất diệt, nên nói tam yếu vừa ẩn khai thì đã có điểm son hiện, chưa cho suy nghĩ phân chủ khách. Ngộ câu thứ hai là đã thấy được pháp đối đãi không thật, khả dĩ tiến tu được. Đến câu thứ ba tự mình không nhận được chân và giả nên đây dùng thí dụ con rối múa may, mình tưởng lầm đó là thật, chứ không ngờ trong đó có người giật dây, để chỉ cho cái lầm của mình.

Ngài lại nói *một câu cần đủ ba huyền môn, mỗi huyền môn phải đủ ba yếu nghĩa, có quyền, có dụng* cả thầy làm thế nào mà hội? Khi hỏi tới ba huyền môn và ba yếu nghĩa, ngài trả lời bằng cách khó khăn như vậy để cho mỗi người tự khéo nhận ra. Ngũ lục của các thiên sư thường là vậy.

Tham vấn buổi chiều, Sư dạy chúng:

- Có khi đoạt nhân chẳng đoạt cảnh, có khi đoạt cảnh chẳng đoạt nhân, có khi nhân cảnh đều đoạt, có khi nhân cảnh đều chẳng đoạt.

Đây là Tứ liệu giản, là bốn phương pháp tu của tổ Lâm Tế, trong quyển Vạn Pháp Quy Tâm Lục của ngài Tổ Nguyên có giảng qua, đây không cần lặp lại.

Khi ấy có vị tăng hỏi:

- Thế nào là đoạt nhân chẳng đoạt cảnh?

Sư bảo:

*(Hú nhật phát sinh phô địa cấm,
Anh hài thùy phát bạch như ty.)*

Ngày ẩm nải sinh gấm trải đất, Hài nhi rũ tóc bạc như tơ.

Tăng thưa:

- Thế nào là đoạt cảnh chẳng đoạt nhân?

Sư bảo:

*(Vương lệnh dĩ hành thiên hạ biến,
Tướng quân tái ngoại tuyết yên trần.)*

Lệnh vua vừa ban khắp thiên hạ, Tướng quân biên ải dứt khói mù.

- Thế nào là nhân cảnh đều đoạt?

- Bất tin tịnh phần, ở riêng một cõi (Tịnh phần tuyệt tín độc xử nhất phương).

- Thế nào là nhân cảnh đều chẳng đoạt?

- Vua lên điện bấu, dân quê hát ca (Vương đăng bảo điện dã lão âu ca).

Tăng hỏi: Thế nào là đoạt nhân mà không đoạt cảnh? Ngài đáp: *Ngày ấm nảy sinh gấm trải đất, hài nhi rủ tóc bạc như tơ.* Mặt trời mùa xuân ấm áp vừa lên thì nhìn thấy đất như trải gấm, bé con rủ tóc bạc như tơ. Đó là lối nói để trả lời đoạt nhân không đoạt cảnh. Cảnh vẫn nguyên vẹn, rất đẹp để, đây chỉ đẹp người.

Tăng lại hỏi: Thế nào là đoạt cảnh mà không đoạt nhân? Ngài đáp: *Lệnh vua vừa ban khắp thiên hạ, tướng quân biên ải dứt khói mu.* Lệnh vua ban ra khắp thiên hạ, tướng quân ở ngoài biên cương bắt dứt khói bụi là bắt dứt chiến tranh. Đây là giai đoạn đoạt cảnh mà không đoạt nhân.

Đến câu thứ ba, Tăng hỏi: Thế nào là nhân cảnh cả hai đều đoạt? Ngài đáp: *Bật tin tịnh phần, ở riêng một cõi.* Tịnh phần để chỉ nơi chốn quê hương cha mẹ mình, *tuyệt tín* tức là không còn tin tức. Quê hương không còn tin tức thì riêng ở một chỗ gọi là *độc xử nhất phương*.

Câu thứ tư, tăng hỏi: Thế nào là nhân cảnh đều chẳng đoạt? Ngài đáp: *Vua lên điện bấu, dân quê hát ca.* Vua vừa lên điện bấu, các ông già ở quê cùng hòa hát với nhau, không có gì mà lo sợ nữa, để chỉ thời thái bình thịnh trị. Nhân cảnh đều không đoạt. Tại sao?

Khi vua lên ngôi trên điện bấu, dân chúng đều âu ca, đó là lúc rảnh rang nhàn hạ nhất, bốn phương đều thái bình. Thiên sư Duy Tín đời Tống có nói: Ba mươi năm trước thấy núi sông là núi sông, khi gặp thiện hữu tri thức chỉ dạy thấy

núi sông không phải là núi sông nữa, ba mươi năm sau thấy núi sông vẫn là núi sông. Đó là nhân cảnh đều chẳng đoạt.

Nói lại cho dễ hiểu, thế nào là đoạt nhân không đoạt cảnh? Nghĩa là lúc mới vào cửa thiền, có người chuyên phá vọng tưởng, vọng tưởng vừa dấy lên liền dẹp. Không nghĩ tới cảnh, gọi đó là đoạt nhân mà không đoạt cảnh.

Câu thứ hai, thế nào là đoạt cảnh chẳng đoạt nhân? Thí dụ chúng ta tu, do dùng trí tuệ Bát-nhã quán chiếu, thấy cảnh nào cũng biết duyên hợp như huyễn, tự tánh là không, cái gì qua mắt qua tai thấy nghe hiểu biết đều cho nó là không. Một bề dẹp cảnh ngoài mà không nghĩ đến nội tâm, đó là đoạt cảnh không đoạt nhân.

Câu thứ ba, nhân cảnh đều đoạt, lúc đó ngoài không quán cảnh trong không quán tâm, chỉ còn một tâm riêng sáng, không còn tin tức gì bên ngoài.

Câu thứ tư, nhân cảnh đều không đoạt, tâm như như không dụng công nữa, lúc đó như vua lên điện báu, bốn phương thiên hạ âu ca, là thời thái bình thịnh trị.

Như vậy, nếu không khéo hiểu, đọc qua những câu này tưởng như chuyện đâu đâu, thật ra chính là dạy pháp tu. Người xưa dạy tu không dài dòng tỉ mỉ, chỉ người nhận ra mới thấy chỗ thiết yếu.

Sư lại bảo:

- Người học Phật pháp thời nay cốt yếu phải cầu kiến giải chân chánh. Nếu được kiến giải chân chánh thì sanh tử không nhiễm, đến đi tự do, chẳng cần cầu sự thù thắng mà thù thắng tự đến.

Người học Phật đừng tìm cầu những gì lạ lùng, chỉ cần hiểu biết chân chánh tức là trí Bát-nhã. Được hiểu biết chân chánh thì sanh tử không nhiễm, tới lui tự do. Nếu không hiểu biết chân chánh mà hiểu biết theo tà ngụy thì tất cả cảnh đến làm nhiễm ô tâm, đã nhiễm ô tất nhiên mất tự do. Vì vậy trọng yếu của sự tu hành là phải có hiểu biết chân chánh.

Có nhiều người tu mong thấy những điều lạ, mong được những gì khác hơn thiên hạ, đó là tìm cầu thù thắng. Tổ dạy chúng ta không cần cầu thù thắng, chỉ cần hiểu biết chân chánh, được đó rồi thì thù thắng tự nhiên đến.

Này Đạo lưu! Chỉ như các bậc tiên đức từ xưa đều có con đường cho người ra, như chỗ Sơn tăng chỉ dạy người. Chỉ cần các ông không bị người làm mê hoặc, cần dùng liền dùng, chớ có do dự.

Ngài nói rằng các vị tiên đức thuở xưa dạy đồ đệ đều chỉ phương pháp, chỉ con đường tu hành giải thoát. Riêng chủ yếu của ngài chỉ dạy chúng ta phải tự nhận, tự ngộ tự hiểu đừng có mê lầm, cần dùng liền dùng, chớ do dự nghi ngờ.

Ngày nay người học đạo chẳng được, bệnh tại chỗ nào? Bệnh tại chỗ chẳng tự tin. Các ông nếu tự tin không đến thì mờ mờ mịt mịt, theo tất cả cảnh chuyên, bị muôn cảnh lôi kéo chẳng được tự do. Các ông nếu hay dứt hết được niệm niệm tâm tìm cầu, bèn cùng Phật tổ không khác.

Người thời nay học đạo không được tự do tự tại, không được kiến giải chân chánh, lỗi tại chỗ nào, bệnh tại chỗ nào? Bệnh tại chỗ không tự tin ông Phật của mình. Tu hành được tự do hay mất tự do, gốc ở chỗ tin được Phật của mình hay

không. Nếu tin được thì làm chủ được, tức là được tự do mà tự do là gốc giải thoát. Nếu không tin được thì bị ngoại cảnh chuyên, tức là mất tự do. Chỉ cần dừng tâm vọng niệm chạy tìm kiếm đầu này đầu kia thì cùng Phật tổ không khác. Ngài chỉ cho chúng ta tường tận không giấu giếm.

Các ông muốn được biết Phật tổ chẳng? Chỉ ở trước mặt các ông hiện nghe pháp. Người học đạo tin chẳng đến, liền hướng bên ngoài tìm cầu. Giả sử cầu được đều là tướng thù thắng của văn tự, trọn không tìm được ý của Phật tổ sống. Chớ lầm!

Phật tổ ngay trước mặt, chính là ngay ở nơi người đang nghe pháp. Đó là Phật tổ. Dám nhận chưa? Tự tin chưa? Tổ Lâm Tế thiết tha muốn chúng ta nhận được con người thật, nên nhiều khi dường như ngài mạ lỵ những danh từ Niết-bàn, Bồ-đề v.v... Ngài muốn chúng ta thấy được Phật sống, Phật hiện hữu, không muốn cho mình nhận Phật trên danh từ chữ nghĩa. Ngài chỉ dạy rõ ràng Phật tổ không ở đâu xa, ngay nơi hiện tiền đang nghe pháp. Đây là chỗ nhưng người học đạo tin không đến, bèn hướng bên ngoài tìm Phật tìm tổ. Dù cầu được đều là tướng thù thắng của văn tự, không phải cầu được Phật thật, trọn không được ý của Tổ.

Phật tổ sống chính là người đang nghe pháp, phải khéo nhận thấy Phật của mình thường trực không vắng lúc nào. Nếu không khéo thì thấy có một tí vàng rồi cho cả thau cát đều là vàng, đó là nhận lầm. Hoặc trong thau cát có vài ba điểm vàng, nhưng vì thấy cát nhiều quá nên đổ bỏ hết.

Chư Thiên đức! Lúc này không gặp thì muôn kiếp ngàn đời luân hồi trong tam giới, chạy theo cảnh ưa thích bị dẫn dụ sanh vào bụng lừa bụng trâu.

Nếu không tin nổi Phật của mình, chạy theo ngoại cảnh bị cảnh sắc đẹp mê hoặc lôi dẫn vào trong bụng lừa bụng trâu.

Này Đạo lưu! Như chỗ thấy của Sơn tăng cùng Phật Thích-ca không khác. Hiện nay nhiều thứ thần dụng, thiếu khuyết cái gì? Sáu đạo thần quang chưa từng cách dứt. Nếu hay thấy được như thế, chỉ một đời làm người vô sự. Đại đức! Ba cõi không yên như trong nhà lửa, đây không phải chỗ các ông dừng ở lâu. Quý vô thường giết người trong khoảnh khắc không chọn lựa người sang kẻ hèn, người già kẻ trẻ.

Ngài dám nói chính cái thấy của mình cùng Phật không khác, vì sao? Nơi ngài suốt mười hai năm tâm không động, nơi sáu căn đều thấy đó là lục thần thông. Sáu đạo thần quang là ánh sáng thần chưa bao giờ gián đoạn thôi dứt. Người thấy được như thế thì chỉ ngay đời này làm người vô sự. Ba cõi này không yên như trong nhà lửa, đây không phải là chỗ chúng ta dừng trụ lâu. Quý vô thường giết người trong khoảng sát-na, luôn luôn đuổi theo, không lựa bỏ ai hết, già trẻ cũng bắt, quý tiện cũng giết.

Các ông muốn cùng với Phật tổ không khác, chỉ chớ tìm cầu bên ngoài. Trên một tâm niệm sáng suốt thanh tịnh của ông là Phật pháp thân trong nhà ông. Trên một tâm niệm sáng suốt không phân biệt của ông đó là Phật bao thân trong nhà ông. Trên một tâm niệm sáng suốt không sai biệt của ông, là Phật hóa thân

trong nhà ông. Ba thứ thân này là người hiện nay nghe pháp trước mặt các ông đó. Chỉ không hướng bên ngoài tìm cầu liền có công dụng này.

Nếu muốn cùng với Phật tổ không khác, đừng tìm kiếm bên ngoài. Tâm niệm thanh tịnh sáng suốt là Phật pháp thân, tìm đâu chỉ cho xa. Tâm niệm không phân biệt sáng suốt thanh tịnh là Phật báo thân. Tâm niệm không sai biệt sáng suốt là Phật hóa thân. Ngay nơi mỗi chúng ta có đủ cả Phật pháp thân, Phật báo thân, Phật hóa thân. Ba ông Phật này chính là người biết nghe pháp hiện diện trước mặt chúng ta chứ không ở đâu xa. Vậy thì lo cái gì, buồn cái gì, kiếm cái gì? Sao không tự tin mình thành Phật? Ba ông Phật ngồi sờ sờ đó mà không tin là sao? Chỉ cần không hướng ngoại tìm kiếm, liền có công dụng này. Ngài Lâm Tế nhiệt tình không giấu giếm chỉ thẳng cho chúng ta thấy.

Cứ theo các nhà kinh luận lấy ba loại thân làm phép tắc cùng tốt, còn chỗ thấy của Sơn tăng thì không như thế. Ba loại thân này chỉ là danh ngôn, cũng là ba loại nương tựa. Người xưa nói: “Thân nương nơi nghĩa mà lập, cội y cứ nơi thể mà luận, pháp tánh thân, pháp tánh độ, rõ biết là quang ảnh (bóng sáng).”

Theo các nhà kinh luận lấy ba thân làm phép tắc cùng tốt, còn chỗ thấy của ngài thì không phải như vậy, vì ba thân ấy chỉ là danh ngôn, cũng là ba thứ nương tựa. Cổ nhân nói rằng thân y nơi nghĩa mà lập, cội nước thì căn cứ nơi thể mà bàn, biết thân pháp tánh cội pháp tánh chỉ là bóng sáng (quang ảnh) thôi chứ không phải thật.

Này Đại đức! Các ông hãy nhận biết người đùa quang ảnh ấy là bản nguyên của chư Phật, tất cả chỗ là chỗ các ông về nhà.

Nói rằng thân pháp tánh, cội pháp tánh v.v... chỉ là quang ảnh, nhận ra người đùa giống với quang ảnh là điều quan trọng. Đó là bản nguyên của chư Phật, là tất cả chỗ nơi, là nhà để chúng ta trở về.

Sắc thân tứ đại của các ông không biết nói pháp, nghe pháp. Gan mật phèo phổi không biết nói pháp, nghe pháp. Hư không không biết nói pháp, nghe pháp. Như vậy cái gì biết nói pháp và nghe pháp? Là cái rõ ràng trước mặt ông, một cái riêng sáng suốt, cái này biết nói pháp và biết nghe pháp.

Nếu thấy được như thế liền cùng Phật tổ không khác.

Trong thân chúng ta đất nước gió lửa biết nói pháp và nghe pháp không? Thí dụ nơi lỗ tai, căn cứ vào phần da thịt và máu thì thuộc về tứ đại, tứ đại của tai không nghe pháp được, mà nghe pháp là hẳn phải có cái gì trong đó. Cũng như thân tứ đại của tôi không nói pháp được. Nếu cứ nhận da thịt máu mủ, tứ đại này là mình, rồi phải theo chúng hoại diệt. Nhận được tánh biết nói, biết nghe... rõ ràng sáng suốt mới không bao giờ tan hoại.

Ngài dạy rõ sắc thân tứ đại không biết nói pháp, nghe pháp. Hư không cũng không biết nói pháp nghe pháp. Cái riêng sáng rõ ràng ở trước mắt các ông mới biết nói pháp, biết nghe pháp. Phải nhận ra cái đó, nếu không nhận ra thì uống

phí một đời. Người nào nhận ra được thì cùng Phật tổ không khác, khỏi tìm kiếm Phật tổ đâu xa.

Chỉ trong tất cả thời lại chờ cho gián đoạn, chạm mắt đều phải. Chỉ vì tình sanh thì trí cách, tưởng biến thì thể sai khác, cho nên luân hồi trong ba cõi chịu các thứ khổ. Theo chỗ thấy của Sơn tăng, thấy đều là thậm thâm, thấy đều là giải thoát.

Nhận ra cái đó rồi, cốt yếu làm sao trong tất cả thời đi đứng nằm ngồi dừng cho gián đoạn, dừng cho những vọng tưởng phân biệt chen vô làm gián cách. Nếu vậy thì không còn nghiệp nào lôi người đó được. Đó là chỗ đặc biệt, là ý chỉ tu hành.

Thiên tông cốt chỉ cho chúng ta nhận ra cái đó, nhận ra và sống được như vậy rồi tức là một đời giải quyết xong, không còn lo sợ. Như vậy thì chạm mắt đều là phải, cái gì cũng sờ sờ trước mắt hết.

Tình vừa dấy lên thì trí bị cách ngại, vọng tưởng vừa biến hiện thì thể đã khác đi, lỗi tại chỗ đó. Nếu tình không sanh thì trí đâu bị cách trở, nếu tưởng không dấy lên thì thể hiện hoàn toàn. Tình sanh tưởng dấy thì luân hồi trong tam giới, chịu các thứ khổ.

Những lời nói này thiết yếu làm sao! Chúng ta nghe nhận được lý này rồi thì thấy việc tu không xa lạ, rõ ràng trước mắt, không còn chút gì ngờ vực.

Nhắm vào chỗ *thấy của Sơn tăng thì thấy đều là rất sâu, thấy đều là giải thoát*. Như vậy người nào tình không sanh, tưởng không dấy thì người đó ở đâu cũng là thậm thâm, ở

đâu cũng là giải thoát, không phải tìm tới cõi này cõi kia mới là thậm thâm, mới là giải thoát.

Này Đạo lưu, tâm pháp vô hình thông suốt cả mười phương, ở mắt gọi là thấy, ở tai gọi là nghe, ở mũi ngửi mùi, ở lưỡi nói bàn, ở tay thì nắm bắt, ở chân thì đi chạy, vốn là một tinh minh mà phân thành sáu hòa hợp.

Tâm pháp chính là chỗ ngài chỉ dạy, cái đó không hình mà thông suốt cả mười phương. Ở tại mắt thì gọi là thấy, ở tại tai gọi là nghe, ở tại mũi gọi là ngửi mùi, ở tại lưỡi là đàm luận, ở tại tay là nắm bắt, ở tại chân thì bước đi vận dụng. Vốn là một tinh minh phân thành sáu hòa hợp. Kinh Lăng-nghiêm nói, chỉ là một chân tâm minh tịnh vì ứng hợp sáu căn nên gọi là sáu hòa hợp.

Một tâm đã không, tùy chỗ giải thoát. Sơn tăng nói thế ấy, ý tại chỗ nào? Chỉ vì tất cả các ông chạy tìm tâm không thể dừng, leo lên cơ cảnh nhàn của người xưa.

Nếu một tâm đã không, tức là không có tâm niệm dấy lên, thì chỗ nào cũng là chỗ giải thoát. Sở dĩ chúng ta tu mà không giải thoát vì tâm lăng xăng chạy tìm bên này bên kia không thôi dứt, chạy lên trên cơ cảnh nhàn của cổ nhân. Cơ cảnh nhàn tức là những sách vở, danh từ của người xưa; chỉ một bề bám vào đó không chịu nhận lấy cái của mình.

Này Đạo lưu, nhận lấy chỗ thấy của Sơn tăng, ngồi chặt đầu Phật báo và hóa. Hàng Thập địa mãn tâm giống như người khách. Đăng giác Diệu giác như kẻ

mang gông, La-hán Bích-chi như đồ xí uế, Bồ-đề Niết-bàn như cọc cột lửa.

Chỗ này ngài nói quá mạnh, người thường nghe chịu không nổi. Tại sao ngài dám nói như vậy? Bởi vì chúng ta cứ một bề chạy theo danh từ, nghe nói Thập địa thì học thuộc lòng: Sơ địa là gì, Nhị địa là gì,... cho tới Thập địa. Học thuộc lâu rồi suy nghĩ, địa này như thế nào, địa kia như thế nào. Chỉ học suông trên danh từ mà không thật chứng. Cho đến Đẳng giác, Diệu giác cũng thế, cứ ôm một mớ danh từ, ý nghĩa suy luận mà không ngộ được Phật thật.

Càng nhiều danh từ chừng nào thì càng mang gông cùm nhiều chừng nấy. Mang danh từ Phật, Niết-bàn, Bồ-đề rồi loạn tưởng, chứ không thành Bồ-đề Niết-bàn.

Người học Phật pháp, dù hiểu thông suốt nói thao thao cũng không giải thoát được. Chỉ bật hết những vọng tưởng, sống với Phật thật của mình mới giải thoát.

Như cứ nói ba thân Phật: pháp thân, báo thân, hóa thân. Pháp thân nghĩa là gì, báo thân nghĩa là gì, hóa thân nghĩa là gì... Chấp vào Phật danh từ là quên mất Phật thật, chỉ bằng chỉ một tâm thanh tịnh sáng suốt, đã đủ ba thân Phật; đó mới là Phật thật. Tổ Lâm Tế không đành lòng thấy lối học từ chương như vậy, nên ngài dùng những danh từ mạnh mẽ, dám nói Đẳng giác Diệu giác như là gông cùm. Lối nói của ngài cùng với ngài Đức Sơn, đều là vì nóng lòng thương xót cho sự khờ dại của chúng ta. Cái thật mà không chịu thấy không chịu nhận, cứ chạy theo danh từ.

Trong nhà thiền kể chuyện Tứ Tổ đi đến chỗ ngài Ngưu Đầu Pháp Dung, thấy chung quanh toàn là cọc sỏi nằm đứng

lãng xãng. Tổ đưa tay lên làm thế sợ, ngài Pháp Dung ra về tự đắc hỏi: Ngài vẫn còn cái đó sao? Tổ liền hỏi: Cái đó là cái gì? Ngài Pháp Dung không đáp được. Lát sau đến phiên đá Pháp Dung ngồi, Tứ Tổ vẽ chữ Phật to tướng, Pháp Dung nhìn thấy giật mình, Tổ hỏi: Ông vẫn còn cái đó sao? Ngụ ý chuyện này nói Phật sống thì quên, còn Phật chữ thì lại nhớ. Sợ Phật chữ mà quên Phật sống của mình, khổ chưa?

Chúng ta cũng vậy, cả ngày tìm Phật bên ngoài, nghe trên núi nào có khối đá giống Phật, cũng chạy đến đó lễ bái cầu Phật, mà Phật của mình thì bỏ quên. Các Tổ thường nói vác Phật tìm Phật là như thế. Chỉ bằng trực ngộ được Phật của mình, Phật đó mới là Phật thật.

Đâu phải riêng các Tổ, chính trong kinh Pháp Hoa, Bồ-tát Thường Bất Khinh cũng làm như vậy, ngài thường nói các ông sẽ làm Phật, có khả năng làm Phật, tôi không dám khinh các ông. Chỉ cần nói như vậy để mọi người tin được Phật của họ, đó là trách nhiệm thiết yếu của người truyền đạo giác ngộ.

Tại sao như thế? Chỉ vì các ông không thấu được ba kỳ kiếp là không, nên có chương ngại này. Nếu là đạo nhân chân chánh trọn chẳng như thế, chỉ “tùy duyên tiêu nghiệp cũ, hồn nhiên mặc áo xiêm”, cần đi thì đi, cần ngồi thì ngồi, tâm không một niệm mong cầu quả Phật. Vì sao như thế? Cổ nhân nói: Nếu muốn tạo nghiệp cầu Phật, Phật là điềm lớn sanh tử.

Chúng ta nghe nói tu muốn thành Phật phải trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp, thấy dài đằng đẳng. Tu hành đời này một ít đời sau một ít, gom góp thời gian lâu xa mới thành Phật, đó

là thấy thật có kiếp số. Nếu đạt được ba a-tăng-kỳ kiếp tự tánh là không, chỉ Phật hiện tại sống đây mới là thật, nhận được vậy thì còn gì chướng ngại.

Bậc đạo nhân chân chánh chỉ tùy duyên tiêu nghiệp cũ, hồn nhiên mặc áo xiêm. Thấy Phật của mình rồi thì đi đứng nằm ngồi đều có Phật, thiếu thốn chỗ nào? Cần đi liền đi, cần ngồi liền ngồi, không một niệm tâm mong cầu Phật quả. Vì sao nói nếu muốn tạo nghiệp cầu làm Phật, Phật ấy là diêm lớn sanh tử? Vì còn khởi tâm mong cầu, dù cầu làm Phật cũng là còn tạo tác chưa được chỗ thôi dứt.

Này Đại đức, thời giờ đáng tiếc, chỉ nghĩ đến nhà bên lăng xăng học thiền học đạo nhận danh nhận cú, cầu Phật cầu tổ cầu thiện tri thức, chớ lăm như vậy.

Trước ngài chỉ thẳng rồi, giờ mới khuyên: Thời giờ đáng tiếc, chỉ toan chạy ra bên ngoài lăng xăng học thiền học đạo, nhận danh nhận cú, cầu Phật cầu Tổ cầu thiện tri thức, chớ lăm.

Này Đạo lưu, các ông chỉ có một cha mẹ lại còn cầu vật gì? Các ông tự phản chiếu xem. Người xưa nói: Diễn-nhã-đạt-đa quên mất đầu, tâm cầu dứt sạch liền vô sự.

Cha mẹ là gì? Cha mẹ là người nói pháp nghe pháp sẵn đó, còn cầu gì bên ngoài nữa! Ngài nhắc chúng ta phản chiếu nhìn lại mình để thấy bộ mặt thật. Đây dẫn hai câu thơ của cổ đức: *Diễn-nhã-đạt-đa thất khước đầu, cầu tâm kiệt xứ tức vô sự.*

Trong kinh Lăng-nghiêm nói thí dụ về Diễn-nhã-đạt-đa soi gương. Chàng Diễn-nhã-đạt-đa soi gương, thấy đầu mặt

trong gương cho là đầu mặt thật. Úp gương lại không thấy đầu mặt, hoảng hốt chạy điên cuồng suốt ngày, nói “tôi mất đầu”. Làm sao cứu anh ta? Chỉ cần đừng nhận đầu mặt trong gương là thật, nhìn lại thì đầu mình sờ sờ đó chứ gì. Vì chấp đầu mình ở trong gương, nên nói đầu thật mất. Thí dụ này hay đáo để. Lúc xưa tôi cho rằng việc đó vô lý, ai mà nhìn bóng trong gương mà quên cái đầu thật của mình? Nhưng thật là đúng như vậy. Mỗi khi chúng ta khởi nghĩ, đều chấp cái nghĩ đó là mình, khi không nghĩ thì nói là mất, chẳng khác nào anh chàng nhìn bóng trong gương chấp đó là đầu thật của mình.

Ngài nhắc chúng ta nhớ kỹ đừng chạy theo bóng. Vọng tưởng là ảo ảnh, là bóng dáng không thật, chấp nó là mình, thật là đau khổ vô cùng. Phật dạy tu là lặng đi những bóng dáng ảo tưởng đó, vừa chạy theo nó là chướng ngại cái thật của mình. Tham thiền, niệm Phật, trì chú... để không theo vọng tưởng. Khi vọng tưởng không còn thì cái đầu sờ sờ, bản lai diện mục ngay đó, thành người vô sự.

Này Đại đức, cần yếu bình thường, chớ tạo hình thức. Có một bọn tứ trọc không biết tốt xấu, cho rằng thấy thần thấy quỷ, chỉ đông vẽ tây, thích tạnh thích mưa. Bọn như thế đáng quả trách, có ngày đến trước lão Diêm vương bị nuốt hoàn sắt nóng. Kẻ nam nữ tốt nhà người bị bọn dã hồ tinh mị này mê hoặc liên tác quái, làm mù mắt người, có ngày bị đòi tiền cơm.

Ngài dạy chúng ta tu cần phải bình thường, đừng làm kiểu cọ hình thức, ra vẻ nghiêm chỉnh, ra vẻ ta đây người đạo đức. Đừng bắt chước theo một nhóm tứ trọc, không biết tốt xấu mà bày chuyện thần chuyện quỷ, chỉ đông vẽ tây, nói

chuyện linh thiêng trời đất. Thiếu nợ đàn-na thí chủ, có ngày xuống Diêm vương bị nuốt hoàn sắt nóng. Làm cho những Phật tử tốt bị mê hoặc, sanh những chướng ngại. Làm mù mắt người như vậy, sau này có ngày bị đòi nợ cơm nợ tiền chứ không khỏi.

Đoạn này tổ Lâm Tế thật là thiết tha, chỉ dạy chúng ta cái gì thật, cái gì không thật. Chúng ta quen sống với cái không thật, sống theo kiểu Diễn-nhã-đạt-đa, cứ lo mất đầu khóc lên khóc xuống, chạy theo danh từ Phật, danh từ Niết-bàn, danh từ Bồ-đề. Mở miệng thì bao nhiêu danh từ nói không ngừng, mà Bồ-đề cũng không thấy, Niết-bàn cũng không nhận ra. Chỉ vì quen trôi mình trong vọng tưởng, trôi mình trong danh từ ngôn ngữ, không nhận được cái thật sờ sờ trước mắt. Tổ đã thấy rồi nên không nỡ để cho mình không thấy, buộc lòng phải dùng những lời lẽ mạnh phá chấp để giúp chúng ta thấy được cái thật, nếu không thì cứ mê muội lầm lẫn từ đời này sang kiếp nọ khổ sở không cùng. Lòng từ bi thiết tha của ngài dào dạt như vậy, tuy có những lời nói nặng nhưng làm cho chúng ta thức tỉnh, đó là lòng từ bi chứ không phải người ngạo mạn ác khẩu.

Sư dạy chúng:

- Nay Đạo lưu, thiết yếu tìm lấy kiến giải chân chánh, dọc ngang trong thiên hạ, khỏi bị bọn yêu tinh hoặc loạn, vô sự là người quý, chớ tạo tác, chỉ là bình thường.

Ngài nhắc mãi chỗ này, cần phải có một kiến giải chân chánh, dọc ngang trong thiên hạ khỏi bị những bọn tinh mị hoặc loạn làm mê lầm mình. Thí dụ người không hiểu đạo

đúng đắn thì nghe ai nói tu ba tháng đắc đạo liền đen cầu khẩn.

Người vô sự mới thật là người quý, vô sự đây không phải là ngồi không. Vô sự là đi đứng nằm ngồi, nói nín, qua lại, tâm đều như như. Được vậy mới thật là người rất quý. Nghe nói *Chớ tạo tác* đừng nghĩ là không làm gì hết, mà là luôn luôn giữ tâm bình thường khi làm việc.

Các ông toan hướng nhà bên cầu vượt qua, tìm dấu tích, ấy là đã lầm rồi vậy. Chỉ nghĩ cầu Phật, Phật là danh cú, các ông lại biết tìm cầu chăng? Ba đời mười phương Phật tổ ra đời cũng chỉ vì cầu pháp. Như nay Đạo lưu tham học cũng chỉ vì cầu pháp, được pháp mới xong, chưa được thì vẫn như trước bị luân hồi trong năm đường.

Ba đời chư Phật chư tổ ra đời cũng đều vì cầu pháp, bây giờ chúng ta tu cũng là vì cầu pháp. Nếu được pháp thì xong việc, nếu chưa được pháp thì vẫn như xưa, luân hồi trong ngũ đạo.

Thế nào là pháp? Pháp là tâm pháp. Tâm pháp không hình tướng thấu suốt cả mười phương, hiện dụng ở trước mắt. Bởi vì người tin không đến bèn nhận danh nhận cú, hướng vào trong văn tự tìm cầu suy lường Phật pháp, thật cách xa trời đất.

Tâm pháp ấy không có hình tướng mà đầy khắp mười phương, hiện giờ ở trước mắt chúng ta. Chúng ta không nhận ra mà chạy tìm danh tìm tự, tìm Phật tìm tổ ở đâu đâu, thật là cách xa trời đất.

Này Đạo lưu, Sơn tăng nói pháp là nói pháp gì? Nói pháp tâm địa, bèn hay vào phạm vào thánh, vào tịnh vào uế, vào chân vào tục. Nhưng chẳng phải là phạm thánh chân tục của ông, mà hay đặt tên phạm thánh chân tục. Phạm thánh chân tục cùng người này an bài danh tự chẳng được.

Ngài nói pháp tâm địa, hay vào phạm vào thánh vào tịnh vào uế vào chân vào tục. Pháp này không phải phạm thánh chân tục, mà lại hay đặt tên phạm thánh chân tục... Người biết nghe pháp nói pháp, không thể đặt tên phạm thánh chân tục... cho người đó được.

Này Đạo lưu, nắm được liền dùng chẳng mắc danh tự, gọi đó là huyền chỉ. Sơn tăng nói pháp cùng mọi người có khác. Như có Văn-thù Phổ Hiền xuất hiện trước mắt, mỗi vị hiện một thân hỏi pháp, vừa nói “Hòa thượng” thì ta sớm đã biết rõ vậy. Lão tăng ngồi yên, lại có Đạo lưu đến gặp, ta đã trọn biết rõ. Tại sao như thế? Chỉ vì chỗ thấy của ta khác, ngoài chẳng nhận phạm thánh, trong chẳng trụ căn bản, thấy suốt chẳng còn nghi lẫm.

Người nhận được pháp đó liền ứng dụng, không chấp trước danh tự. Chỗ đó không có tên không có tuổi, không có gì cả, nhận được thì được huyền chỉ.

Ngài nói pháp mà thánh đến ngài cũng biết, phạm đến ngài cũng biết rành rẽ không ngờ vực, tại sao? Chỉ vì chỗ thấy của ngài khác, ngoài không chấp phạm thánh, trong không trụ căn bản tức là không kìm tâm. Tâm như như nên

thấy suốt thấy tốt không nghi ngờ. Chúng ta bây giờ sợ dĩ nghi lầm là tại suy nghĩ phân biệt.

Ông già này nói khó quá, nhưng đây là món quà chót của ba năm, phải chỉ thẳng để nắm vững những gì Tổ, Phật đã dạy. Nếu không học chỗ này chúng ta tu cứ ngỡ vực không biết cái nào tà cái nào chánh, lo sợ không biết mình tu được hay không. Nếu người nào khéo nhận khéo thấy và khéo tu, thì có thể nói rằng rất là an ổn. Ngay nơi mình có niềm tin vững chắc, tin đến tận nơi.

Sư dạy chúng:

- Nay Đạo lưu, Phật pháp không có chỗ dụng công, chỉ là bình thường vô sự. Đi đại đi tiểu, mặc áo ăn cơm, nhọc đến thì nằm. Kẻ ngu cười ta, người trí biết ta.

Phật pháp không có chỗ dụng công, chỉ là bình thường vô sự. Trong tất cả hành động không cần nghĩ suy, đói đến thì ăn, mệt đến thì nằm. Người ngu thấy vậy thì cười, nhưng người trí thấy vậy thì biết.

Pháp tu thiên này khó thật là khó, bởi vì đa số nhìn vào hình thức mà đánh giá người tu. Còn ở đây thì ngài nói khác, bảo chúng ta giữ tâm bình thường vô sự, không cần dụng công gì hết.

Trong hội Lâm Tế, một hôm Vương thường thị đến thăm viện của ngài. Ông vào tăng đường nhìn xem xong bèn hỏi: Tăng cả nhà này có xem kinh chẳng? Ngài đáp: Chẳng xem kinh. Hỏi: Lại học thiên chẳng? Ngài đáp: Chẳng học thiên. Hỏi: Kinh đã chẳng xem, thiên lại chẳng học, cứu cánh làm việc gì? Ngài đáp: Thấy dạy y làm Phật làm Tổ.

Đường lối ngài Lâm Tế là vậy, chỉ nhắm vào yếu điểm “bình thường tâm”. Ngài Nam Tuyền cũng nói “Bình thường tâm thị đạo”. Nhiều người nghe nói tâm bình thường, tưởng là tâm đều đều như vậy, đó là lầm. Tâm bình thường là không có vọng tưởng, thấy cảnh không theo cảnh, nghe tiếng không chạy theo tiếng, đó mới gọi là bình thường tâm.

Trong tất cả thời đều là đạo, đi đứng nằm ngồi đều là đạo. Người tu được như vậy thì đói đến ăn, mệt đến ngủ, không có gì quan trọng. Nếu tâm còn lao chao, còn duyên cảnh mà đói đến ăn, mệt đến ngủ, thì sao? Đó là người phóng túng buông lung. Bây giờ có một ít người tâm vọng động cả ngày cũng bắt chước câu “đói ăn mệt ngủ”, kiểu đó thì tu hàng trăm a-tăng-kỳ kiếp cũng không thành Phật. Phải biết khi nào tâm bình thường như vậy, hanh động nào cũng là đạo; nếu chưa bình thường phải chịu khó ngồi thiền, lễ Phật, tụng kinh.

Người xưa nói: “Làm công phu bên ngoài, thả là kẻ ngu si.” Các ông phải tùy thời làm chủ, ngay đó đều chân, cảnh đến lôi kéo chẳng được, dù có tập khí nghiệp địa ngục vô gián, tự chuyển thành biển lớn giải thoát.

Hướng ngoài tạo công phu tức tạo hình thức tỏ ra mình tu hành, như thế đều là kẻ si, không phải người đạt đạo. Tùy chỗ làm chủ tức là đi đâu chúng ta cũng luôn luôn làm chủ, tâm không chạy theo cảnh, không duyên theo sáu trần, chỗ nào không phải là chân.

Thí dụ nghe người nói một vài câu chọc tức mà mình vẫn an nhiên tự tại thì cảnh không lôi nổi, còn nếu nổi nóng thì

đã bị cảnh lôi. Khi tâm bình thường, làm chủ được như vậy, dù thuở trước có tạo nghiệp ngũ vô gián, tập khí còn, cũng biến thành biển đại giải thoát.

Nếu chúng ta sống được với thể bất sanh bất diệt là vượt ra ngoài nghiệp, không còn thấy có nam nữ, có thiện ác, có phải quấy... thì còn nghiệp nào lôi mình được. Đó là hiện tại giải thoát, nếu cứ hằng sống mãi mãi như thế không gián đoạn, lo gì không ra khỏi sanh tử đến Niết-bàn an vui.

Học giả thời nay thấy đều không biết pháp, giống như con dê, mũi chạm vật gì liền dõp vào miệng, không biện tứ thầy, chẳng rành chủ khách. Người như thế tâm tà vào đạo, gặp chỗ ồn liền vào, không được gọi là người chân chánh xuất gia, mà chính là chân tục gia.

Học giả thời nay thấy đều không biết pháp, tức không biết tâm pháp đã nêu trên, bởi thế nên gặp gì cũng theo, chẳng khác nào con dê. Nghĩa là lỗ mũi gặp cái gì cũng hít, cũng liếm để vô miệng. Kể từ người sang không rõ, khách chủ đều không biết. Khách chủ ở đây là tâm chạy theo cảnh là bị khách lôi, tâm làm chủ trong tất cả thời là ông chủ hiện tiền. Người tu mà không phân biệt đâu là chủ đâu là khách thì gọi là tà tâm vào đạo, luôn chạy theo chỗ ồn náo, dù có tu bao nhiêu cũng thuộc vào hàng thế tục chứ không phải là chân chánh xuất gia.

Phàm người xuất gia phải biện rành kiến giải chân chánh bình thường, biện được Phật biện được ma, biện được chân biện được ngụy, biện được phàm biện được thánh. Nếu biện được như thế gọi là chân xuất

gia. Nếu ma Phật không phân biệt được, chính là xuất nhà này vào nhà kia, gọi là chúng sanh tạo nghiệp, chưa được gọi là chân xuất gia.

Xuất gia là giải thoát khỏi ba cõi, nếu ma Phật không biện được, chính là bỏ nhà thế gian vào nhà chùa, cũng là lẫn lộn. Đa số chúng ta xuất gia bỏ nhà này vào nhà kia, trên thì cha mẹ dưới là anh em, rồi vào chùa cũng vậy, trên thì thầy, dưới thì huynh đệ, rồi cũng anh em bác chú, giận hờn phiền não nhau, không ra khỏi nhà phiền não. Như thế gọi là chúng sanh tạo nghiệp, chưa được gọi là người chân xuất gia.

Ma Phật không phân biệt, như chúng ta nghe lời đồng bóng nói gì hơi linh thiêng liền chạy tới cầu, coi thử số phận mình ra sao. Như vậy có phân biệt chân nguy hay không? Ma cũng theo Phật cũng cầu, không bao giờ giải thoát nổi. Ngài nói quả quyết đó là chúng sanh tạo nghiệp.

Chỉ như hiện nay có một cái ma Phật đồng thể chẳng phân, như sữa với nước hòa, ngỗng chúa uống sữa. Như Đạo lưu mắt sáng, ma Phật đều đánh. Ông nếu yêu thánh ghét phàm, chìm nổi trong biển sanh tử.

Ngài nói như vậy, người nghe không biết sao mà tu. Ở trên bảo phải phân biệt rành đâu là Phật đâu là ma, đừng lẫn lộn. Nhưng đây lại nói đến ma Phật đồng thể như sữa hòa với nước. Trong cái hỗn độn ma Phật khó phân đó, hàng Đạo lưu mắt sáng thấy ma đập ma, thấy Phật đuổi Phật.

Đây là chỉ thẳng cho những người chuyên tu về thiên tông. Trong nhà thiên khi nói về chỗ hỗn độn ma Phật không

phân là chỉ cho trong tâm chân vọng không phân, hay là tà chánh không phân. Khi niệm tà dấy lên thì đuổi, niệm chánh dấy lên cũng đuổi luôn. Nếu đuổi niệm tà giữ niệm chánh thì cũng còn động niệm còn chìm nổi trong biển sanh tử. Đây chẳng những chỉ cho ma Phật trong tâm mà ngay cả khi ngồi thiền giả sử thấy Phật hiện cũng không chấp nhận, thấy ma hiện cũng không sợ.

Nếu thấy ma hiện thì sợ đuổi nó, thấy Phật hiện mừng quá thì có lỗi không? Cũng là cuồng vọng. Ma muốn thử chúng ta nên hiện tướng dữ, nếu tướng dữ mình biết không lầm, nó liền hiện tướng lành tức là giả thân Phật, nếu mình chấp nhận thì cũng lạc về ma.

Câu chuyện tổ Ưu-ba-cúc-đa, sau khi hàng phục ma Ba-tuần, ngài bảo nó: Xưa người thường thấy đức Thế Tôn tại tiền, giờ đây hiện thử cho ta xem.

Vua ma thưa: Hiện việc xưa không khó, chỉ xin Tôn giả trông thấy đừng đánh lẽ.

Ngài hứa xong thì thấy từ trong rừng đức Phật đi ra, hào quang sáng rõ, theo sau là một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo. Ngài vừa trông thấy bất giác sụp xuống lạy, ma hoảng kinh biến mất.

Chính Tổ biết trước mà còn bị xúc cảm, huống nữa chúng ta. Đang ngồi thiền khởi tâm, tự nhiên muốn thấy Phật, ma hiện hình Phật, lúc đó mình bị lôi trong ma cảnh. Các nhà học Phật giải thích rằng ma quỷ không thấy hình thể, chỉ thấy bằng tâm niệm. Tâm niệm mình có dấy động thì nó thấy, còn không dấy thì nó không thấy. Chư tổ dạy chúng ta phải dè dặt đừng cho tâm mình xen hở, tâm vừa nghĩ bậy thì ma

quỷ thấy liền phỉ nhổ vô mặt mình. Biet tu rồi phải cẩn thận từng tâm niệm mới thật là tu.

Có vị thiên sư cả ngày đi đứng nằm ngồi đều thanh tịnh. Thổ thần nơi đó muốn đánh lễ ngài mà tìm hoài không thấy. Hôm đó thị giả bưng mâm cơm làm rót đồ, ngài động tâm quở thị giả: Cửa đàn-na thí chủ làm vậy hao tổn của người ta. Vừa nói câu đó thì thổ thần quỳ trước mặt ngài thưa: Con lâu nay tìm Hòa thượng không thấy, hôm nay con mới thấy Hòa thượng. Rồi thổ thần đánh lễ.

Thiên sư Đạo Ứng lúc tu trên núi, trải qua tuần nhật không xuống trai đường. Ngài Động Sơn kêu hỏi: Tại sao mấy hôm rồi ông không xuống đây thọ trai? Sư thưa: Mỗi ngày có chư thiên cúng dường. Ngài Động Sơn nói: Tôi thấy ông còn kiến giải, chiều rảnh xuống đây.

Chiều Sư đến, ngài Động Sơn gọi: Ứng am chủ! Sư dạ. Ngài Động Sơn bảo: Không nghĩ thiện không nghĩ ác là cái gì? Sư trở về ngồi yên lặng lẽ, chư thiên tìm mãi không thấy, ba bốn ngày mới thôi không cúng dường.

Điều này chứng minh rằng, chỗ tâm niệm còn dấy lên thì ma quỷ chư thiên còn thấy, tâm niệm thật thanh tịnh thì tìm không ra. Nhiều khi chúng ta cho rằng ngồi thiền im lặng như chết, tu như vậy thấy không có ích lợi, phải hoạt động này kia có phước hơn. Sự thật chúng ta ngồi thiền để dòng tâm niệm lặng xuống, trở về thể thanh tịnh mới thật là chân giải thoát.

Hỏi: - Thế nào là Phật là ma?

Sư đáp: - Ông chỗ dấy lên một niệm tâm nghi ấy là ma. Ông nếu đạt được muôn pháp vô sanh, tâm như

huyền hóa, lại không có một trần một pháp, chỗ chỗ đều thanh tịnh ấy là Phật. Nhưng Phật cùng ma là hai cảnh tịnh nhiễm. Theo chỗ thấy của Sơn tăng, không Phật không chúng sanh, không xưa không nay, được đó liền được, chẳng trải qua thời tiết, không tu không chứng không được không mất, trong tất cả thời lại không có một pháp riêng. Dù có một pháp mà hơn cái này, ta nói cũng như mộng như hóa. Chỗ nói của Sơn tăng đều là vậy.

Một niệm tâm vừa dấy lên nghi ngờ, đó là ma. Thấu đạt muôn pháp vô sanh, tâm như huyền hóa, chỗ chỗ là Phật. Nghĩa là không thấy có một pháp thật, nơi nơi tâm mình vẫn thanh tịnh.

Phật cùng ma là hai cảnh tịnh nhiễm, nhưng theo chỗ thấy của ngài thì không Phật không chúng sanh, không xưa không nay, được đó liền được... Tại sao thấy không Phật, không chúng sanh, không xưa không nay, cho đến không tu không chứng, không được không mất?

Nếu tâm chúng ta thuần nhất không động chùng vài phút, lúc đó thấy có Phật có chúng sanh, có ma gì không? Vừa thấy có Phật, có chúng sanh là có động. Đó là một lẽ thật rõ ràng mà ít người tin nổi.

Như khi chúng ta đang ngồi thiền lặng lẽ yên tịnh bỗng chợt nhớ nghĩ mình đang tu cái gì đây, liền thấy có tu thì tâm có động, hoặc nhớ Phật tâm liền động. Nghe các vị thiền sư nói rằng không thấy có Phật có chúng sanh lại tưởng các ngài coi thường Phật. Thật sự không phải, bởi vì tâm của các ngài

đã thuần nhất thanh tịnh nên không khởi niệm nghĩ đến Phật, nghĩ đến chúng sanh; không nghĩ tức không thấy.

Ngài nói rằng *trong tất cả thời không có một pháp riêng*, tức là không có một pháp nào chen vô, đó thật là miên mật, thuần nhất thanh tịnh. Chúng ta sở dĩ thấy có Phật có chúng sanh đủ hết vì trong tâm cứ nghĩ nhớ liên miên, không được thuần nhất. Tâm chưa thanh tịnh thì có một pháp chen vào, dù là pháp thù thắng cũng đều như mộng.

Tương tự trong kinh Đại Bát-nhã, Phật nói giả sử có một pháp cao hơn Niết-bàn thì ta cũng vẫn nói nó như mộng như hóa. Tâm thanh tịnh không có một pháp chen vào là tâm Niết-bàn, sống như vậy là sống trong Niết-bàn, nên nói rằng Niết-bàn hiện tại, không cần tìm đâu xa. Chúng ta thường cứ mong cầu tu sao để đạt Niết-bàn, không biết rằng vừa khởi mong cầu là đã cách xa. Chư Phật chư tổ muốn dẹp tâm mong cầu nên nói:

Dù có pháp cao hơn Niết-bàn cũng như mộng như hóa.

Tăng Chí Đạo dẫn kinh Niết-bàn “Sanh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui”, tịch diệt là vui thì vui đó gọi là vui Niết-bàn. Ngài hỏi Lục Tổ: “Đã sanh diệt diệt rồi, thì còn cái gì mà vui?” Tưởng rằng nếu còn sanh diệt là còn có thân này, có thân có cảnh mới có vui, nếu sanh diệt diệt thì thân này diệt, còn gì nữa mà vui? Lục Tổ quả: “Ông học Phật mà có kiến chấp ngoại đạo.” Ngoại đạo quan niệm vui do tiếp xúc với ngoại cảnh. Vui của Niết-bàn không phải cái vui ồn náo cười đùa, mà khi tất cả những vọng tưởng lặng, tâm như như thanh tịnh, không còn một pháp sanh diệt nào chen trong đó. Đạt được thì hằng sống trong Niết-bàn, không cần tìm đâu xa hết, gọi là vô sanh nhẫn hay là thường trụ Niết-bàn, tự tánh

Niết-bàn. Sống trở về với tự tánh là hằng sống trong Niết-bàn.

Chúng ta không hiểu, cứ tưởng tượng cảnh Niết-bàn như thế này thế kia, càng tưởng tượng càng sai. Ngài nói dù có một pháp hơn cái này, ta cũng nói như huyễn như hóa, câu này rất quan trọng. Cái này là cái gì? Tức là cái chân thật bất sanh bất diệt, trong tất cả thời không thấy có một pháp khác, không có một niệm khác. Trong tất cả thời đi đứng nằm ngồi, suốt mười hai giờ không có một niệm khác, người được như vậy là hằng sống trong Niết-bàn, hằng dứt sanh tử, dù cho có những nghiệp chướng tập khí vô lượng kiếp cũng tan hết không còn.

Đó là sự thiết yếu trong đời tu, cho nên thật tình tu rồi chúng ta mới thấy, mới nhận được niềm tin lạ thường. Chúng ta tin được lời Phật lời tổ, hiện đời chúng ta có thể thấy được Niết-bàn, không phải đợi chết mới thấy. Ngài thật tình nói để cho chúng ta biết mà cố gắng tu, nói chỗ thấy của ngài như vậy đó, không Phật không chúng sanh, không xưa không nay, được đó thì liền được, không đợi tới phút giây nào hết.

Đạo lưu, hiện nay trước mắt, riêng sáng rõ lắng nghe, người này nơi nơi chẳng kẹt, thông suốt cả mười phương, tự tại trong ba cõi, vào tất cả cảnh sai biệt không bị lôi kéo, trong khoảng sát-na, thấu tột pháp giới. Gặp Phật thuyết Phật, gặp Tổ thuyết Tổ, gặp La-hán thuyết La-hán, gặp ngạ quỷ thuyết ngạ quỷ. Hưởng tất cả chỗ đạo khắp cõi nước giáo hóa chúng sanh mà chưa từng lìa một niệm, tùy xứ thanh tịnh, ánh sáng thấu mười phương, muon pháp nhất như.

Những diệu dụng ngài kể ra đây, gặp Phật nói chuyện Phật, gặp Tổ nói chuyện Tổ, gặp La-hán nói chuyện La-hán, đó là cái gì, của ai? Mỗi người chúng ta sẵn có rõ rõ trước mắt mà không ai nhìn ra, không ai nhận được.

Chính đó là cái hết sức quan trọng, thông suốt trong mười phương. Tất cả pháp đều nhất như, đó là cái sẵn có của tất cả. Đâu phải riêng tổ Lâm Tế có, mà tất cả chúng ta đều có, cái đó ở sờ sờ trước mặt, không ở đâu xa.

Này Đạo lưu, kẻ đại trượng phu ngày nay mới biết xưa nay vốn vô sự. Chỉ vì các ông tin chẳng đến, niệm niệm tìm cầu, bỏ đầu tìm đầu, tự không thể thôi.

Bây giờ mới biết mình xưa nay là vô sự. Ngài luôn luôn nhắc mãi câu *chỉ vì các ông tin chẳng đến*, rõ ràng nói vậy mà không chịu tin, tin không được, mới chạy đi tìm, bỏ đầu tìm đầu như Diễn-nhã-đạt-đa, không biết chừng nào mới thôi dứt.

Như hàng Bồ-tát viên đốn, vào pháp giới hiện thân, hưởng tịnh độ mà chán phàm ưa thánh. Bọn người như vậy chưa quên thủ xả, tâm nhiễm tịnh vẫn còn. Kiến giải của Thiên tông không phải như thế, chỉ ngay hiện tại lại không có thời tiết. Sơn tăng nói ra đều là một lúc thuốc bệnh trị nhau, trọn không có pháp thật. Nếu thấy được như thế mới là chân chánh xuất gia, một ngày tiêu muôn lượng vàng ròng.

Chính ngay đây, không có lúc nào khác, trọn không có pháp thật. Người được như vậy mới thật là người chân chánh xuất gia, một ngày có thể tiêu hết muôn lượng vàng ròng. Giả sử một ngày thí chủ cúng muôn lượng, tiêu hết cũng

không có tội; nếu không được như vậy thì một chén cơm của tín thí cũng vẫn còn thiếu nợ. Đó là chỗ đặc biệt.

Này Đạo lưu, chớ tùy tiện sẽ bị các bậc lão sư ẩn phá trên mặt. Nói rằng ta hiểu thiên hiểu đạo, biện luận thao thao như nước chảy, đều là tạo nghiệp địa ngục. Nếu là người học đạo chân chánh không tìm lỗi thế gian, cấp thiết cầu kiến giải chân chánh, nếu được kiến giải chân chánh mới mong tròn sáng xong xuôi.

Dầu cho chúng ta biện luận thao thao như thác đổ đi nữa đều là kẻ tạo nghiệp trong địa ngục, chưa phải là giải thoát. Người không bị nghiệp lôi mới là giải thoát, nếu nói hay mà vẫn bị nghiệp lôi thì làm sao giải thoát được.

Tại sao ngài không chấp nhận cho chúng ta nói thiên nói đạo? Chỉ vì tâm còn quá loạn động, buộc lòng phải nói hiểu thiên hiểu đạo. Khi tâm nhất như, đi đứng nằm ngồi trong mười hai thời đều nhất như, lúc đó không còn gì dính với mình. Còn nói ta hiểu thiên ta hiểu đạo đều là còn vọng tưởng, dù biện luận hay như thác đổ cũng là người tạo nghiệp.

Nếu đạt được kiến giải chân chánh, tức là nhận ra được cái mình có, như vậy mới gọi là tròn sáng, mới là xong việc.

Hỏi: - Thế nào là kiến giải chân chánh?

Sư đáp: - Các ông chỉ tất cả vào phàm vào thánh, vào nhiễm vào tịnh, vào cõi nước của chư Phật, vào lầu các của đức Di-lặc, vào pháp giới Tỳ-lô-giá-na. Chỗ chỗ đều hiện, cõi nước thành trụ hoại không. Phật ra đời chuyển đại pháp luân lại vào Niết-bàn, chẳng thấy có tướng mạo đến đi, tìm cái sanh tử của ngài trọn

không thể được, liền vào pháp giới vô sanh. Đạo qua các cõi nước vào thế giới Hoa Tạng, trọn thấy tướng không các pháp, đều không có pháp thật. Chỉ có đạo nhân vô y nghe pháp. Đó là mẹ chư Phật, bởi vì chư Phật đều từ vô y sanh.

Nếu ngộ vô y, Phật cũng không thể được. Nếu người thấy được như thế, là kiến giải chân chánh.

Hỏi thế nào là kiến giải chân chánh, ngài giải thích: Đạo đi trong các cõi nước vào thế giới Hoa Tạng, trọn thấy các pháp tướng là không, đều không có một pháp thật. Tất cả ước mơ của người tu như được vào lầu các của ngài Di-lặc, được vào cõi nước của chư Phật, được nhập pháp thân Tỳ-lô-già-na v.v... Ngài đều nói tất cả những cái đó không có gì quan trọng. Chỉ quan trọng là đạo nhân vô y hiện đang nghe pháp, là mẹ của chư Phật. Đạo nhân vô y là người không chỗ nương, hiện nghe pháp ở đây. Chư Phật cũng đều từ đạo nhân vô y mà sanh ra nên nói là mẹ của chư Phật. Tất cả những lý luận hơn thua, phải quấy, hay dở rồi cũng bị luân hồi. Chỉ có cái hiện hữu mà không chịu nhận ra, lại đi tìm kiếm rồi mắc kẹt trong văn ngôn, trong bao nhiêu tướng mạo, thật là khổ não.

Đây nói, sở dĩ Phật từ vô y sanh, nếu ngộ được vô y, Phật cũng không có. Nếu mình ngộ vô y rồi cũng không có Phật. Người được như vậy thật là kiến giải chân chánh, còn không thấy được như vậy thì dù lý luận hay đến đâu cũng chưa phải kiến giải chân chánh.

Người học không hiểu lại chấp danh cú, bị danh phạm thánh làm ngại. Do đó chương ngại đạo nhân không được phân minh. Mười hai phần giáo đều cốt

biểu hiện lẽ này. Học giả không hội, bèn nhằm trên danh cú biểu hiện mà sanh hiểu, đều là nương tựa, rơi vào nhân quả, chưa khỏi sanh tử trong ba cõi.

Người học không liễu ngộ được, bị các danh từ phạm thánh làm chướng ngại. Bởi mắc kẹt trong ngũ ngôn danh từ nói thấy Niết-bàn, thấy Bồ-đề mà rốt cuộc không thấy gì. Còn cái đó hiện sờ sờ trước mặt mà không chịu thấy. Trong mười hai phần giáo đều là lời nói để biểu hiện, nghĩa là mười hai phần giáo Phật nói để chỉ cho chúng ta thấy cái đó mà không chịu thấy, cứ chấp lời chấp văn rồi học thuộc lòng cho rằng lời Phật là lời vàng. Học hoài mà không thấy chỗ Phật muốn chỉ, đó là chấp ngón tay cho là mặt trăng, thật uống công. Nhớ kinh điển một bụng cho là mình đã lâu thông Phật pháp, nhận kinh điển cho đó là sự nghiệp vĩ đại của mình. Không nhận ra cái ngấm ở trong danh tự biểu hiện đó, nên đều là nương tựa, rơi trong nhân quả, chưa khỏi sanh tử trong ba cõi.

Các ông nếu muốn trong sanh tử đi đứng tự do, tới lui tự tại thì hiện nay nên biết người nghe pháp này, không hình không tướng, không cội không gốc, không chỗ ở, linh hoạt rõ ràng, ứng hiện muôn thứ hành động, chỗ dùng chỉ là không chỗ. Do đó càng tìm càng xa, cầu đó thì trái, gọi đó là bí mật.

Người nào muốn đi trong sanh tử tự do không bị ràng buộc thì ngay hiện giờ khéo nhận cho ra người đang nghe pháp, nhận ra người đó là xong việc, còn không nhận ra thì học gì rồi cũng lẩn quẩn luân hồi. Đây là chỉ thẳng cho chúng ta.

Nhận cho ra người đang nghe pháp, người đó không hình không tướng, không căn không gốc, không chỗ ở mà vẫn sống động rõ ràng. Nhớ là vẫn sống rõ ràng hiện tại mà tìm gốc rễ không có. Đó là chỗ đặc biệt, khi cần dùng liền có, lập bày ra muôn thứ mà chỗ dùng chỉ là chỗ không. Nghĩa là có thể hiện bày ra trăm thứ mà chỗ dùng không có chỗ nơi. Vì không có chỗ nơi, tìm thì sai, cầu thì trái cho nên gọi là bí mật. Thật ra không có gì bí mật, luôn hiện rõ ràng trước mặt, chỉ vì mình không nhận ra cho nên cố tìm cố cầu, càng tìm càng cầu càng trái. Tú tài Trương Chuyết sau khi ngộ ra lẽ này, ông nói: Xu hướng chân như tổng thị tà.

Chư tổ sư muốn chỉ cái thật hữu, thuận theo ý này tôi thường nói: “Thiền tông là một chân lý sống, chân lý sống đó là chân lý của mình. Nào là Niết-bàn, Bồ-đề, Bát-nhã, chân như v.v... bao nhiêu danh từ đều chỉ cho cái đó, cái đó là cái hiện sống của mình. Phật muốn chỉ cho chúng ta thấy cái đó, ngài dùng nhiều phương tiện nói quanh, nhưng kết cuộc đều trở về một chỗ. Chúng ta không nhận ra, chỉ nhận danh từ rồi học danh từ. Rốt cuộc nói một đời học Phật là học cái gì? Học ngôn ngữ chứ không phải học Phật.”

Các thiền sư thường gọi đó là bọn học ngữ. Học ngữ là học lời nói chứ không phải học đạo. Đạo là ngay nơi mình, mà mình không chịu nhận ra nó rồi cứ lượm lặt ngôn ngữ đem khoe: Tôi biết cái này, tôi biết cái kia... Chuyện vô lý làm sao! Tại sao mình học đạo giải thoát, cái giải thoát là cái của mình sẵn có lại không nhận. Đó là cái đặc biệt, quý vị ráng gan dạ nhận cho ra. Nhận ra cái đó thì không còn bí mật nữa, còn nếu không nhận ra thì cái đó là cái bí mật.

Này Đạo lưu, các ông chớ nhận lấy kẻ bạn mộng huyễn, trong khoảng sớm chiều sẽ trở về vô thường. Các ông nhằm trong thế giới này tìm vật gì làm giải thoát? Tìm lấy một bữa cơm mà ăn, mặc áo vá qua ngày, chỉ cốt phổng tâm tri thức. Chớ dây dưa theo đuổi thú vui, ngày giờ đáng tiếc, niệm niệm vô thường, thô thì bị đất nước gió lửa ép ngặt, tế thì bị sanh trụ diệt bức bách. Đạo lưu, thời nay cần biết bốn cảnh vô tướng, mới khỏi bị cảnh kéo lôi.

Kẻ bạn lữ mộng huyễn là kẻ nào? Tức là Diễn-nhã-đạt-đa nhận bóng trong gương làm đầu mặt thật. Kẻ đó là kẻ mộng huyễn mà lâu nay mình cứ nhận làm bạn. Cho những cái tôi nghĩ tôi tính là những kẻ bạn mộng huyễn là mình, sớm muộn gì cũng sẽ trở về vô thường. Ngài đã chỉ bảo chúng ta phải nhận ra cái bí mật sẵn có nơi mình là mẹ của chư Phật. Nếu nhận những bạn bè tức là những vọng tưởng điên cuồng cho là mình thì sớm muộn gì cũng tiêu diệt, nó không phải là thứ thiệt. Ngài đã chỉ ngay nơi tâm chúng ta.

Kế tiếp ngài nói ra ngoại cảnh. Bây giờ hỏi các ông, ngay trong thế giới này các ông thử tìm xem cái gì là giải thoát? Tất cả nhu cầu ăn mặc hoặc tất cả những đồ dùng có đưa đến giải thoát không? Ngài nói chúng ta là người thọ thức ăn áo mặc, đồ dùng của đàn-na thí chủ, phải đi thưa hỏi các bậc tri thức, đừng chạy theo thú vui bỏ mất thời giờ rồi lại bị tứ đại tan rã. Phải nhận ra tứ đại là không thật mới khỏi bị tứ đại làm kho.

Hỏi: - Thế nào là bốn cảnh vô tướng?

Sư đáp: - Các ông một niệm tâm nghi bị đất làm ngại, các ông một niệm tâm ái bị nước nhấn chìm, các ông một niệm tâm sân bị lửa đốt cháy, các ông một niệm tâm hỷ bị gió thổi bay. Nếu khéo biện được như thế chẳng bị cảnh chuyển. Nơi nơi dùng được cảnh, vọt bên đông lặn bên tây, vọt bên nam lặn bên bắc, vọt ở giữa lặn ở bên, vọt ở bên lặn ở giữa, đi trên nước như đất, đi trên đất như nước. Bởi sao được như vậy? Vì đạt bốn đại như mộng như huyễn.

Như vậy các niệm như tham, sân, hỷ... vừa dấy lên thì bị đất nước gió lửa làm chướng ngại. Nếu biện được như thế, không để tâm nghi, tâm sân, tâm hỷ, tâm ái lôi kéo tức là không bị cảnh chuyển, ở mỗi nơi đều dùng được cảnh. Bên đông vọt lên, bên tây lặn xuống, bên nam vọt lên bên bắc lặn xuống..., đi trên nước cũng như trên đất bằng, đi trên đất bằng cũng như trên nước. Vì sao được như thế? Bởi vì đạt được tứ đại như mộng như huyễn người ấy tự do tự tại, lên trời xuống đất cũng được tự do, người nào thấy tứ đại là thật thì bị tứ đại làm ngại.

Này Đạo lưu, chỉ các ông hiện nay biết nghe pháp, chẳng phải là tứ đại của ông, lại hay dùng được tứ đại của ông. Nếu khéo thấy được như thế là đi đứng tự do. Chỗ thấy của Sơn tăng chẳng nghi pháp ấy. Các ông nếu mến thánh thì thánh chỉ là cái tên thánh. Có một nhóm người học đạo nhắm trong Ngũ Đài Sơn mà tìm Văn-thù, sớm đã lầm vậy. Trong Ngũ Đài Sơn không có Văn-thù. Các ông muốn biết Văn-thù chẳng? Chỉ cái

dùng trước mắt các ông trước sau chẳng khác, nơi nơi chẳng nghi, cái ấy là Văn-thù sống.

Ngài chỉ thẳng: Người nghe pháp hiện nay không phải là tứ đại hay dùng nó mà trái lại nó hay dùng tứ đại. Chúng ta thấy người nghe pháp đó chưa? Ngài nói tới nói lui cũng nhằm chỉ thẳng người nghe pháp, người đó mới là người đặc biệt. Nếu thấy được như thế mới đi đứng tự do.

Theo chỗ thấy của ngài đối với pháp không nghi. Nếu ưa thánh thì thánh chỉ là danh từ suông. Có một nhóm người học hướng về Ngũ Đài Sơn mà tìm Văn-thù, sớm đã lầm rồi vậy. Trong Ngũ Đài Sơn không có Văn-thù. Chỉ cái chỗ dùng hiện ở trước mắt, trước sau không đổi, chỗ chỗ không nghi, là Văn-thù sống.

Các ông một niệm tâm sáng không sai biệt, nơi nơi thấy đều là Phổ Hiền chân thật. Các ông một niệm tâm tự hay mở trói, tùy chỗ giải thoát là Quán Thế Âm. Các pháp tam-muội lẫn nhau làm chủ bạn, ra thì đồng thời ra, một tức là ba, ba tức là một. Hiểu được như thế mới nên xem kinh.

Trong một niệm tâm sáng không sai biệt là Phổ Hiền, một niệm tâm tự cởi trói thì chỗ chỗ đều giải thoát là Quán Thế Âm. Văn-thù, Phổ Hiền, Quán Âm hỗ tương làm chủ làm bạn, một tức là ba, ba tức là một. Người nào hiểu được như vậy mới nên xem kinh.

Nghe nói đức Văn-thù trên Ngũ Đài Sơn liền khổ nhọc chạy đi tìm Văn-thù. Kinh Lăng-nghiêm dạy phải *phản văn văn tự tánh*, theo pháp môn của Quán Thế Âm, hiểu được vậy mới tìm được Quán Thế Âm. Quán Thế Âm chính là tự

tánh sờ sờ trước mặt hiện nghe pháp bây giờ không đâu xa. Chúng ta sống với cái đó thì gọi là phản văn văn tự tánh, trở về với Quán Thế Âm.

Trong đây chỉ Văn-thù là cái hiện tiền ứng dụng được, trước sau không đổi, chỗ chỗ không nghi, đó là Văn-thù sống, tức là căn bản trí. Một niệm tâm không sai biệt thì chỗ chỗ đều là Phổ Hiền. Phổ Hiền là hạnh không sai biệt, ứng dụng hạnh ấy vào khắp chỗ chúng sanh, biết mọi sai biệt mà không ngăn ngại. Phổ Hiền cũng tượng trưng sai biệt trí. Một niệm tâm tự hay giải thoát tất cả nghiệp đó là Quán Thế Âm. Văn-thù, Phổ Hiền, Quán Âm đều là tự tâm chúng ta, không ngoài tâm mà có.

Chúng ta quen tìm ở ngoài, nghe kinh nói Bồ-tát Quán Âm ở Phổ Đà Nam Hải, Bồ-tát Văn-thù ở Ngũ Đài Sơn, ngồi ước mơ làm sao viếng Ngũ Đài Sơn, ngồi mộng tưởng hoài đến Phổ Đà Sơn. Dem Văn-thù đi cầu Văn-thù, dem Quán Âm đi cầu Quán Âm, đó là chỗ lầm lẫn lâu nay. Vì thế tu một đời không bao giờ giải thoát. Tổ Lâm Tế không tiếc lời chỉ cho chúng ta cái nào sống thật, cái nào không phải thật, nếu chúng ta không nhận ra thì đó là lỗi tại mình.

Sư dạy chúng:

- Ngày nay người học đạo căn yếu là phải tự tin, chớ nương bên ngoài mà tìm. Rốt lại chỉ tìm cầu trên trần cảnh, nên đều chẳng biện được tà hay chánh. Chỉ như có Phật có tổ đều là việc trong kinh điển. Có người mang ra một câu trong kinh sách rồi tìm vạch nghĩa ẩn nghĩa hiển trong ấy, liên hồ nghi, hoặc bàn thế này thế khác, đi hỏi nhà bên cũng mờ mịt. Đây kể đại

trượng phu! Chớ bàn chủ bàn giặc, luận phải luận quấy, luận sắc luận tai, cứ bàn luận sông suốt ngày.

Ngài dạy người học đạo phải tự tin nơi mình, đừng tìm cầu bên ngoài, tất cả những cái bên ngoài đều là cảnh nhân sông của người thôi. Nếu tìm cầu bên ngoài không thể nào biện được tà chánh. Tổ hay Phật đều là dấu vết ghi chép của kinh điển, không phải Phật sống hay tổ sống nơi mình.

Có người đề khởi lên một câu hoặc tìm nghĩa ẩn nghĩa hiển trong đó, rồi sanh nghi, bàn thế này thế kia, ở nhà bên mà tìm hỏi cũng là mờ mịt. Cho nên ngài nhắc: Đại trượng phu chớ có bàn luận sông qua ngày.

Sơn tăng trong ấy không luận tăng hay tục, chỉ có người đến đều biết được y, mặc cho y từ đâu đến đây, có tiếng có tên và câu văn, tất cả đều mộng huyễn. Trở lại thấy cái người nương cảnh đó, ấy là huyền chỉ của chư Phật. Cảnh Phật không bao giờ tự xưng ta là cảnh Phật, vốn là bậc đạo nhân vô y nương cảnh mà xuất hiện. Nếu có người hỏi ta về phương cách cầu Phật, ta liền ứng hiện ra từ cảnh thanh tịnh; có người hỏi ta về Bồ-tát, ta liền ứng hiện ra cảnh từ bi; có người hỏi ta về Bồ-đề, ta liền ứng hiện ra từ cảnh tịnh diệu; có người hỏi ta về Niết-bàn, ta liền ứng hiện ra cảnh tịch tịnh. Cảnh thì có muôn ngàn sai khác nhưng người thì không khác, cho nên tùy vật hiện hình như ánh trăng trong nước.

Ngài tự xưng ở trong khoảng này không kể kẻ tăng người tục, chỉ có người đến thì trọn biết được y, mặc tình y muốn từ chỗ nào ra, song có tên có tiếng có văn cú đều là mộng

huyền. Thấy được người nương cảnh ấy là huyền chỉ của chư Phật. Phật cảnh không tự xưng Phật cảnh mà chính là đạo nhân vô y nương cảnh xuất hiện. Đạo nhân vô y hay là tâm thể tịch diệt, tùy chỗ ứng hiện ra vậy. Nhắc đi nhắc lại ngài muốn chúng ta nhận ra người nay.

Chúng ta thích tìm Phật, nếu có thấy được tức là Phật ngoài mình. Phật thật của chính mình không xưng là Phật, chỉ có chúng ta nhận ra thôi. Vì không xưng danh tự nên muốn thấy mà rốt cuộc không bao giờ thấy. Không ngờ Phật ngồi sờ sờ đó mà không thấy.

Thừa cảnh hiện ra là tùy người đến hỏi mà hiển hiện, hỏi về Phật, ta liền ứng hợp cảnh thanh tịnh mà hiện ra. Hỏi về Bồ-tát, ta liền ứng hợp với cảnh từ bi hiện ra. Hỏi về Bồ-đề, ta liền ứng hợp với cảnh tịnh diệu hiện ra. Hỏi về Niết-bàn, ta liền ứng hợp với cảnh tịch tịnh hiện ra. Người ứng hiện ra không có hai nhưng cảnh đặt ra thì có nhiều danh từ Bồ-đề, Niết-bàn, Bồ-tát v.v... Cho nên gọi là ứng vật hiện hình như bóng mặt trăng trong nước.

Này Đạo lưu, các ông muốn được pháp như thế phải là kẻ đại trượng phu mới được, nếu cứ uể oải lờn chừng mãi thì không được, như cái thố mong manh không thể chứa được đề-hồ. Như bậc đại khí tất không bị người gạt, tùy mọi trường hợp đều làm chủ, ngay đó đều chân. Nếu có kẻ lờn gạt đến, tất cả đều chẳng nhận. Một niệm nghi ngờ của các ông tức là ma đã nhập vào tâm. Như khi Bồ-tát khởi tâm nghi thì ma sanh tử được tiện lợi.

Chỉ hay dứt trừ vọng niệm, lại chớ hướng bên ngoài mà tìm cầu, khi cảnh vật đến liền giác chiếu. Các ông nếu có niềm tin và áp dụng ngay bây giờ thì một việc cũng không. Trên một tâm niệm của các ông sanh ra ba cõi, rồi tùy duyên bị cảnh phân ra làm sáu trần. Như chỗ ứng dụng hôm nay của các ông có thiếu thốn gì không? Chỉ một khoảng sát-na liền vào tịnh vào uế, vào lầu gác của ngài Di-lặc, vào tam nhân quốc độ, nơi nơi đều dạo qua và chỉ thấy tên sông.

Các ông muốn được pháp như vậy, phải là kẻ đại trượng phu gan dạ dũng mãnh, nếu yếu đuối lừng chừng thì không thể nào được. Đây là dùng hình dáng để nói lên ý chí, nghĩa là ngay đó nhận ra Phật của mình, đừng bỏ ngỡ e dè. Như cái thố xấu thì không thể kham chứa đề-hồ. Như người có năng lực thì không bị người mê hoặc.

Đại trượng phu thẳng thắn không bị người gạt, tùy chỗ làm chủ, ngay đó đều chân, bất cứ thứ mê hoặc gì xuất hiện cũng đều không nhận. Nếu có một niệm tâm nghi tức là ma sanh tử được cơ hội đến. Chỉ cần dứt vọng niệm không chạy tìm bên ngoài, cái gì đến mình đều chiếu phá nó. Như tâm chúng ta đang lặng lẽ như như, chợt gặp cảnh đến làm rối mình, khi đó liền quán chiếu thấy nó là hư vọng. Biết là hư vọng thì không có gì làm thân tâm lay động.

Cái hiện nay ứng dụng tự tại, tìm không có hình dáng, không có sự vật, đó mới là cái thật. Chỉ vì một niệm tâm sanh ra nên có cả ba cõi, tùy theo duyên mà cảnh bị phân làm sáu trần. Nếu trở về tâm thể thanh tịnh thì ba cõi sáu trần cũng bật dứt. Như hiện giờ mỗi người chúng ta ứng dụng không

thiếu gì cả, sờ sờ đầy đủ, tại sao không biết dùng? Tâm mình khoảng sát-na bèn vào tịnh vào uế, vào lầu gác Di-lặc, vào cõi nước tam nhân, dạo đi các cõi nhưng biết các cõi chỉ là rỗng không. Khi nhận được đạo nhân vô y hiện tại của chính mình thấy không còn thiếu kém gì nên không khởi tâm mong cầu, vừa khởi tâm sanh niệm thì bị dương trần ràng buộc, chỉ có cai vô sự nhất niệm mới thật là ông chủ tự tại.

Hỏi: - Thế nào là tam nhân quốc độ?

Sư nói: - Tôi và quý vị vào cõi nước Tịnh Diệu mặc áo thanh tịnh thuyết pháp thân Phật, lại vào quốc độ vô sai biệt mặc áo vô sai biệt thuyết báo thân Phật, lại vào quốc độ giải thoát mặc áo quang minh thuyết hóa thân Phật. Tam nhân quốc độ này đều nương tựa nhau mà biến khởi. Theo các nhà kinh luận lấy pháp thân làm căn bản, báo thân và hóa thân làm dụng. Theo chỗ thấy của Sơn tăng thì pháp thân là pháp không thể giải nói. Cho nên người xưa nói: Thân nương nơi nghĩa mà dựng lập, quốc độ y nơi thể mà luận, pháp tánh thân, pháp tánh độ biết rõ là pháp dựng lập, là quốc độ y thông. Tay không nắm lá vàng dùng để gạt trẻ thơ. Trên quả tật lê góc cạnh hay mảnh xương khô khốc tìm đâu ra nước. Ngoài tâm không có pháp, trong cũng không thể được, tìm vật gì?

Tam nhân quốc độ là tam thân Phật, pháp báo hóa thân. Cách giảng dạy của ngài không giống kinh luận thường, rất khác lạ, tất cả đều quy về chính thân mình.

Theo các nhà kinh luận thì pháp thân là bản thể, hóa thân và báo thân là dụng. Theo chỗ thấy của ngài, pháp thân

không biết nói pháp, vì pháp thân là thể, thể làm sao nói pháp được. Khi tâm chúng ta thanh tịnh không khởi niệm, lúc đó có nói pháp không?

Sở dĩ cổ nhân nói *thân y nghĩa lập, cõi nước y thể mà bàn, nói là pháp tánh thân pháp tánh độ v.v...* đó là pháp kiến lập. *Y thông quốc độ*, y thông là một trong ngũ thông, dựa vào sức hay chú thuật mà biểu hiện thân thông, chẳng khác nào như bàn tay không, nắm một nắm lá vàng để gạt con nít. Như bà mẹ sửa soạn đi chợ, đưa con khóc đòi theo, bà mẹ liền nam một nắm lá vàng nói má cho tiền con. Nó tưởng tiền thật, nín khóc. Đây giải thích trong kinh nói pháp tánh thân, pháp tánh độ... đều là một cách gạt chúng ta khiến có niềm tin mà cố gắng. Sự thật là cái đó để chỉ cho cái thật nơi mình, chỉ vì mình không nhận, buộc lòng phải lập ra nhiều danh từ phương tiện.

Trên quả tật lê gai góc cứng khừ mà muốn nó ra nước thì không bao giờ được, hay như trên mảnh xương khô tìm nước làm sao tìm cho ra? Nói đi rồi nói lại, dùng những thí dụ đó để hiển bày *ngoài tâm không có pháp, trong cũng không thể được*, không thể tìm ra một vật gì.

Quý vị ở khắp nơi nói: “Đạo có tu chứng.” Chớ lầm! Giả sử có tu chứng cũng đều là nghiệp sanh tử. Các ông nói sáu độ muôn hạnh đều gồm tu, tôi thấy đó đều là tạo nghiệp; cầu Phật cầu Pháp đều là tạo nghiệp địa ngục; cầu Bồ-tát cũng là tạo nghiệp; xem kinh xem giáo cũng là tạo nghiệp. Phật và Tổ là người vô sự. Cho nên hữu lậu hữu vi, vô lậu vô vi, là nghiệp thanh tịnh. Có một bọn thầy tu mù, ăn no rồi liền tọa thiền quán

hạnh, nắm giữ niệm lậu chẳng cho dấy khởi, chán chỗ ồn cầu chỗ tịnh, đấy là pháp của ngoại đạo. Tổ sư nói: “Các ông nếu trụ tâm khán tịnh, khởi tâm chiếu xét bên ngoài, nhiếp tâm lóng lạng bên trong, ngưng tâm vào định, bọn người như vậy đều là tạo tác.” Như hôm nay các ông người nào nghe pháp? Làm sao muốn tu, muốn chứng và trang nghiêm người ấy? Kẻ ấy không phải là vật để tu, không phải là vật để trang nghiêm được. Nếu dạy người ấy trang nghiêm thì tất cả vật đều trang nghiêm được. Quý vị chớ lầm!

Có tu chứng đều là nghiệp sanh tử, điều này mới nghe làm chúng ta kinh hoàng, nhưng đó là một lẽ thật, rất là thật. Nói lục độ vạn hạnh đều gồm tu, với con mắt của ngài, ngài thấy đều là tạo nghiệp. Tại sao? Phật cùng với Tổ là người vô sự, muốn cầu Phật cầu Tổ là cầu vô sự, mà cứ tìm cái này tìm cái kia tức là tạo nghiệp.

Những câu nói của ngài chúng ta không hiểu nổi, tưởng như ngài chê Phật chê Tổ. Sự thật Phật tổ là vô sự, là chỗ nhiếp tâm như như bất động, chúng ta cứ khởi suy nghĩ nghiên cứu cái này nghiên cứu cái kia đầu óc rối loạn, tìm bao giờ ra Phật ra Tổ? Chúng ta cứ lấy cái loạn đi tìm cái chân, tìm làm sao ra! Loạn là động, mà động là gốc của nghiệp, nghiệp là sanh tử...

Có một bọn thấy tu mù, ăn no rồi liền tọa thiền quán hạnh, nắm giữ niệm lậu chẳng cho dấy khởi, chán chỗ ồn cầu chỗ tịnh. Xem như ngài phủ nhận lối tu của mình, nhưng sự thật là vậy. Nếu chúng ta thấy được người vô y sẵn của mình thì ở đâu không phải thiên, ở đâu không phải đạo. Nhưng

tiếc là kẻ sơ cơ chưa được như vậy, nên mới bày ra ngồi thiền, quán hạnh, để cho vọng tưởng lặn. Nếu sống được với người vô y, tức là không khởi niệm, thì còn ngồi chi nữa. Khi còn lập bày ngồi thiền quán hạnh... đều còn là kẻ mù chưa thấy chân thật, nhưng đối với kẻ sơ cơ thì phải dùng phương tiện không thể bỏ được.

Ngài nói còn nắm bắt là còn thấy móng khởi niệm này niệm kia, còn thấy sanh thấy diệt, chán chỗ ồn cầu chỗ tịnh, đó là pháp ngoại đạo. Dẫn lời Tổ sư *Các ông nếu trụ tâm khán tịnh, khởi tâm chiếu xét ra ngoài, nhiếp tâm lặng bên trong, lóng tâm vào định, bọn người như vậy đều là tạo tác.* Vì còn dùng phương pháp để nắm giữ là còn tạo tác, Đạo nhân vô y thính pháp ở đây thì không cần kìm không nắm giữ gì hết. Người đó sờ sờ, chỉ cần không chạy theo ngoại cảnh là được. Nhân hạ vô cùng! Thật là dễ mà cũng hết sức khó.

Ngài nhờ ăn ba gậy của tổ Hoàng Bá mới tin được cái đó đời đời. Chúng ta vì chưa ăn gậy nào nên niềm tin không mạnh. Bối tin không mạnh nên có khi thì nhận ra thấy như yên ổn quá, rồi có khi cũng mất quyền làm chủ. Hãy nhìn kỹ lại, người nghe pháp hiện giờ của chính chúng ta, làm sao tu cho người đó, làm sao chứng cho người đó, làm sao trang nghiêm cho người đó. Người đó sẵn vậy thì tu cái gì, chứng cái gì. Lại cũng không bao giờ mất, chỉ vì chúng ta quen chấp nhận những thứ bạn bè dấy lên, rồi theo nó, cho nên quên đi. Lấy quyền làm chủ không theo bạn bè, thì người đó sống sờ sờ, có gì đầu tu, có gì đầu chứng, có gì đầu trang nghiêm. Hơn nữa cái đó đau phải để mình tu, cũng không phải là vật để mình trang nghiêm được. Thí dụ cái bàn này giờ hơi cũ, tôi đánh giầy nhám sơn lại, đó là trang nghiêm cho nó đẹp.

Nhưng người hiện nghe pháp đây thì làm sao trang nghiêm cho người đó. Cho nên nói tu nói chứng, nói trang nghiêm gì cũng không được. Ngài nhắc chúng ta đừng lầm lẫn.

Này Đạo lưu, các ông gìn giữ những lời từ miệng của các bậc thầy cho là chân đạo, là thiện tri thức không nghĩ lường. Còn cho mình là tâm phàm phu chẳng dám đo lường các bậc lão túc ấy. Những kẻ đui mù, các ông một đời chỉ có kiến giải này, thật là cô phụ hai mắt này quá. Tương tự như lừa ngựa rét run đứng trên băng mỏng. Nói: Ta chẳng dám chê bai thiện tri thức sợ sanh khẩu nghiệp.

Ngài nói rằng, nhận lấy những lời nói của các lão sư cho là chân đạo, là thiện tri thức, là bất tư nghi, còn tự cho mình là tâm phàm phu, không dám so tính suy lường đến các bậc lão túc ấy, một đời chỉ có kiến giải đo là cô phụ cặp mắt của mình. Ý bảo chúng ta đã có sẵn khả năng thành Phật, lại ghi chép gìn giữ lời nói bên ngoài rồi tự cho mình là phàm phu thì rất uổng. Như lừa ngựa lạnh cóng đứng trên băng lạnh là thí dụ người sợ hãi run rẩy tự nói mình không dám phỉ báng những bậc thiện tri thức, sợ e sanh khẩu nghiệp.

Chư huynh đệ! Phàm là đại thiện tri thức mới dám chê Phật chê Tổ cùng chuyện thị phi thiên hạ, bài xích ba tạng giáo điển, mạ nhục bọn con nít, hướng vào trong lẽ thuận nghịch mà tìm người. Ta trong mười hai năm tìm một chut nghiệp tánh như hạt cải cũng chẳng được. Thiên sư như cô dâu mới về nhà chồng, sợ mất chùa không cơm ăn, chẳng được an lạc. Các bậc tiền bối từ xưa đến chỗ người chẳng có niềm tin, bị loại ra.

Như vậy mới biết là quy. Nếu đến chỗ ai cũng chấp nhận thì kham làm việc gì? Cho nên sư tử một phen rống lên thì làm cho dã can nát óc.

Đại thiện tri thức mới dám hủy Phật hủy tổ, thị phi thiên hạ, bài xích tam tạng giáo điển, chê bai các ông thầy nhỏ, vào trong nghịch thuận mà tìm người.

Trong mười hai năm ngài tìm trong tâm một nghiệp nhỏ bằng hột cải cũng không có, mười hai năm tâm không dấy động, được đến chỗ nhất như. Như vậy ngài mới dám nói những câu đó. Chúng ta thì tìm một giờ không động cũng không được, tâm động liên miên như sóng vỗ ngoài biển, vì thế chưa thể bắt chước nói như ngài.

Thiên sư như cô dâu mới về nhà chồng, lo sợ bị đuổi ra khỏi viện, không được cho ăn uống, không được yên vui. Đây là dùng thí dụ nói chỗ gìn giữ cẩn thận của ngài, mười hai năm tâm không dấy động, rất dè dặt nghiêm trang. Trong kinh Phật cũng có dùng thí dụ Tỳ-kheo như cô dâu mới luôn thận trọng lễ phép.

Từ xưa các bậc tiền bối, đến đâu người cũng không tin, bị đuổi ra, *mới biết là quý. Nếu đến chỗ người trọn tin thì kham làm gì? Sở dĩ sư tử một phen rống lên thì bọn dã can đều vỡ óc.* Các bậc tiền bối không vội bộc lộ chỗ thấy của mình, người chung quanh không hiểu không tin. Nhưng một phen xuất đầu lộ diện thì rống tiếng sư tử, dẹp tan kiến giải vụn vặt.

Này Đạo lưu, các nơi đều nói: “Có đạo đáng tu, có pháp đáng chứng.” Các ông hãy nói chứng pháp gì, tu đạo gì? Chỗ dùng của các ông hôm nay thiếu thốn vật

gì, tu bỏ chỗ nào? Những ông thầy nhỏ đời sau chẳng hiểu, liền tin bọn dã hồ tinh mị này, cho chúng nói việc trói buộc người khác rằng: lý hạnh phải tương ứng, phải giữ gìn ba nghiệp mới được thành Phật. Kẻ nói như vậy như mưa xuân lất phất. Người xưa nói: trên đường gặp người đặt đạo, thứ nhất chớ hướng đạo.

Vị thầy ở các nơi nói: “Có đạo đáng tu, có pháp đáng chứng.” Các ông hãy nói chứng pháp gì, tu đạo gì? Chỗ dùng của các ông hôm nay thiếu thốn vật gì, tu bỏ chỗ nào? Hiện giờ chúng ta đầy đủ tất cả, thiếu gì đâu mà phải tu, thiếu gì đâu mà phải chứng. Nhưng thật sự có tu có chứng không? Mười hai năm tổ Lâm Tế không khởi một nghiệp nhỏ xíu bằng hạt cải thì ngài có tu, có chứng không? Ngài không khởi niệm nên không tu không chứng. Còn chúng ta có khởi niệm thì phải có tu có chứng.

Những ông thầy nhỏ đời sau không hội liên tin lời nói của những lão dã hồ. Tin nhận những việc của người đó nói, bị lời nói trói buộc: *Lý hạnh tương ứng gìn giữ ba nghiệp mới được thành Phật.* Những lối nói như vậy chẳng khác nào như mưa xuân lất phất. Cổ nhân nói rằng: *Lộ phùng đặt đạo nhân, đệ nhất mạc hướng đạo*, nghĩa là trên đường gặp người đặt đạo thì chớ nói đạo. Người đặt đạo rồi đừng nói đạo với họ, nói gì nữa bây giờ, họ có thiếu gì đâu mà nói.

Vì thế nói:

Nhược nhân tu đạo đạo bất hành

Vạn ba tà cảnh cạnh đầu sinh

Trí kiếm xuất lai vô nhất vật

Minh đầu vị hiển ám đầu minh.

Dịch:

Nếu người tu đạo đạo chẳng hành

Muôn ngàn tà cảnh đua nhau sanh,

Gươm trí rút ra không một vật

Sáng kia chưa hiện, ám lại minh.

Cho nên người xưa nói “tâm bình thường là đạo”. Chư đại đức tìm vật gì? Người đạo nhân vô y nghe pháp ở trước mắt các ông hiện giờ, phân minh rõ ràng chưa từng khiếm thiếu. Các ông nếu muốn cùng Phật tổ không khác, chỉ như thế mà thấy, không còn nghi ngờ lầm lẫn. Tâm tâm các ông không khác thì gọi đó là Tổ sống. Tâm nếu có khác thì tánh tướng cũng biệt, tâm không khác biệt thì tánh tướng không biệt.

Bài thơ nói rằng: *Nếu người tu đạo, đạo chẳng hành, muôn ngàn tà cảnh đua nhau sanh.* Người nói còn tu là còn bị tà cảnh chi phối nên đạo không được hiện hành. *Gươm trí rút ra, không một vật,* người có trí tuệ Bát-nhã rồi không còn thấy một vật, đã không thấy vật thì còn gì mà nói tu. *Sáng kia chưa hiện, ám lại minh,* bên sáng chưa bày thì bên tối đã sáng, tức là người được trí tuệ Bát-nhã hiện tiền rồi thì tất cả những đối đãi tối sáng, trắng đen, phải quấy... đối với các ngài đều tự tại, không cần phải dẹp không cần phải bỏ, cũng không cái gì có thể xâm nhiễm nổi. Nên nói bên sáng chưa bày thì bên tối đã sáng, tức là chưa cần mở đèn mà bóng tối đã lui.

Cổ nhân nói “bình thường tâm là đạo”, chính đó là lẽ thật. Ngài lại chỉ thẳng đạo nhân nghe pháp hiện giờ tại đây rõ ràng phân minh chưa từng thiếu thốn. Nhận ra được thì không có nghi lằm. Tâm nếu có khác thì tánh tướng đã riêng, tức là tâm vừa dấy niệm thì tánh tướng sai biệt. Tâm chẳng khác thì tánh tướng không riêng, tức là tâm không có niệm khác thì tánh tướng nhất như, gọi đó là Tổ sống.

Hỏi: - Thế nào là chỗ tâm tâm không khác biệt?

Sư đáp: - Các ông vừa chớm hỏi thì sớm đã khác biệt rồi, tánh tướng đã phân cách nhau rồi.

Chỗ tâm tâm không khác là chỗ không cho suy nghĩ nói năng, vừa khởi nghĩ hỏi thì đã khác biệt chia phân rồi.

Này Đạo lưu! Chớ lằm. Pháp thế gian và pháp xuất thế gian tất cả đều không có tự tánh, cũng là vô sanh tánh. Chỉ có tên rỗng, danh tự cũng rỗng. Tại sao các ông nhận cái tên rỗng kia cho là thật? Lằm to rồi. Giả sử có thì tất cả cũng đều là cảnh nương tựa biến hóa ra. Có Bồ-đề để nương tựa, có Niết-bàn để nương tựa, có giải thoát để nương tựa, có ba thân để nương tựa, có cảnh trí để nương tựa, có Bồ-tát để nương tựa, có Phật để nương tựa. Các ông hướng vào trong quốc độ nương tựa biến hóa ra để tìm vật gì? Cho đến ba thừa mười hai phân giáo đều là giấy lau đồ dơ, Phật là thân huyễn hóa, tổ là thầy Tỳ-kheo già. Các ông có phải từ bụng mẹ sanh hay chẳng? Các ông nếu cầu Phật liền bị ma Phật nhiếp, cầu tổ liền bị ma tổ trói. Các ông nếu có cầu đều khổ, chi bằng vô sự.

Tất cả danh từ thế gian hay xuất thế gian kia mà có đi nữa cũng là cảnh nương tựa biến đổi chứ không thật. Tổ chỉ chú trọng *đạo nhân vô y*, tức là con người sẵn có của mình không nương tựa, không nơi chốn. Tất cả những gì có định nơi chốn đều gọi là có y, đã có nơi chốn, tức là có sanh diệt. Nếu chúng ta nhận tất cả danh từ rỗng, dù nó có thì cũng thuộc về cảnh giới có chỗ nương, có biến đổi.

Các ông hướng vào trong quốc độ nương tựa biến hóa ra để tìm vật gì? Biến đổi tức là vô thường. Ngài hỏi mà cũng nhắc nhở chúng ta tìm được cái gì trong cõi nước vô thường biến đổi, có hình có tướng này. *Cho đến ba thừa mười hai phần giáo đều là giấy lau đồ dơ.* Ngài nói quá mạnh, chúng ta nghe thì thấy rất ngại. Nhưng điều này không phải vô lý, bởi vì tất cả kinh điển là cốt dẹp sạch phiền não cho chúng sanh, nếu nhận biết ngay *đạo nhân vô y* đó thì đâu còn phiền não để lau chùi. Nếu không nhận được thì cứ loanh quanh lẫn lẩn trong vòng phiền não, vì vậy phải nương kinh nương điển. Kinh điển chẳng khác nào như giấy cũ lau đồ nhớ!

Phật là thân huyễn hóa, tổ là thầy Tỳ-kheo già, các ông có phải từ bụng mẹ sanh chăng? Nghĩa là chỉ có tin thôi mà không hiểu gì. Ngài nói *nếu cầu Phật tức là bị ma Phật nhiếp, cầu tổ thì bị ma tổ trói, nếu có cầu đều là khổ, chi bằng vô sự là hơn.*

Có một bọn thầy tu hướng người học nói: “Phật là cứu cánh, đã trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp tu hành viên mãn mới được thành đạo.” Đạo lưu! Các ông nếu nói Phật là cứu cánh, cơ sao đến tám mươi tuổi phải nằm nghiêng mà tịch ở nơi rừng cây Song thọ, thành Câu-

thi-na? Phật nay còn đâu? Nên biết rõ rằng Phật cùng ta sanh tử không khác. Các ông nói ba mươi hai tướng tám mươi vẻ đẹp là Phật, như vậy Chuyển luân thánh vương hẳn là Như Lai rồi! Nên biết rõ là huyễn hóa. Người xưa nói:

Như Lai hiện thân tướng Vì thuận theo thế tình,
Sợ người sanh đoạn kiến
Phương tiện lập hư danh.
Giả nói ba mươi hai,
Tám mươi cũng tiếng suông,
Có thân chẳng phải giác thể,
Không tướng mới là chân hình.

Nếu Phật là cứu cánh thì bây giờ ngài cũng nhập diệt không còn ở đời. Chúng sanh sanh tử, Phật cũng sanh tử, như vậy Phật với chúng ta không khác. Để thấy những lời dạy của các thầy không hẳn là chân lý.

Ngài nói thêm, các ông nói ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp là Phật, thì Chuyển luân thánh vương nên là Như Lai, phải biết rõ cũng là huyễn hóa. *Người xưa nói:*

*Như Lai hiện thân tướng
Vì thuận theo thế tình,
Sợ người sanh đoạn kiến
Phương tiện lập hư danh.
Giả nói ba mươi hai,
Tám mươi cũng tiếng suông.*

Ý chỉ rằng nhân đời trước tu nên đời nay được ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp vậy.

Có thân chẳng phải giác thể, không tướng mới là chân hình. Thể của giác thì không có hình tướng. Ngài muốn phủ nhận tất cả hình tướng bên ngoài để chúng ta trực nhận giác thể sẵn có. Đôi khi chúng ta lệ thuộc vào những lời trong kinh rồi tu muốn thành Phật đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, cứ tưởng như vậy, mơ ước như vậy, đó là lầm. Phật ngay hiện tại đây mà không thấy, cứ mong mỗi chuyện xa xôi. Ngài chỉ cho thấy rõ rằng những gì có tướng có hình đều không phải là thể giác ngộ, cái vô tướng mới là chân hình.

Các ông nói Phật có lục thông là bất khả tư nghĩ chẳng? Tất cả chư thiên, thần tiên, a-tu-la, đại lực quỷ cũng có thần thông, lý ứng là Phật rồi chẳng? Chư huynh đệ chớ lầm. Như a-tu-la và thiên Đế-thích đánh nhau, a-tu-la thua, ra lệnh cho tám muôn bốn ngàn quyến thuộc chui vào trong lỗ cọng sen ẩn trốn, là thánh chẳng? Những điều Sơn tăng đã nêu đều là nghiệp thông, y thông mà thôi. Lục thông của Phật thì không như vậy. Lục thông của Phật là vào sắc không bị sắc làm mê hoặc, vào âm thanh không bị âm thanh làm mê hoặc, vào thế giới của mùi hương không bị mùi hương làm mê hoặc, vào thế giới của vị giác không bị vị giác làm mê hoặc, vào thế giới của xúc giác không bị xúc giác làm mê hoặc, vào thế giới của pháp trần không bị pháp trần làm mê hoặc. Sở dĩ như vậy là do đạt được sáu loại sắc thanh hương vị xúc pháp đều là không tướng (tướng rỗng), không thể trói buộc Vô y

đạo nhân này, tuy mang thân ngũ ấm lậu chất mà là địa hành thần thông.

Nếu căn cứ vào thần thông mà nói là Phật thì chư thiên, a-tu-la, quỷ thần cũng có thần thông vậy là Phật rồi sao? Như a-tu-la cùng với thiên Đế-thích chiến đấu, khi chiến bại bèn dẫn tám muôn bốn ngàn quyến thuộc vào ẩn trong cọng sen, đâu chẳng phải là thánh ư? Tám muôn bốn ngàn người chui trong cọng sen trốn được như vậy là thần thông diệu dụng rồi, bọn họ là thánh hay sao? Theo ngài thì đó chỉ là *nghiệp thông* và *y thông*. Lục thông của Phật là gì? Là vào sắc giới không bị sắc làm cho mê lầm, vào thanh giới không bị thanh làm mê hoặc, vào hương giới không bị hương làm mờ tối, vào vị giới không bị vị làm mê, vào xúc giới không bị xúc làm lầm, vào pháp giới cũng không bị pháp làm mê hoặc. Vào sắc thanh hương vị xúc pháp mà cái nào cũng thông hết thì gọi đó là lục thông.

Thần thông của thiên sư nói khác hơn thần thông các nơi khác nói, ngoại đạo không có được. Dùng thần thông biến hóa mà nói rằng đó là Phật thì ngoại đạo cũng có, tiên, thần thánh cũng có. Thần thông như ngài nói, chúng ta cũng làm được. Không cần luyện, chỉ ngay nơi hiện tại tâm không chạy theo cảnh thì vào chỗ nào cũng thông.

Vị đạo nhân vô y này do đạt được sáu thứ sắc thanh hương vị xúc pháp đều là không tướng, nên chúng không thể trói buộc được. Vị đạo nhân đó tuy còn mang thân năm uẩn, còn sắc chất hữu lậu mà là địa hành thần thông, tức là thần thông đi trên đất, vẫn sinh hoạt bình thường không có gì khác lạ.

Đạo lưu! Chân Phật vô hình, chân pháp vô tướng. Các ông vì sao lại trên cái huyễn hóa mà làm khuôn mẫu. Giả sử cầu được cũng là dã hồ tinh mị, đều không phải là Phật chân thật, mà là kiến giải của ngoại đạo. Phàm người học đạo chân thật thì đều không chấp giữ Phật, không chấp giữ Bồ-tát La-hán, không chấp giữ ba cõi thù thắng, bỗng nhiên thoát khỏi một mình, không bị vật câu thúc. Trời đất đảo lộn ta cũng chẳng nghi, mười phương chư Phật ở trước mắt cũng không một niệm tâm vui, tam đồ địa ngục chột hiện cũng không một niệm tâm sợ. Do nhân duyên nào được như thế? Bởi ta thấy được tướng không của tất cả pháp. Biến hiện thì có, không biến hiện thì không. Ba cõi chỉ có tâm, muôn pháp chỉ có thức. Cho nên mộng huyễn không hoa, đâu cần khó nhọc đuổi bắt! Chỉ người nghe pháp hiện giờ ở trước mắt các ông, vào lửa không bị cháy vào nước không bị chìm, vào tam đồ địa ngục như dạo hoa viên, vào ngạ quỷ súc sanh mà không thọ báo. Do đâu được như vậy? Do không hồ nghi pháp này.

Ông nếu yêu thánh ghét phàm

Chìm nổi trong biển sanh tử,

Phiền não do tâm cố khởi

Vô tâm phiền não nào ràng? Chẳng nhọc phân biệt chấp tướng Tự nhiên đạt đạo an nhàn.

Các ông toan bôn ba chạy khắp nhà bên cầu học được trong ba a-tăng-kỳ kiếp, rốt lại cũng chỉ là sanh

tử. Chi bằng ở trong rừng lâm ngồi tréo chân góc giường làm người vô sự.

Ngài nhắc nhở người học đạo *chân Phật là vô hình, chân pháp là vô tướng*, nếu trên huyễn hóa mà tạo hình tướng, dù có cầu được cũng đều là dã hồ tinh mị, trọn không phải Phật. Người học đạo chân chánh đều không nên chấp Phật, không chấp Bồ-tát La-hán, chẳng chấp tam giới thù thắng, một mình riêng vượt thoát, không bị vật trói buộc. Dù trời đất sụp đổ vẫn không nghi, mười phương chư Phật hiện tiền cũng không mừng, tam đồ địa ngục hiện ra cũng không sợ. Vì thấy các pháp không tướng, không thật nên tâm chẳng động.

Ngài nhắc đi nhắc lại *chỉ có người nghe pháp hiện nay ở trước mắt*, người đó vào lửa không cháy, vào nước không chìm, vào tam đồ địa ngục như dạo vườn đẹp, vào trong ngục quỷ súc sanh mà không thọ báo. Người đó mới là người đặc biệt.

Chúng ta thường tụng kinh Phổ Môn mà không hiểu ý kinh. Như nghe nói niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm vào lửa không cháy, vào nước không chìm... thì tưởng rằng cứ niệm danh hiệu Bồ-tát liền được thần thông cứu độ. Không phải như vậy. Phải hiểu rằng nếu chúng ta ngộ được Quán Âm là giải thoát tự tâm như tổ Lâm Tế nói, ngộ được cái đó thì vào lửa không cháy, vào nước không chìm. Giải thoát không có hình tướng nên không bị các vật có tướng làm hại. Trong kinh thường nói tu theo pháp môn của Bồ-tát Quán Thế Âm là *phản văn văn tự tánh*, tức là trở về tự tánh của mình. Tự tánh là người hiện nghe pháp đang ở trước mặt chúng ta, người đó mới là người chân thật. Được như vậy là vì tâm không ưa ghét... Ngài dẫn kệ:

Ông nếu yêu thánh ghét phàm

Chìm nổi trong biển sanh tử,

Phiền não do tâm cố khởi

Vô tâm phiền não nào ràng? Chẳng nhọc phân biệt chấp tướng Tự nhiên đạt đạo an nhàn.

Các ông nếu ưa thánh ghét phàm thì chìm nổi trong biển sanh tử. Phiền não do tâm mà có, nếu vô tâm thì phiền não ràng buộc được gì? Chẳng nhọc phân biệt chấp tướng, tự nhiên được đạo trong chớp mắt.

Các ông nghĩ chạy lăng xăng hướng bên ngoài học đạo dù trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp, rốt cuộc trọn trở về sanh tử, chỉ bằng vô sự nơi từng lâm, ngồi ở trên giường treo cẳng mà chơi. Thật là nhàn quá nhàn, nếu biết tu thì không tốn công sức, không biết thì khổ công bao nhiêu rốt cuộc rồi cũng vẫn là sanh tử.

Đạo lưu! Như có người học ở các nơi đến, chủ và khách thấy nhau xong, liền có một câu hỏi khơi mào thiện tri thức. Vị thiện tri thức này bị người học đưa ra một lời có tánh cách thăm dò hướng vào vị thiện tri thức, xem vị này có hiểu không. Vị thiện tri thức nếu biết được là cảnh, nắm được liền ném xuống hăm. Người học tức là kẻ tầm thường. Rồi sau người học lại yêu cầu thiện tri thức nói, thiện tri thức y như trước đoạt lấy. Người học nói: Thượng trí thay, là bậc đại thiện tri thức! Liền nói: Ông thật không biết tốt xấu.

Như vị thiện tri thức ấy đưa ra một cảnh, hướng người hỏi mà trêu đùa. Người học biết được lần lần

làm chủ không bị cảnh làm mê hoặc. Vị thiện tri thức liền hiện nửa thân. Người học liền hét! Vị thiện tri thức liền dùng ngôn ngữ sai biệt mà tấn công. Người học nói: Lão tử trọc không biết tốt xấu. Vị thiện tri thức khen rằng: Người học đạo chân chánh.

Đây là nói thiện tri thức và người học, hai bên đều là những người có khả năng thâm hiểu thiên.

Thường chủ khách gặp nhau hay đưa ra một câu hay một cảnh để biện biệt nhau. Nếu người học tới, thiện tri thức liền nêu lên cảnh hoặc câu nói, một hành động để gài bẫy người học, người học biết, liền nắm cảnh đó đảo ngược lại thì thiện tri thức liền biết đó là người tài.

Người học đưa ra cảnh gài bẫy thiện tri thức, thiện tri thức chuyển cảnh đó được, người học bèn tìm cách khác phá thì thiện tri thức dùng tất cả phương tiện ngôn ngữ khéo léo để bác bỏ. Người học đầu hàng, bèn nói: À! Đây là ông già thiện tri thức rất hay, rất giỏi, đại trí tuệ. Vị thiện tri thức ấy phải trả lời: “Chú là người không biết tốt xấu!” Không bao giờ người ta khen mình mà mình chấp nhận.

Nếu thiện tri thức dùng nhiều thứ tấn công mà người học không bị mê hoặc, chiến đấu tới cuối cùng. Lúc đó thiện tri thức công nhận người học này là chân chánh học đạo. Người học nếu biết thì phải nói lại, ông tổ trọc già này không biết tốt xấu. Thủ thuật nhà thiên là khi nghe người khen mình thì phải nói một câu để lời khen không có ý nghĩa. Tức là không dính trong khen chê; không phải nghe khen rồi hài lòng, lên mặt tự kiêu. Như vậy mới gọi là thiện tri thức, mới gọi là hiểu nhau, đó là ý đặc biệt của nhà thiên.

Những câu nói nhà thiền, đúng sai chúng ta không thể biết. Hoặc các ngài dùng câu “tha người hai chục gậy”, nghe tha đó mà không biết là thưởng hay phạt. Trong khi ra trận xỏ cờ khai chiến, hai bên nếu hiểu nhau, người này đầu hàng người kia, khen người kia thì người kia phải có một câu như vậy, ngược lại ông thầy khen trò thì trò cũng phải có một câu nói như lỗ măng vậy, thì mới đúng.

Như các vị thiện tri thức khắp nơi không phân biệt được tà chánh. Người học đến hỏi về Bồ-đề Niết-bàn, cùng cảnh trí của ba thân. Thầy tu mù bèn vì người kia giải nói, bị người học mắng, liền dùng gậy đánh, nói là đồ vô lễ độ. Tự nơi thiện tri thức kia không mắt thì cũng đừng giận người khác.

Ngài nói người không biết đạo lý gặp người học đến hỏi Bồ-đề Niết-bàn, tam thân cảnh trí, lão thầy mù liền vì người đó mà giải nói thế nào là ba thân, thế nào là tứ trí... bị người học kia mắng bèn nắm gậy mà đập người kia, nói rằng không lễ độ. Chỉ vì thiện tri thức không có mắt sáng rồi trách người ta. Thiện tri thức như thế không được sân giận người.

Có một bọn thầy tu không biết tốt xấu. Khi có người đến hỏi liền chỉ đông chỉ tây, nói tạnh nói mưa, nói lông đèn cây cột, ông xem lông mày có mấy sợi, đây là đủ cơ duyên... Người học không lãnh hội được, tâm liền phát cuồng. Bọn này, đều là dã hồ tinh mị, là ma quái ở cây đá. Lại bị người học khúc khích cười nói: Lão tổ già trọc mù hoặc loạn người trong thiên hạ.

Ý ngài quả trách những lối dạy thiền có tánh cách lạ lùng, làm người học hoang mang.

Đạo lưu! Người xuất gia cần yếu học đạo. Chỉ như Sơn tăng xưa kia từng để tâm trong luật tạng, cũng từng tìm tòi trong kinh luận, về sau mới biết đây là phương thuốc cứu đời được nói một cách rõ ràng. Nhưng rồi Sơn tăng một lúc quăng ném tất cả, đi tìm thiện tri thức hỏi đạo tham thiền. Sau gặp được thiện tri thức lớn, đạo nhân mới được rõ ràng, mới biết được Lão hòa thượng trong thiên hạ, biết được việc tà chánh kia, chẳng phải sanh ra liền lãnh hội. Lại còn tham cứu mài luyện một hôm mới được tự tỉnh.

Người xuất gia cần phải học đạo. Ngày xưa ngài cũng lưu tâm nơi Luật, cũng từng tìm kiếm nơi Kinh luận, sau mới biết đó là thứ thuốc cứu đời, chỉ là sự thuyết giảng. Ngài buông bỏ hết bèn đi hỏi đạo tham thiền, sau gặp đại thiện tri thức mới được đạo nhân phân minh, tức là ngộ. Tổ Hoàng Bá đánh ba gậy, đến ngài Đại Ngu nói một câu ngài ngộ. Ngộ vậy xong chưa? Lúc đó ngài mới biết được Lão hòa thượng trong thiên hạ, mới biết được tà chánh. Không phải hội rồi hiểu rồi là xong, từ đó trở về sau còn phải thể cứu mài luyện, nhờ vậy mà một hôm được tự tỉnh.

Đạo lưu! Các ông muốn được kiến giải đúng pháp, chỉ đừng cho người làm mê hoặc. Bên trong bên ngoài khi gặp liền giết, gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ, gặp La-hán giết La-hán, gặp cha mẹ giết cha mẹ, gặp thân thuộc giết thân thuộc, như vậy mới được giải thoát, không bị vật câu thúc, thấu thoát tự tại. Người học đạo khắp nơi chưa từng có người chẳng nương tựa vật mà đến. Sơn tăng đối bọn này đánh phủ đầu họ, từ

tay đến thì đập ngay tay, từ miệng tuôn ra thì đập ngay miệng, từ mắt ra thì đánh ngay mắt. Chưa từng có người một mình thoát ra được, đều là giẫm trên mảnh đất quen thuộc của người xưa. Sơn tăng không có một pháp cho người, chỉ là trị bệnh, mở trói.

Lời của thiền sư nghe rất trái với Phật tử. Phật dạy phải kính lỵ thân quyền thuộc, đây thì nói gặp ai giết nấy. Phải hiểu là khi chúng ta tu, trong tâm niệm dấy lên những gì đều phải buông bỏ, đó gọi là giết. Không chấp nhận tất cả thì mới được giải thoát, không bị vật làm chướng ngại, mới được thấu thoát tự tại.

Ngài nói những người đến hỏi đạo hầu hết đều gá nương vào những câu những việc của người xưa làm, rồi đặt ra mà hỏi, đặt ra mà tìm. Nếu ngài thấy vừa khởi hỏi cái gì, vừa bày ra hành động bắt chước người xưa thì ngài đều dẹp hết, nên nói thấy hiện ra đâu thì đánh đó. Ngài không có một pháp cho người, chỉ là trị bệnh và mở trói cho họ.

Hàng đạo lưu khắp nơi thử chẳng nương vật mà đến đây, tôi cần cùng các ông bàn bạc. Năm năm mười năm cũng không có một người. Tất cả đều là kẻ nương cở tựa lá, là tinh linh của tre của gỗ, là dã hồ tinh mị hướng vào trong tất cả đồng phần mà gặm loạn. Thật là kẻ đui mù làm tiêu của mười phương tín thí rất oan uổng, bảo mình là kẻ xuất gia mà khởi ra kiến giải như thế. Tôi nói với các ông: không Phật, không pháp, không tu, không chứng, chỉ hướng nhà bên cầu vật gì? Thật là kẻ mù trên đầu thêm đầu, các ông thiếu thốn cái gì?

Các ông từ nơi khác đến đây, nếu các ông không gá nương vật thì ta sẽ cùng bàn luận. *Năm năm mười năm cũng không có một người. Tất cả đều là kẻ nương cở tựa lá, là tinh linh của tre của gỗ, là dã hồ tinh mị hướng vào trong tất cả đồng phần mà gặm loạn.* Tại sao? Vì những câu nói của người xưa đã bỏ ra rồi, giờ chúng ta cứ theo đó mà nghiền ngẫm, bị ngài quở là nhằm trên đồng phần mà nhai loạn. Ngài chê trách rất nặng! Chúng ta cũng nằm trong nhóm đó, cứ nhai, nghiền ngẫm lại những gì người ta đã bỏ ra. Người gá nương vào những câu nói của người xưa, bám vào đó làm sự nghiệp, nếu nói với họ rằng không Phật, không pháp thì không bao giờ họ chịu nổi. Như vậy mà tìm, càng tìm thì chẳng khác nào đã có đầu lại thêm đầu. Thật ra mình không thiếu gì cả.

Đạo lưu! Cái tác dụng ở trước mắt các ông, cái ấy cùng Phật tổ không khác, chỉ vì không tin nên mới hướng ngoại tìm cầu. Chớ lầm! Hướng bên ngoài không pháp, bên trong cũng không được. Các ông giữ lấy lời nói phát ra từ miệng Sơn tăng, chỉ bằng thôi dứt vô sự đi. Nếu vọng khởi lên chẳng cho tiếp tục, nếu chưa khởi đừng cho khởi, lại hơn các ông mười năm hành cước.

Nói đi nói lại rồi ngài cũng trở về cái đó, cái hiện dùng ở trước mắt của chúng ta cùng Phật tổ đâu có khác. Chỉ thế mà không tin bèn nhắm ra ngoài mà tìm. Chớ lầm! *Hướng bên ngoài không pháp, bên trong cũng không được.* Chúng ta có cái lầm lớn, nghe nói chạy ra ngoài tìm không được, liền nhắm vô trong. Ngồi thiền hướng vào trong, nghe tim nháy thành thạch, tưởng hướng nội là hướng như vậy. Không ngờ cái đó rõ ràng, không trong không ngoài. Chạy ra ngoài là

sai, chạy vô trong cũng sai. Bệnh của chúng ta thường nghĩ không ngoài tức là trong, không trong tức là ngoài, nên không thấy được cái đó.

Các ông giữ lấy lời nói phát ra từ miệng Sơn tăng, chỉ bằng thôi dứt mà vô sự đi. Chúng ta nghe nói cái gì thì nhận học thuộc lòng cái đó, ôm giữ một bụng kinh điển. Cái đó là cái cần thấy, thấy được là xong, không thấy thì dù ghi chép bao nhiêu sách cũng như vậy cũng y như xưa. Sao không biết thôi dứt niệm khởi, làm người vô sự là xong.

Nếu vọng khởi lên chẳng cho tiếp tục, nếu chưa khởi đừng cho khởi, lại hơn các ông mười năm hành cước. Đó là lối dạy tu, nếu vọng niệm đã khởi lên thì đừng tiếp tục, đừng chạy theo, nếu chưa khởi thì đừng cho nó khởi. Như thế là đủ, còn gì phải nhọc nhằn. Được như vậy còn hơn mười năm đi hành cước.

Riêng về chỗ thấy của Sơn tăng không như nhiều người. Chỉ bình thường mặc áo ăn cơm làm người vô sự qua ngày. Các ông ở khắp nơi đến, đều là hữu tâm cầu Phật cầu pháp, cầu giải thoát cầu ra khỏi ba cõi. Kê si! Các ông muốn ra khỏi ba cõi, đi ra chỗ nào? Phật tổ là danh cú tán thưởng ràng buộc.

Ngài không có nhiều việc như mọi người, chỉ bình thường mặc áo ăn cơm, vô sự qua ngày, nhàn sao là nhàn! Còn chúng ta bày ra đủ việc hết.

Các ông muốn biết ba cõi không? Không lìa tâm đang nghe pháp của ông. Một niệm tâm tham của ông là Dục giới, một niệm tâm sân của ông là Sắc giới, một niệm tâm si của ông là Vô sắc giới, đó là đồ dùng trong

nhà của ông. Ba côi không tự nói ta là ba côi, vốn là ở trước mắt Đạo lưu, nó mầu nhiệm chiếu sáng khắp nơi, là phương tiện độ người trong thế giới, cùng với ba côi mà có tên.

Tam giới chính là tâm địa nghe pháp hiện nay của các ông đó. Các ông một niệm tâm tham dấy lên là Dục giới, một niệm tâm sân dấy lên là Sắc giới, một niệm tâm si dấy lên là Vô sắc giới. Đó là đồ dùng trong nhà của các ông. Tam giới không tự nói nó là tam giới, chỉ do vọng niệm mình đặt ra tam giới thì nó biến thành tam giới.

Đó cũng là đạo nhân lành lợi sáng suốt ở trước mắt của các ông, đặt tên cho vạn pháp trong thế giới. Tất cả đều do người đó đặt ra nên có tên gọi thế này thế kia. Nhận ra được người đó là xong, không cần đi đâu, không cần tìm kiếm bất cứ cái gì. Nếu không nhận ra được người đó, có muốn ra tam giới cũng không ra được.

Chư Đại đức! Sắc thân bốn đại đều vô thường, cho đến tỳ vị gan mật, tóc lông răng móng..., chỉ thấy các pháp đều là không tướng. Chỗ một niệm tâm khô cạn của ông gọi là cây Bồ-đề. Chỗ một niệm tâm không khô cạn được của ông, gọi là cây vô minh. Vô minh không có chỗ trụ, vô minh không có chỗ khởi đầu và chung cuộc. Nếu tâm niệm các ông không khô cạn được cây vô minh, đồng thời vào lục đạo tứ sanh, mang lông đội sừng. Các ông nếu khô cạn được thì đây là thế giới của thân thanh tịnh. Các ông một niệm không sanh thì lên cây Bồ-đề, thân thông biến hóa trong ba côi, được ý sanh thân, được thiên duyệt pháp hỷ, thân thể sáng

suốt tự soi, nghĩ đến y phục thì tơ lụa ngàn trùng, nghĩ đến thức ăn thì trăm vị đầy đủ, lại không bệnh ngặt. Bồ-đề không chỗ trụ, cho nên vô đắc vậy.

Nếu trong tâm chúng ta không có một niệm dấy lên, đó là cây Bồ-đề. Niệm dấy liên miên dừng không nổi, đó là treo lên cây vô minh. Ngài nói rõ thế nào là vô minh, thế nào là Bồ-đề. Nếu chúng ta được Bồ-đề thì đó là được ý sanh thân, được pháp hỷ thiên duyệt, được thân phóng hào quang tự sáng, được đến chỗ nghĩ ăn có ăn, nghĩ mặc có mặc, không bệnh không ưu.

Đạo lưu! Đại trưởng phu lại còn nghi cái gì? Chỗ dùng trước mắt lại là ai? Nắm được liền dùng, chớ dính mắc vào danh tự, đấy gọi là huyền chỉ. Thấy được như thế chớ nghi pháp này. Người xưa nói:

Tâm theo muôn cảnh chuyển,

Chỗ chuyển thật sâu xa.

Theo dòng nhận được tánh,

Không mừng cũng không lo.

Cái hiện dùng trước mắt đây lại là cái gì nếu không phải là mình? Nắm được thì dùng đừng đặt tên này tên kia, huyền chỉ là chỗ đó, đừng nghi ngại. Người xưa nói: *Tâm theo muôn cảnh chuyển, chỗ chuyển thật sâu xa, theo dòng nhận được tánh, không mừng cũng không lo.*

Đạo lưu! Đối với kiến giải Thiên tông, việc sống chết là lẽ tuần hoàn như vậy, người tham học cốt phải nhận thức một cách rõ ràng. Như chủ khách gặp nhau, liền có bàn luận qua lại, hoặc ứng vật hiện hình, hoặc

khởi tác dụng toàn thể, hoặc bày phương tiện hỷ nộ, hoặc hiện nửa thân, hoặc cười sư tử, hoặc cười voi chúa. Như có người học chân chánh đến, người ấy liền hét và đưa ra một cái bẫy. Thiện tri thức không biện được cảnh, bèn trên cảnh mà mò mẫm làm khuôn làm mẫu. Người học liền hét, thiện tri thức không chịu buông bỏ, đấy là bệnh nặng không thể chữa. Gọi là khách xem chủ.

Ngài nói kiến giải Thiền tông, việc sống chết chỉ xoay vần như vậy. Người tham học rất cần phải chín chắn. Như chủ khách thấy nhau, bèn có những lời lẽ qua lại, *hoặc ứng vật hiện hình, hoặc toàn thể tác dụng, hoặc lập phương tiện hỷ nộ, hoặc hiện nửa thân hoặc cười sư tử, hoặc cười tượng vương...*

Người học nếu khéo đưa một câu như gài bẫy, thiện tri thức không biện được cảnh đó, bèn ở trên cảnh làm hình làm thức, người học bèn hét, tức là nạt nói ông sai lầm. Nếu thiện tri thức không chịu buông, thì đây là bệnh nặng thâm nhập tột ở trong, rất khó chữa trị, gọi là *khách xem chủ*. Thiện tri thức là chủ, người khách tới đưa một câu gài bẫy, nên gọi là *khách xem chủ*. Thí dụ như hỏi: Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang? Nếu trả lời tổ sư từ Ấn Độ qua muốn dạy cái này cái kia, là đã bị gài bẫy; đã nói như vậy mà khách hét lên một tiếng, mình cũng còn cho là mình đúng, vậy là bệnh hết trị, chủ thua khách, cho nên gọi là *khách khán chủ*.

Hoặc là vị thiện tri thức không đưa ra một biểu tượng nào, tùy theo chỗ hỏi của người học mà đoạt phá.

Người học bị đoạt phá đến chết không chịu buông. Đây là chủ xem khách.

Hoặc là người học đưa một cảnh thanh tịnh biểu xuất ra trước vị thiện tri thức. Vị thiện tri thức hiểu đó là cảnh liền chụp mà ném xuống hầm sâu. Người học nói: Rất giỏi! Vị thiện tri thức liền nói: Đồ không biết tốt xấu! Người học liền lễ bái. Đây gọi là chủ xem chủ.

Hoặc có người học mang gông xiềng ra trước vị thiện tri thức. Vị thiện tri thức lại cho mang thêm một loại gông xiềng nữa. Người học rất vui vẻ, phải quấy không phân. Gọi đó là khách xem khách.

Chư đại đức! Sơn tăng đã nêu lên những điều như trên, đều là biện rành ma sự, giản trạch những điều khác lạ, biết được tà chánh.

Hoặc thiện tri thức tùy chỗ của người học mà đưa ra một câu đoạt. Người học bị bác bị dẹp mà cứ bám cho là đúng, tức là chết trong câu đó. Người học không thông, gọi là *chủ xem khách*.

Hoặc có người học dùng một cảnh thanh tịnh đến trước thiện tri thức, thiện tri thức biện được cảnh ấy, nắm được quặng ném đi. Người học khen thiện tri thức, thiện tri thức chê lại. Tức là hai người tương đương, đều là người thông hiểu hết, gọi là *chủ xem chủ*.

Hoặc có người học mang gông cùm đến trước thiện tri thức, kẻ đó là kẻ chấp. Thiện tri thức lại cho thêm một lớp gông cùm nữa, người ta đã chấp lại cho thêm cái chấp nữa.

Học nhân vui mừng khen. Cả hai đều không thông, tức chủ và khách đều không rành, gọi là *khách xem khách*.

Trong nhà thiền, khi nào nói chủ xem chủ tức là hai người đã thông, nếu khách xem khách thì hai người đều mù, chủ xem khách thì biết rằng chủ thông mà khách không thông, còn khách xem chủ tức là khách thông mà chủ không thông. Đây là chỗ phân biệt của các ngài.

Ngài đưa ra như thế đều là để biện rành ma sự và giản trạch những điều khác lạ, biết được tà chánh kia vậy.

Đạo lưu! Thật tình rất khó. Phật pháp u huyền, chỗ có thể tạm hiểu được trọn ngày Sơn tăng đã nói trắng ra hết với mọi người. Người học rốt lại không lưu ý, ngàn vạn lần cứ giẫm mãi lên chỗ tối đen lem luốc. Không có một bóng dáng, riêng rõ ràng sáng suốt, người học tin chẳng đến, liền hướng trên chữ nghĩa mà sanh hiểu. Qua mất năm mươi năm, chỉ đoái đến nhà bên mang tử thi mà đi, quảy gánh đi khắp thiên hạ, có ngày sẽ bị đòi nợ tiền giày cỏ.

Thật tình rất khó, đây là ngài chỉ cho thấy chỗ Phật pháp u huyền rất khó như vậy. Ngài trọn ngày vì người nói trắng ra mà người không hiểu ý, ngàn lần vạn lần bước chân họ giẫm qua, mà không thoáng hiện ra được cái sáng. Cái riêng sang của mỗi người sẵn có, không hình tướng mà không tin đến, cứ chạy theo danh cú mà sanh hiểu. Mãi cho đến năm chục năm cũng chỉ lo gánh cái thầy chết hướng nhà bên mà đi, không được gì cả! Cái thầy chết tức là những tử ngữ, những danh từ, những câu nói của các thiền sư. Cứ ôm vào một bụng mà không hiểu, không nhận được cái thật. Người

quả gánh đi trong thiên hạ, tức là đi hành cước cho đến rách hết giày dép, có ngày sẽ bị đòi tiền giày cỏ, tức là ăn của tín thí mà chạy tìm đạo, tìm hoài không được, có ngày phải trở lại hoàn trả nợ tín thí.

Chư đại đức! Sơn tăng nói hướng bên ngoài không có pháp. Người học chẳng lãnh hội liền hướng bên trong mà tìm hiểu, rồi nương vách mà ngồi, lười để trên ổ gà, lặng yên bất động. Giữ như vậy cho là Phật pháp nơi cửa Tổ sư. Lầm to rồi! Nếu các ông cho cảnh thanh tịnh bất động là phải, tức là nhận vô minh làm ông chủ. Người xưa nói: Lặng lặng hầm sâu đen ngòm (Trạm trạm hắc ám thâm khanh). Thật đáng sợ!

Các ông nếu nhận cảnh động là phải thì tất cả cỏ cây lý ưng là đạo! Vì nó đều động. Cho nên động là phong đại, chẳng động là địa đại. Động cùng chẳng động đều không có tự tánh. Các ông nếu hướng về chỗ động nắm bắt nó, thì nó chạy về chỗ bất động.

Các ông nếu hướng về chỗ bất động nắm bắt nó, thì nó chạy về chỗ động. Như người lặn xuống suối mò cá thì cá vỗ sóng tự vọt lên.

Người học nghe nói chạy ra ngoài là sai, phải phản quan tự kỷ, liền ngồi dựa vách, để lười trên ổ gà, yên lặng nhìn vào cái bất động bên trong, tưởng như vậy là đúng. Nhận lấy chỗ này cho là Phật pháp trong cửa Tổ. Rất lầm!

Cái tịch tịch linh tri là phải, nhưng yên lặng mờ mịt tức tịch tịch hôn trầm là thuộc vô minh, không đúng pháp. Vì thế chỗ này rất là khó. Nghe Tổ nói vô tâm không có niệm khởi là Bồ-đề, rồi cứ cố nhìn bên trong, đè niệm không cho

khởi, đó là lạc vào vô minh. Tuy không động mà luôn thấy biết nghe hiểu, cái rõ rõ sáng suốt này gọi là cô minh, riêng sáng không phải tối, tuy không có vọng niệm mà vẫn biết, vẫn sáng. Nếu nhận vô minh làm chủ thì như người xưa nói, chìm trong hầm hắc ám, thật đáng sợ vậy! Đây tức là bệnh của người thích cái bất động.

Bất động không phải thì động có phải không? Nếu nhận cái động thì tất cả cỏ cây đều động, đáng lẽ là đạo rồi. Động thuộc gió tức là phong đại, bất động thuộc về địa đại, động cùng bất động đều không có tự tánh, cái không tự tánh mà chấp nó là mình thì quá lầm! Nếu nhằm vào chỗ động nắm y thì y sẽ chạy vào chỗ bất động. Thí dụ như con cá ẩn dưới suối, vỗ sóng nhảy vọt lên. Rốt cuộc càng chạy tìm càng không được, chỉ cái hiện sờ sờ đó, không tìm mà thấy, cái đó mới thật.

Đại đức! Động cùng bất động là hai loại cảnh. Tuy nhiên bậc đạo nhân vô y thì dùng cả động cùng chẳng động. Như người học mọi nơi đến, Sơn tăng đối với họ dùng ba loại căn khí đoạn. Như người căn khí bậc trung hạ đến, ta liền “đoạt cảnh chẳng đoạt pháp”. Người căn khí bậc trung thượng đến, ta liền “cảnh và pháp đều đoạt”. Người căn khí bậc thượng thượng đến, ta liền “cảnh, pháp, nhân đều chẳng đoạt”. Như người có kiến giải xuất cách đen, Sơn tăng liền “toàn thể tác dụng” không trải qua căn khí.

Chư đại đức! Đến chỗ này người học ra sức cũng chẳng thông. Đá nháng điện xẹt liền qua rồi. Người học chỉ trong nháy mắt liền không can hệ. Tâm vừa

dấy liền sai, động niệm liền thành trái. Người hiểu thì chẳng rời trước mắt.

Đến đây ngài nói động và bất động thuộc về cảnh, bậc đạo nhân vô y thì dùng được động và cả bất động. Như vậy trong cái động tìm không được, trong cái bất động cũng tìm không được, phải nhận ra đạo nhân vô y đó.

Học giả các nơi đến, ngài chia làm ba loại căn khí. Người căn khí bậc hạ nhưng hạ của bậc trung, không nói hạ bậc hạ, thì ngài phá cảnh mà không phá pháp, tức là *đoạt cảnh chẳng đoạt pháp*. Người trung thượng căn đến, *đoạt cảnh lẫn pháp*. Người thượng thượng căn đến, *cảnh pháp người đều không đoạt*. Người thứ tư là *người có kiến giải xuất cách đến* thì ngài bèn *toàn thể tác dụng*, chẳng cần căn khí.

Chỗ ngài dùng thể dụng đồng thời, nếu người học không có sức mạnh thì không thể thông nổi, cũng như cọ đá nháng lửa hoặc tia chớp xẹt, nếu không nhận kịp thì liền qua mất. Người học nếu chỉ trong nháy mắt, nghĩa là cho này rất nhanh, chớp mắt liền không can hệ. Chỗ đó tâm nghĩ liền sai, động niệm liền trái.

Chư đại đức! Các ông mang bát, mang túi phần chạy đến nhà bên cầu Phật cầu pháp, tức ngay đây chạy tìm cầu cái gì? Các ông biết nó chẳng? Nó là cái linh động cùng khắp mà không cội rễ, gom lại không họp, vung ra không tan, tìm cầu liền chuyển thành xa, chẳng cầu nó lại ở trước mắt, là âm thanh mâu nhiệm của tai. Nếu người chẳng tin luống nhọc trăm năm.

Hiện nay cứ như vậy mà cầu Phật cầu pháp, các ông lại biết y chẳng? Sống động tự nhiên, không gốc rễ, gom lại nó

cũng không nhóm, gạt ra nó cũng không tan, tìm thì lại càng xa, không tìm thì ở trước mắt, là cái biết lạnh lợi nơi tai. Người không tin hiểu nhọc nhằn cả trăm năm tìm cũng không ra. Vì thế tôi nói rằng học tu thiên là học mà không học, tu mà không tu. Chỗ này không cho khởi tâm. Động niệm là trái, khởi câu là sai, rất kho mà cũng rất dễ, người tin không tới thì thấy khó, người tin tới thì rất dễ. Dễ mà khó, nghĩa là thấy rồi nhưng sống được với y mới khó, nếu để mấy chú kia chen vô thì y bị văng mặt luôn.

Đạo lưu! Chỉ khoảng sát-na vào thế giới Hoa Tạng, vào cõi nước Tỳ-lô-giá-na, vào cõi giải thoát, vào cõi thần thông, vào cõi thanh tịnh, vào pháp giới, vào uế vào tịnh, vào thánh vào phàm, vào ngạ quỷ súc sanh. Dù tìm kiếm khắp mọi nơi cũng không thấy có sanh tử, chỉ có tên rỗng, huyễn hóa như hoa đốm trong hư không, chớ nhọc công nắm bắt, được mất phải quấy một lúc đều buông hết.

Một tánh linh thông trùm khắp tất cả cõi nước, luôn hiển hiện đầy đủ, ở trong sanh tử mà không bị sanh tử chi phối. Vì sao? Nếu dạo khắp nơi chốn mà đều biết là huyễn hóa, chỉ có tên suông thì cần gì nắm bắt, buông tất cả niệm phải quấy được mất nên không bị buộc ràng.

Đạo lưu! Phật pháp của Sơn tăng truyền thừa rõ ràng từ hòa thượng Đạo Nhất, hòa thượng Lô Sơn, hòa thượng Đôn Hà, hòa thượng Ma Cốc, hòa thượng Thạch Cung, một đường đi khắp thiên hạ. Vì không người tin được nên khởi ra bài báng. Như chỗ tác dụng của hòa thượng Đạo Nhất thuần nhất không tạp,

người học ba trăm đến năm trăm tất cả đều chẳng thấy được ý ngài. Như hòa thượng Lô Sơn tự tại chân chánh, chỗ tác dụng hoặc thuận hoặc nghịch, người học thấy đều chẳng lường được bờ mé, tất cả đều mờ mịt. Như hòa thượng Đôn Hà đùa bỡn với hạt châu lúc ẩn lúc hiện, người học đến đều bị mắng. Như chỗ tác dụng của hòa thượng Ma Cốc đáng như vị hoàng bá, thân cận chẳng được. Như chỗ tác dụng của ngài Thạch Cửng tìm người trên đầu mũi tên, người học đều sợ.

Trong dòng mạch Phật pháp, ngài kế thừa từ hòa thượng Ma Cốc, hòa thượng Đôn Hà, hòa thượng Đạo Nhất, hòa thượng Lô Sơn cho đến hòa thượng Thạch Cửng, một đường đi khắp trong thiên hạ, không người tin được, trọn đều khơi ra bài bác.

Dẫn chứng về hệ thống truyền thừa, các thiền sư như Ma Cốc, Đôn Hà, Lô Sơn Quy Tông, Thạch Cửng, đều là đệ tử đời thứ ba sau Lục Tổ. Các vị đều là đệ tử của ngài Mã Tổ, riêng thiền sư Đôn Hà là đệ tử của ngài Thạch Đầu. Hành trạng của các ngài cao tột, dọc ngang tự tại. Ngài Lâm Tế là đệ tử đời thứ năm sau Lục Tổ, kể lại những nét đặc biệt trong tác dụng tiếp người của chư tổ, dẫn tiếp đến đời ngài, đều mang những sắc thái đặc biệt khó lường.

Như chỗ dùng của Sơn tăng hôm nay, chân chánh thành hoại, đùa bỡn thần biến vào tất cả cảnh tùy chỗ vô sự, cảnh chẳng thể lay chuyển. Tuy nhiên có người đến câu, ta liền ra xem y, y không biết ta, ta liền mặc vài loại áo. Người học hướng vào câu lời của ta mà sanh hiểu. Khổ thay! Gã thấy mù nắm vào lớp áo ta

mặc, nhận ta là xanh vàng đỏ trắng. Ta cởi hết vào trong cảnh thanh tịnh, người học thấy được liền sanh ham thích. Ta cởi bỏ quách, người học mất điểm tựa, mờ mịt chạy điên cuồng, nói ta không áo. Ta liền nói với y rằng, ông biết ta là người mặc áo không? Chợt y hồi đầu nhận ra ta xong.

Đại đức! Chớ nhận áo, áo chẳng thể động, nhưng người hay mặc áo. Có cái áo thanh tịnh, có áo vô sanh, áo Bồ-đề, áo Niết-bàn, có áo Tổ sư, có áo Phật.

Tổ Lâm Tế đầy đủ quyền biến, tùy chỗ mà thay đổi để phá tất cả chấp. Tất cả danh từ Phật, Tổ, Niết-bàn, Bồ-đề, vô sanh, thanh tịnh, giải thoát... chỉ là những chiếc áo khoác vào thân của một người linh động. Chúng ta không nhận ra con người linh động mà chỉ nhận chiếc áo, thật rất uổng. Tổ nói tất cả người học nhìn trên cái áo của ngài cho rằng thế này thế kia, hoặc chê hoặc khen... đó thật là mê lầm.

Đại đức! Những âm thanh danh từ văn cú... chỉ là sự biến đổi của chiếc áo. Cú nghĩa là do sự kích động hơi từ huyết khí hải dưới rốn rồi đôi hàm răng chuyển động mà phát ra, nên biết rõ là huyễn hóa. Đại đức! Bên ngoài thì phát âm thanh của ngữ nghiệp, bên trong thì biểu hiện của tâm sở pháp, do nghĩ mà có niệm, tất cả đều là chiếc áo. Các ông chỉ nhận áo của người mặc cho là hiểu đúng, dù trải qua số kiếp như cát bụi cũng chỉ la y thông. Ba cõi vẫn xoay trong sanh tử, chi bằng vô sự: Gặp nhau mà không biết, cùng nói chẳng biết tên.

Người học thời nay không đạt được bởi vì nhận danh từ làm hiểu. Ghi chép những lời chết của người xưa trong quyển sổ to, bỏ vào ba lớp năm lớp túi áo không cho người thấy, nói là huyền chỉ cần phải bảo trọng. Lầm to! Kẻ đui mù! Trên xương khô làm sao các ông tìm ra nước?

Tiếng, danh từ, câu văn, đều là những chiếc áo biến đổi. Những danh từ ấy nơi khí hải ở dưới rốn kích động lên tới trên răng, trên nướu rồi cổ, lưỡi mà thành ra có cú nghĩa. Phải biết rõ nó là huyền hóa.

Bên ngoài nghiệp phát ra âm thanh lời nói, bên trong biểu hiện tâm sở pháp. Do suy nghĩ mà có niệm, thấy đều là chiếc áo, không phải chân chánh. Nhận những chiếc áo ấy mà cho là thật hiểu, dù trải qua kiếp số như trần sa cũng chỉ là y thông. Y thông tức là chỗ tựa vào để hiểu, không phải là thật giải thoát.

Tổ luôn nhắc người học không nên chấp cứng vào danh tự, vào kiến giải chết của người xưa. Chỉ cần linh hoạt nhận lấy người đang sống thật, người ấy không có tên, dù có gặp cũng không thể gọi nói bằng danh từ.

Có một bọn không biết tốt xấu, hướng vào giáo lý suy nghĩ luận bàn, thành ra văn tự, giống như kẻ bỏ cục phấn vào miệng ngậm rồi mớm cho người khác. Cũng giống như người thế tục truyền khẩu lệnh. Một đời luống qua sông mà cũng nói rằng ta xuất gia. Khi bị người hỏi Phật pháp thì ngậm miệng không lời, mắt tựa sơn đen, miệng như tấm bảng. Loại người như vậy

đợi gặp Phật Di-lặc ra đời, đưa qua thế giới khác, hoặc gửi xuống địa ngục tho khổ.

Có nhóm người không biết tốt xấu, nằm ở trong kinh điển nhận ý suy lường thành ra cú nghĩa, như là ngậm một cục phấn rồi phun ra cho người khác. Ngài nói thật không vị tình! Một đời luống qua, vậy mà cũng nói ta là người xuất gia, bị người khác hỏi đến Phật pháp chỉ ngậm miệng không lời đáp, con mắt như sơn đen, miệng như tấm bảng. Người tu như vậy, đến Phật Di-lặc ra đời nếu còn ở đây thì bị dời bỏ chỗ khác, hoặc gửi xuống địa ngục chịu khổ.

Chư đại đức! Các ông bốn ba khắp nơi tìm vật gì? Lê mòn gót chân không Phật có thể cầu, không đạo có thể thành, không pháp có thể được. Cầu Phật có tướng bên ngoài cùng ông chẳng giống. Muốn biết được bản tâm ông, chẳng hợp cũng chẳng lìa. Đạo lưu! Chân Phật vô hình, chân đạo vô thể, chân pháp vô tướng. Cả ba trộn lẫn hòa hợp một chỗ, biện biệt đã chẳng được, gọi là chúng sanh nghiệp thức mê mang.

Các ông lăng xăng chạy các nơi tìm vật gì? Giẫm lên mọi chỗ mà hoàn toàn không tìm được Phật pháp. Bởi *không Phật có thể tìm, không đạo có thể thành, không pháp có thể được*. Cầu Phật có tướng bên ngoài cùng với ông chẳng dính dáng chút nào. Muốn biết bản tâm của ông thì cái đó không phải hợp mà cũng không phải ly.

Phật chân thật thì vô hình, đạo chân thật thì vô thể, pháp chân thật thì vô tướng. Ba pháp lẫn nhau hòa hợp một chỗ. Người nào khởi tâm biện biệt cái đó, đã không tìm được mà còn gọi là chúng sanh nghiệp thức mờ mịt. Tổ Lâm Tế

một bề chỉ thẳng cho chúng ta thấy cái linh động hiện có ở trước mắt chúng ta là Phật thật là pháp thật. Chúng ta không chịu nhận cái đó, rồi tìm trong kinh sách, cho đó là sở đắc của mình, đem dạy kẻ khác thì ngài cho đó không lợi gì. Hoặc giả không chịu nhận ra, rồi tìm đông tìm tây, rốt cuộc càng tìm lại càng không thấy, cho nên phải biết Phật sống hiện hữu chính nơi mình, ngay đó mà nhận ra, muôn việc đều xong. Bằng không thì dù học kinh điển bao nhiêu năm đi nữa, rốt cuộc luân hồi cũng chưa thoát khỏi. Đó là điểm mà ngài cố nhắc nhở mọi người nên trực nhận lấy cái sẵn có.

**Hỏi: - Thế nào là chân Phật, chân pháp, chân đạo?
Xin thầy khai thị cho.**

Sư đáp: - Phật là tâm thanh tịnh. Pháp là tâm quang minh. Đạo là ánh sáng thanh tịnh tỏa khắp nơi không chướng ngại. Ba tức là một, đều là tên suông mà không thật có. Như đạo nhân chân chánh, niệm niệm tâm không gián đoạn. Tổ Đạt-ma từ Ấn đến, chỉ cốt tìm được người chẳng chịu bị người mê hoặc. Sau tổ Huệ Khả gặp một lời liên liễu ngộ, mới biết từ trước luống uổng dụng công. Chỗ thấy của Sơn tăng hôm nay cùng với Phật tổ không khác. Nếu trong câu thứ nhất được thì làm thầy Phật tổ, nếu trong câu thứ hai được thì làm thầy trời người, nếu trong câu thứ ba được thì tự cứu chẳng xong.

Có người hỏi *thế nào là chân Phật, chân pháp, chân đạo?* Sư chỉ dạy rằng: Phật là tâm thanh tịnh, pháp là tâm quang minh, đạo là mỗi chỗ mỗi chỗ thanh tịnh vô ngại. Phật pháp đạo, ba tức là một, đều là danh từ suông không thật có.

Người chân chánh học đạo, tự mỗi niệm tâm không gián đoạn. Từ tổ Đạt-ma ở Ấn Độ sang chỉ là tìm người không bị kẻ khác làm lầm. Sau gặp Nhị tổ Huệ Khả, Nhị Tổ ngay một lời nói được liễu ngộ mới biết từ trước chỉ luong dụng công. Chúng ta tu cách này cách kia mà không nhận ra người không bị kẻ khác làm lầm, đó là dụng công suông vô ích.

Chỗ thấy của ngài cùng Phật tổ không khác. Nếu trong câu thứ nhất mà được, làm thầy Phật tổ. Nếu trong câu thứ hai được, làm thầy trời người. Nếu trong câu thứ ba được, tự cứu cũng chẳng xong.

Câu thứ nhất chỉ cho chỗ nhất như bất động, câu thứ hai chỉ cho biện biệt được tà chánh thiện ác, câu thứ ba là mọi việc đều không thông. Ngài chỉ cho chúng ta thấy rõ Phật, pháp và đạo, ba cái chân thật đều chính nơi tâm sẵn có của mình, phải nhận nơi tâm mình mới là thật.

Từ lâu chúng ta có quan niệm lệch lạc, khi học Phật cứ nhìn ra bên ngoài. Như nghe danh từ Phật, thì tưởng là Phật Thích-ca ở Ấn Độ, không chịu nhìn lại Phật của mình. Khi học kinh, có các vị Bồ-tát hỏi Phật, chúng ta cũng cho đó là chuyện của Bồ-tát với Phật, không dính gì tới mình. Học như vậy cả một ngàn năm cũng chưa hiểu đạo.

Đức Phật dùng bao nhiêu danh ngôn đều nhắm thẳng vào tâm của chúng sanh, muốn mọi người nhân hình ảnh bên ngoài nhận được tự tâm mình. Chúng ta lại không chịu nhận, cứ chạy tìm cầu bên ngoài, thật là uổng công vô ích.

Như chúng ta lạy Phật mỗi đêm, có đúng là Phật Thích-ca ở Ấn Độ không? Ai dám bảo đảm là đúng? Tại sao chúng ta thờ, lạy? Phải biết lạy Phật là để mượn hình ảnh bên ngoài phản chiếu lại bên trong, lạy Phật là hướng về mình, nhớ đến

Phật là nhớ đến mình. Tất cả những hình tướng nghi lễ trong đạo Phật là cốt nhắc chúng ta trở về, không phải cốt dẫn chúng ta chạy ra ngoài. Chư tổ ngày xưa rất khéo, khi bắt đầu và kết thúc tụng niệm, luôn quy hướng lại về chính mình. Tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tăng, tức là trở về tự tánh Phật thanh tịnh của mình, trở về tự tánh Pháp sáng suốt, trở về tự tánh Tăng hòa hợp.

Vì chúng ta quên nên Tổ phải nói mạnh, nói mình chỉ học kinh, học những danh từ, rồi lấy đó làm sự nghiệp đời tu, đó là học ngôn ngữ, không phải học để giác ngộ. Phật dạy chúng ta tu đạt được bản tâm thấy được bản tánh, mình không chịu trở lại bản tâm không chịu thấy bản tánh, cứ chấp vào lời của Phật lấy đó làm sự nghiệp, thật là đáng thương.

Những năm về trước tôi dạy học cũng vậy, nhai rồi nhả cho người khác. Thí dụ dạy Sơ đẳng, viết chữ Phật, định nghĩa Phật là Giác. Giác có ba nghĩa tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, ghi ra để học thuộc lòng. Học năm năm mười năm rồi chỉ biết chữ biết nghĩa, càng học càng mờ mịt, suốt đời chạy theo danh từ, không biết tu cách nào để nhận ra Phật của mình. Tổ Lâm Tế

thương bệnh nặng này, buộc lòng ngài phải nói mạnh, đánh hét để cho người tỉnh. Như gậy từ bi của tổ Hoàng Bá đập Lâm Tế ba gậy, ngài mới được mười hai năm không thấy một tí nghiệp tánh bằng hạt cải, nếu không có ba gậy chắc cũng dễ quên. Những lời nói của tổ Lâm Tế âu cũng là những lời nói đại từ bi, những cây gậy của tổ Hoàng Bá, những lời nói của tổ Đức Sơn cũng là đại từ bi. Vì chúng ta quá mê chấp buộc lòng phải giáng những đòn như vậy mới thức tỉnh.

Hiểu một đôi lời chư tổ dạy đây, chúng ta nhìn lại việc tu, mình đang tu cho ai? Nếu chỉ so sánh kinh này thuộc Đại thừa nói như vậy, kinh kia thuộc Nguyên thủy nói khác, so sánh hoài, rốt cuộc rồi làm chuyện đầu đầu không dính gì với sự giải thoát. Chúng ta phải ý thức được chỗ quan trọng của người học đạo. Đó là chỗ biết tu và chưa biết tu.

Hỏi: - Tổ Đạt-ma từ Ấn sang Trung Quốc là ý gì?

Sư đáp: - Nếu có ý, tự cứu cũng chẳng xong.

Hỏi: - Nếu không ý sao Nhị Tổ được pháp?

Đáp: - Được ấy là chẳng được.

Hỏi: - Nếu chẳng được, thế nào là ý chẳng được?

Sư nói: - Vì hướng mọi nơi rong ruổi tìm cầu, tâm không thể thôi dứt. Cho nên Tổ sư nói: “Dốt thay kẻ trượng phu, đem đầu tìm đầu!” Các ông ngay nơi lời này mà tự hồi quang phản chiếu, chẳng tìm cầu gì khác, biết thân tâm cùng Phật tổ không khác biệt, ngay đó vô sự mới gọi là được pháp.

Người hỏi về ý tổ Đạt-ma từ Ấn sang, ngài nói vì ông nhằm tất cả chỗ, tâm tìm kiếm không thể thôi dứt, cho nên Tổ mới nói “Dốt thay trượng phu đem đầu tìm đầu”. Ông nếu ngay lời nói đó bèn tự hồi quang phản chiếu, lại không có tìm cầu gì khác. Biết thân tâm cùng Phật tổ không khác, liền đó vô sự, mới gọi là được pháp, nếu khởi ý tìm thì không được pháp.

Đại đức! Sơn tăng hôm nay bất đắc dĩ nói ra nhiều lời vụng về. Các ông chớ lầm! Theo chỗ thấy của ta thật không có đạo lý chi nhiều, cần dùng thì dùng, không

dùng thì thôi. Như khắp nơi nói lục độ vạn hạnh cho là Phật pháp, ta nói đây là cửa trang nghiêm, là cửa Phật sự chứ chẳng phải Phật pháp. Cho đến trì trai trì giới như bưng đĩa dầu không chao mà đạo nhân chẳng sáng thì cũng có ngày trả nợ cơm tiền. Tại sao thế?

Vào đạo chẳng thông lý

Đem thân đền tín thí, Trưởng giả tuổi tám một Cây kia chẳng sanh nhĩ.

Cho đến ở trên chót núi một mình, ngày ăn một bữa, ngồi mãi chẳng nằm, sáu thời hành đạo cũng đều là người tạo nghiệp. Cho đến dầu mắt tủy não, quốc thành thê tử, voi ngựa bảy báu đều đem xả thí. Những kiến giải như thế chỉ làm khổ thân tâm, trở lại chuốc quả khổ. Chẳng bằng vô sự thuần nhất không tạp, dù cho Bồ-tát Thập địa mãn tâm tìm cầu tung tích của đạo lưu này cũng không được. Cho nên chư thiên hoan hỷ, địa thần nâng chân, mười phương chư Phật đều khen ngợi. Vì sao như thế? Vì đạo nhân hiện nghe pháp chỗ dùng không dấu vết vậy.

Ngài nói ngày nay chỗ dùng bất đắc dĩ mới nói ra nhiều thứ, với ngài thì không có nhiều đạo lý như vậy. Chỗ chí yếu đó cần dùng bền dùng, chẳng dùng bền thôi.

Các nơi nói lục độ vạn hạnh là Phật pháp, đối với ngài lục độ vạn hạnh chỉ là cửa trang nghiêm, cửa Phật sự. Chúng ta tu lục độ hay làm muôn hạnh lành cốt để cho đẹp cuộc đời, nên thuộc về cửa trang nghiêm, cửa Phật sự. Phật pháp chính yếu là ngộ nơi tâm của mình; không ngộ nơi tâm mình

cứ làm chuyện bên ngoài, đó chỉ là làm cho tốt việc ngoài. Như khi vào nhà, không tìm ra ông chủ, cứ sẫm soi tô điểm cái nhà thì chỉ là trang nghiêm cái nhà mà không thấy được chủ.

Cho đến trì trai trì giới, gìn giữ như bưng bát dầu không nghiêng, đạo nhân chẳng sáng thì trọn có ngày phải đền nợ trước. Vì cố sao như thế? Đây là dẫn tích xưa, vào thời tổ Ca-na-đề-bà, ngài đi giáo hóa trong thành nọ, gặp nhà ông trưởng giả Tịnh Đức, cây trong vườn ông thường sanh một thứ nấm lạ, chỉ có ông và người con thứ mới nhổ được, ăn rất ngon. Ngoài ra không ai nhổ được. Gặp Tổ, ông hỏi cơ duyên. Tổ dạy: Thuở trước ông có thương cúng dường một vị Tỳ-kheo, vị này tuy có chút ít giới hạnh nhưng con mắt pháp chưa sáng. Luống thọ sự cúng dường, tuy không rơi vào đường ác nhưng phải làm cây sanh nấm. Chừng nào ông trưởng giả tám mươi một tuổi, trả hết nợ rồi, cây mới không ra nấm nữa.

Muốn trả nợ tín thí, chúng ta phải thông lý đạo, tức là thấy được bản tâm, đạt được nguồn gốc của các pháp, như vậy mới đền trả được.

Chỗ dùng của đạo nhân nghe pháp hiện nay không có dấu vết. Thử tìm xem đạo nhân nghe pháp bây giờ ở đâu, có dấu vết nào không? Người nào biết sống với đạo nhân đó thì hàng Bồ-tát Thập địa cũng không tìm ra dấu vết. Những hạnh trang nghiêm khác đều có hình tướng, hình tướng thì có sanh diệt, đạo nhân hiện nay không hình tướng. Nếu nhận ra đạo nhân đó, mọi việc coi như rất ổn không còn gì ràng buộc.

Hỏi: - Phật Đại Thông Trí Thắng mười kiếp ngôi nơi đạo tràng mà Phật pháp chẳng được hiện tiền,

chẳng được thành Phật đạo. Chưa biết ý này thế nào, xin Thầy chỉ dạy?

Sư đáp: - Đại Thông ấy là tự kỷ. Ở mỗi nơi đều đạt được muôn pháp vô tánh vô tướng, gọi là Đại Thông. Trí Thắng là đối với tất cả chỗ đều chẳng nghi, chẳng được một pháp, gọi là Trí Thắng. Phật là tâm thanh tịnh quang minh thấu suốt pháp giới, gọi là Phật. Mười kiếp ngồi đạo tràng là mười Ba-la-mật. Phật pháp chẳng hiện tiền là Phật vốn không sanh, pháp vốn không diệt sao lại có hiện tiền? Chẳng được thành Phật đạo là Phật không lẽ lại làm Phật. Người xưa nói: Phật thường ở thế gian mà chẳng nhiễm pháp thế gian.

Đạo lưu! Các ông muốn làm Phật thì đừng bị lôi cuốn theo muôn vật. Tâm sanh muôn pháp sanh, tâm diệt muôn pháp diệt. Một tâm không sanh, muôn pháp không lỗi. Thế gian cùng xuất thế gian không Phật không pháp, cũng không hiện tiền và cũng không từng mất. Giả sử có Phật cũng đều là danh ngôn chương cú. Vì tiếp dẫn trẻ con nên nêu bày thuốc và bệnh mà biểu hiện danh cú. Hơn nữa danh cú không tự là danh cú, vốn là cái nghe nhận hiểu biết soi sáng rõ ở trước mắt các ông, cái ấy an bài tất cả danh cú.

Kinh Pháp Hoa nói Phật Đại Thông Trí Thắng mười kiếp ngồi đạo tràng, Phật pháp chẳng được hiện tiền, không được thành Phật đạo. Người học hỏi về ý này. Ngài bảo: Đại Thông là tự kỷ của chính mình, ở mỗi chỗ đều thông suốt, muôn pháp không có tướng, không có tánh. Còn Trí Thắng là đối với tất cả chỗ không nghi, không được một pháp. Phật là tâm

thanh tịnh sáng suốt, thấu suốt cả pháp giới. *Mười kiếp ngồi đạo tràng là mười ba-la-mat. Phật pháp không hiện tiền, Phật vốn chẳng sanh, pháp vốn chẳng diệt làm sao lại có hiện tiền. Chẳng được thành Phật đạo nghĩa là không lẽ Phật lại thành Phật*, cho nên không được thành Phật.

Ngài dạy, muốn làm Phật đừng chạy theo vật, chạy theo thì các pháp sanh, nếu tâm không chạy theo thì muôn pháp nhất như. Tất cả danh từ ngôn cú là để tiếp dẫn trẻ thơ, lập bày thuốc và bệnh, biểu hiện những danh cú. Danh cú không tự là danh cú, do cái sáng suốt rõ ràng chiếu soi nghe biết trước mắt các ông đặt ra tất cả danh cú.

Đại đức! Phải tạo năm nghiệp vô gián mới được giải thoát.

Hỏi: - Thế nào là năm nghiệp vô gián?

Sư đáp: - Giết cha, hại mẹ, làm thân Phật ra máu, phá hòa hợp Tăng, thiêu đốt kinh tượng. Đây là năm nghiệp vô gián.

Hỏi: - Thế nào là cha?

Sư đáp: - Vô minh là cha. Các ông một niệm tâm cầu chỗ khởi diệt chẳng được, như tiếng vang ứng với hư không, tùy trường hợp mà vô sự, gọi là giết cha.

Hỏi: - Thế nào là mẹ?

Sư đáp: - Tham ái là mẹ. Các ông một niệm tâm vào cõi Dục cầu tham ái, chỉ thấy các pháp không tướng, nơi nơi đều không dính mắc, gọi là hại mẹ.

Hỏi: - Thế nào là làm thân Phật ra máu?

Sư đáp: - Các ông hướng vào trong pháp giới thanh tịnh, không một niệm tâm sanh hiểu, liền nơi nơi đều đen tối, đó là làm thân Phật ra máu.

Hỏi: - Thế nào là phá hòa hợp Tăng?

Sư đáp: - Các ông một niệm tâm chánh đạt phiền não kiết sử như hư không, không có chỗ sở y, là phá hòa hợp Tăng.

Hỏi: - Thế nào là thiêu đốt kinh tượng?

Sư đáp: - Thấy được nhân duyên là rỗng không, tâm rỗng không pháp rỗng không, một lòng quyết đoạn, rõ ràng vô sự, gọi là thiêu đốt kinh tượng.

Vô minh là cha, một niệm tâm cầu chỗ khởi diệt không thể có, như là tiếng vang ở trong hư không, tùy chỗ vô sự gọi đó là giết cha. Chúng ta nghe nói giết cha thì kinh sợ, cho rằng người tu dữ quá, nhưng đây giết cha là giết vô minh.

Tham ái là mẹ, một niệm tâm vào trong Dục giới tìm cầu tham ái kia, chỉ thấy các pháp tướng là không, không còn lòng tham trước, gọi là hại mẹ.

Trong pháp giới thanh tịnh không có một niệm tâm sanh hiểu, đâu đâu cũng đen tối là làm thân Phật ra máu.

Một tâm niệm chánh khi đạt được các phiền não kiết sử như hư không, không có chỗ nương tựa, ấy là phá hòa hợp tăng.

Thấy nhân duyên là không, tâm không pháp không, một niệm quyết định đoạn dứt, rõ ràng vô sự, bèn là thiêu đốt kinh tượng.

Chư đại đức! Nếu được như vậy mới khỏi bị tên phàm thánh kia làm ngại. Các ông một tâm niệm chỉ hướng trên nắm tay không mà sanh hiểu biết chân thật, bị trong pháp căn cảnh hư dối làm quái, tự khinh mình mà lui sụt: “Ta là phàm phu, kia là thánh nhân.” Bọn trọc này chết gấp! Đội lốt sư tử lại rống tiếng dã can. Kẻ đại trượng phu mà không có hơi hướm trượng phu. Vật ở ngay tự nhà mình mà không chịu tin, chỉ hướng bên ngoài mò mẫm trên danh cú cũ rích của người xưa, nương âm lấy dương, không thể một mình hiểu đạt. Gặp cảnh liền duyên, gặp trần liền chấp, khắp nơi đều khởi mê hoặc, tự không có chuẩn định.

Người giết cha vô minh, mẹ tham ái, không một niệm khởi hiểu..., tạo tội vô gián như thế mới khỏi bị danh tự phàm thánh chướng ngại. Nếu ở trong nắm tay không mà sanh hiểu biết cho là thật, đối các pháp hư dối cho là quái lạ, đó là tự mình lui sụt. Người tu đã là sư tử, mà cho rằng Phật Bồ-tát là thánh còn mình là kẻ phàm không làm gì được, đó là trong lốt sư tử mà kêu tiếng dã can. Đại trượng phu mà không có ý chí trượng phu, không tin nhận của báu nhà mình, chỉ hướng bên ngoài tìm kiếm danh cú rỗng của người xưa, gá duyên mà không thấu suốt, gặp cảnh bèn duyên theo, gặp trần bèn chấp lấy. Ngài quả trách rất nặng để chúng ta ý thức bốn phận cao quý của mình, nhận lấy ông chủ không bị khách mê hoặc.

Đạo lưu! Chớ chấp vào lời nói của Sơn tăng. Vì sao? Nói không bằng cứ, một phen vẽ hư không, như vẽ tượng đủ màu sắc.

**Đạo lưu! Chớ đem Phật làm cứu cánh, ta thấy như
lổ xí. Bồ-tát La-hán là vật gông xiềng cột trói người.
Cho nên Văn-thù mang gươm giết Cù-đàm, Ương-quật
cầm dao hại họ Thích. Đạo lưu! Không Phật có thể
được, cho đến ba thừa năm tánh, giáo tích viên đốn
đều là thuốc bệnh trị nhau tạm thời, đều không phải
là pháp thật. Giả sử có, đều là biểu hiện tương tự, văn
tự bày ra có nhiều sai khác, tạm nói như vậy.**

Ngài bảo chúng ta không nên chấp vào lời ngài nói, vì lời
nói không có gì để làm tin, như vạch trong hư không, hoặc
những màu sắc vẽ tượng không thật.

Nếu cho Phật là cứu cánh, ngài thấy vẫn như là cầu xí.
Đây là lời nói rất mạnh. Bồ-tát, La-hán là vật gông cùm trói
người, cho nên ngài Văn-thù muốn cầm kiếm chém Cù-đàm,
Ương-quật cầm dao muốn hại Phật.

Không Phật có thể được, cho đến ba thừa năm tánh, dấu
vết của giáo lý viên đốn, đều là một thời thuốc bệnh trị nhau,
đều không có pháp thật, giả sử có cũng là danh tự biểu hiện
tương tự thôi. Đã là danh ngôn thì đâu có lẽ thật mà mình
bám vào cho là thật. Cái thật mà không nhận không thấy,
lại đi tìm hình ảnh danh ngôn ở bên ngoài, thật là lầm.

**Đạo lưu, có một bọn thầy tu lại hướng vào trong ấy
mà dụng công, mong cầu pháp xuất thế. Lầm rồi vậy!
Nếu người cầu Phật, người ấy mất Phật. Nếu người cầu
đạo, người ấy mất đạo. Nếu người cầu Tổ, người ấy mất
Tổ. Đại đức chớ lầm! Ta không cần các ông hiểu kinh
luận, ta cũng không cần các ông làm quốc vương đại
thần, ta cũng không cần các ông biện luận thao thao**

như nước chảy, ta cũng không cần các ông thông minh trí tuệ. Chỉ cần các ông có kiến giải chân chánh.

Nếu hướng về Phật, về pháp, về Tổ sư mà dụng công, như thế rất lắm. Cầu Phật mất Phật, cầu đạo mất đạo, cầu Tổ mất Tổ. Ngài nhắc chúng ta đừng lầm như vậy.

Ngài cũng chẳng nhận người thông hiểu kinh luận, làm quốc vương đại thần được cung kính, được biện tài như thác đổ, được thông minh trí tuệ. Ngài chỉ cần người được kiến giải chân chánh, tức là thấy được cái của mình.

Đạo lưu! Giả sử giải được trăm bộ kinh luận, không bằng làm ông sư khờ vô sự. Các ông giải được liền sanh tâm khinh miệt người khác, đấy là sự hơn thua của a-tu-la. Vô minh nhân ngã làm lớn nghiệp địa ngục. Như Tỳ-kheo Thiện Tinh giải được mười hai phần giáo, hiện đời bị hãm vào địa ngục, côi đất chẳng dung. Chi bằng vô sự thôi dứt, đói thì ăn cơm, mệt thì đi ngủ. Người ngu cười ta, kẻ trí mới hiểu ta.

Người hiểu một trăm bản kinh luận không bằng ông thầy vô sự. Hiểu biết nhiều liền khinh mạn người khác, trong tâm còn thấy có hơn thua, đó là nghiệp của a-tu-la. Chấp nhân ngã càng thêm vô minh, tăng trưởng nghiệp địa ngục. Như Tỳ-kheo Thiện Tinh hiểu mười hai phần giáo, mà hiện thân phải đọa địa ngục, đại địa không chỗ dung. Hãy làm tăng vô sự thôi dứt đi, đói đến thì ăn, mệt đến thì ngủ.

Nói như thế nghe rất khỏe, nhưng với người vô sự thì được, người hữu sự thì không được. Người hữu sự thì mệt chưa được ngủ mà phải ngồi thiền, người nào vô sự thì mệt

mới được ngủ. Tôi giao hẹn trước, nếu ai cũng tưởng mình vô sự, mới vừa tám giờ tối chợp mắt ngủ liền thì không được.

Đạo lưu! Chớ hướng vào trong văn tự mà tìm cầu. Tâm động nhọc nhằn, hớp khí lạnh vô ích. Chỉ bằng một niệm duyên khởi vô sanh, vượt qua hàng Bồ-tát quyền học trong ba thừa. Đại đức, chớ loay hoay qua ngày. Sơn tăng khi xưa chưa thấy đạo, còn mờ mịt tối đen, ngày giờ không dám bỏ không. Tâm nóng nảy lo rầu bốn ba đi hỏi đạo. Sau được đắc lực mới có ngày hôm nay cùng các ông nói chuyện như thế này. Khuyên hàng Đạo lưu chớ vì cơm ăn áo mặc mà để ngày giờ trôi qua. Bạc thiện tri thức khó gặp, như hoa ưu-đàm chỉ hiện có một lần thôi!

Ngài nói chớ hướng trong văn tự mà tìm cầu, tâm động chỉ nhọc nhằn vô ích. Như hít khí lạnh vô ích nghĩa là như hớp được một hớp không khí chẳng thể no bụng. Chẳng bằng một niệm tâm duyên khởi không sanh, vượt qua Bồ-tát quyền học trong tam thừa.

Đừng chân chừ thả trôi ngày tháng là lời khuyên chí thiết. Ngài nói ngày xưa chưa thấy đạo, trong lòng nóng nảy bứt rứt, bốn ba đi tìm thiện tri thức. Được đạo rồi mới có ngày nay, cùng các ông bàn luận. Không nên vì an mặc bỏ qua thời giờ, thiện tri thức khó được gặp, chẳng khác nào như hoa ưu-đàm, ngàn năm mới hiện một lần.

Các ông ở khắp nơi nghe nói có lão già Lâm Tế liền đến vấn nạn khiến cho nói chẳng được, lại bị Sơn tăng toàn thể tác dụng. Người học mở mắt không được, mở miệng không xong, mờ mịt chẳng biết gì trả lời cho ta.

Ta nói với hấn: “Rồng voi giẫm đạp, sức lửa ngựa chịu không nổi.” Các ông ở khắp nơi chỉ ngực điểm sườn nói ta hiểu thiên hiểu đạo, hai người ba người đến đây không làm gì được. Dốt thay! Các ông đem thân tâm này đi khắp nơi khua môi múa mép lường gạt kẻ nhà quê, có ngày ăn gậy sắt. Chẳng phải người xuất gia, rốt cuộc bị cảnh giới A-tu-la nhiếp phục.

Các ông đi hỏi đạo, nghe nói có lão già Lâm Tế ra đời bèn toan đến vấn nạn để cho sơn tăng mở miệng chẳng được, bị sơn tăng toàn thể tác dụng, người học không mở được mắt, mờ mịt không biết lấy gì đáp lại. Đó là cho hàng long tượng giẫm đạp, sức lửa không kham nổi. Ý ngài nói chỗ tiếp học nhân của ngài cao tột, người thường không hiểu không thể lãnh hội.

Phàm chỗ chí lý của đạo, chẳng phải tranh luận mà cầu được, khua vang chuông khánh tồi phục ngoại đạo. Cho đến sự truyền thừa của Phật tổ cũng không ngoài ý này. Lập bày ngôn giáo đều lạc vào nghi cách giáo hóa ba thừa năm tánh, nhân quả trời người, đối với giáo lý viên đốn thì không như vậy, đồng tử Thiện Tài đều chẳng mong cầu qua.

Đại đức! Chớ lầm dụng tâm. Như biển cả không chứa tử thi. Gánh mang như thế đi khắp thiên hạ, tự khởi cái thấy chương là đã ngại nơi tâm.

Mặt nhật không mây,

Trời quang chiếu khắp.

Mắt nếu không nhắm, Hư không chẳng hoa.

Phàm đạo chí lý thì không tranh luận hơn thua, chỉ phương tiện để xô dẹp ngoại đạo. Phật tổ truyền dạy cũng vậy, có nói dạy đều là nghi cách giáo hóa tam thừa ngũ tánh, nhân quả trời người. Giáo pháp viên đốn chẳng phai như thế, đồng tử Thiện Tài chẳng mong cầu học qua.

Nếu người tu học không nhận được cái chân thật, chỉ luống uổng chạy rong thêm nhọc nhằn, vừa có kiến giải là đã tự chướng mình. Nếu mắt không bệnh thì không thấy hoa đốm trong hư không, trời không mây thì ánh sáng mặt trời chiếu khắp.

Đạo lưu! Các ông muốn được như pháp, chỉ chớ hồ nghi. Trái ra thì cùng tận pháp giới, thu vào thì sợi tơ không được. Rõ ràng riêng sáng chưa từng thiếu thốn. Mắt chẳng thấy, tai chẳng nghe là vật gì? Người xưa nói: Nói tự một vật ắt chẳng trúng. Ông chỉ tự xem nhà mình lại có gì? Nói mấy cũng không hết, mỗi người phải tự nỗ lực. Trân trọng.

Pháp chân thật là chỗ không nghi, nếu trái ra thì khắp cả pháp giới, nếu cuốn lại thì mảy tơ cũng không lập. Rõ ràng riêng sáng chưa từng thiếu sót. Mắt không thấy tai chẳng nghe, gọi nó là vật gì? Người xưa nói, nói in tuồng một vật thì chẳng đúng.

Mỗi người đều có cái đó, phải gắng sức nhận ra cho rõ. Cái đó rõ ràng, riêng sáng chưa từng thiếu sót, không thấy mà cũng không nghe, không thể đặt tên. Khi thiền sư Hoài Nhượng đến với Lục Tổ, Tổ hỏi: Mang vật gì đến như thế? Ngài trả lời: Nói một vật thì không trúng.

Chúng ta thấy lời dạy của tổ Lâm Tế thiết tha, chỉ quy về người nghe pháp hiện giờ của chúng ta riêng sáng rõ tại đây. Người đó mới là người chân thật, còn tất cả những cái khác chỉ là phần phụ thuộc. Nhận được người đó mới xứng đáng là người xuất gia, còn không thì luống uổng một đời, dù có tu khổ hạnh mấy cũng chỉ là kiếp khổ. Đó là chủ yếu của ngài.

HÀNH LỤC

Tổ Lâm Tế đối với sự truyền thừa của Phật giáo Việt Nam rất hệ trọng. Chư vị hòa thượng, hầu hết tăng ni, cư sĩ... ở nước ta đều nằm trong tông Lâm Tế. Nơi bài vị trong các chùa đều thấy đề dòng chữ *Lâm Tế chánh tông* hay *Lâm Tế gia phả*, *đời thứ...* rõ ràng. Ngài ra đời vào thế kỷ thứ IX, đến bây giờ là thế kỷ XX mà hệ phái vẫn còn lưu truyền. Muốn biết sự truyền thừa bền vững lâu dài đó thế nào, chúng ta phải tìm hiểu rõ chỗ tham ngộ và tinh thần truyền bá của ngài. Hiểu rõ ràng mới thấy cái hay của người xưa, nếu không hiểu thì đọc không biết nói cái gì. Nhất là ngài Lâm Tế có nhiều câu nói lạ tai rất kỳ đặc không thể lường.

Đọc lại tiểu sử của ngài, từ lúc mới xuất gia thọ giới Cụ túc, ngài thường dừng lại các nơi giảng pháp, học hỏi và nghiên cứu tinh tường giới luật. Theo lời thuật của ngài, để tâm nơi kinh luật nhưng biết là phương thuốc cứu đời, chưa phải yếu chỉ của giáo ngoại biệt truyền.

Kinh luật luận là phương thuốc cứu đời rất quý, mà ngài vẫn còn than thở. Phải hiểu cho thấu đáo chỗ này. Tại sao ngài không bằng lòng? Thông thường Phật thuyết pháp giống như thầy thuốc trị bệnh. Chúng sanh có bệnh nào thì ngài nói pháp đó để điều trị. Mỗi thứ thuốc trị một thứ bệnh, thuốc bệnh gọi là đối cơ, đối cơ là phương tiện. Nếu chúng sanh không có bệnh thì dùng thuốc gì trị? Vì thế Lục Tổ nói: “Phật nói pháp vì độ tất cả tam, ta không tất cả tâm đâu cần tất cả pháp.” Giáo pháp là phương tiện, còn *giáo ngoại biệt truyền* là *chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật*. Ai

cũng có cái đó và ai cũng có thể thành Phật được. Ngài Lâm Tế muốn tìm thẳng chỗ không có thuốc có bệnh, chỗ mà ai cũng sẵn có không đợi phương tiện.

Sư ban đầu ở tại hội của ngài Hoàng Bá, hạnh nghiệp thuần nhất. Thủ tọa khen rằng: Tuy là hậu sinh mà khác chúng. Bèn hỏi:

- Thượng tọa ở đây được bao lâu?

Sư thưa:

- Ba năm.

Thủ tọa hỏi:

- Từng tham vấn chưa?

- Chưa từng tham vấn, cũng chẳng biết tham vấn cái gì?

- Sao không đến hỏi Hòa thượng đường đầu, thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư liền đến hỏi, chưa dứt lời, Hoàng Bá liền đánh. Sư trở xuống, Thủ tọa hỏi:

- Hỏi thế nào?

Sư thưa:

- Tôi hỏi lời chưa dứt, Hòa thượng liền đánh, tôi chẳng hội.

- Nên đi hỏi nữa.

Sư lại đến hỏi, Hoàng Bá lại đánh. Như thế ba phen hỏi, ba lần bị đánh.

Khi ở trong hội Hoàng Bá, ngài oai nghi nghiêm chỉnh, đức hạnh chu toàn. Nghĩa là đi đứng nằm ngồi đều đầy đủ oai nghi, không thô tháo. Ngài ở trong chúng ba năm mà chưa hỏi một câu. Có phải vì ngài dốt quá không? Ngài là người rất là nghiêm túc, điềm đạm không bộp chộp hấp tấp như chúng ta. Chúng ta tới đâu cũng khoe kiến giải, hỏi cái này hỏi cái kia lằng xằng mà rốt cuộc chưa được cái nhìn thấu đáo. Thủ tọa Trần Tôn Túc là một người đã thấy đạo rồi, nhìn qua hành động, tư cách của ngài, biết nên mới bảo đi hỏi.

Thủ tọa chú ý đến ngài thì hòa thượng Đường đầu có chú ý không? Tổ Hoàng Bá đã chấm rồi, nên khi lên hỏi thì cách xử sự khác, đâu phải ai hỏi cũng bị đánh. Riêng ngài Lâm Tế vừa hỏi liền đánh. Thủ thuật này chỉ dùng với người đã chọn lựa kỹ.

Tại sao Thủ tọa không bảo những người khác hỏi, lại bảo ngài Lâm Tế? Vì thấy ngài Lâm Tế có tư cách đặc biệt trong chúng, nên để dành riêng ưu tiên bằng cách cho ăn gậy. Không chỉ một lần đánh, lần sau thì thương tình nói cho một câu. Lần thứ hai cũng đánh, rồi tới lần thứ ba cũng đánh. Nếu chúng ta bị đánh một lần là xách gói đi liền, đừng nói đến lần thứ hai thứ ba.

Sư đến bạch Thủ tọa:

- Nhờ lòng từ bi của Thầy dạy tôi đến thưa hỏi Hòa thượng, ba phen hỏi ba lần bị đánh, tôi tự buồn chương duyên che đậy không lãnh hội được thâm chỉ. Nay xin từ giã ra đi.

- Nếu khi Thầy đi nên đến già từ Hòa thượng rồi sẽ đi.

Sư lễ bái trở về phòng. Thủ tọa đến thất Hòa thượng trước, thưa:

- Người đến thưa hỏi ấy, thật là đúng pháp, nếu khi đến từ già, Hòa thượng dùng phương tiện tiếp y, về sau đục đẽo sẽ thành một gốc đại thọ che mát người trong thiên hạ.

Sư đến từ già, Hoàng Bá bảo:

- Chẳng nên đi chỗ nào khác, người đi thẳng đến Cao An chỗ thiền sư Đại Ngu, ông ấy sẽ vì người nói.

Ngài Hoàng Bá cố tình đánh đuổi đi hay là cố tình làm gì? Tôi nói đại ý chỗ này, phạm việc gì có ảnh hưởng lâu dài sâu đậm đối với chúng ta, làm chúng ta đau khổ tột cùng, cái đó nhớ suốt đời chẳng quên. Vì thế ngài Hoàng Bá dùng thuật đặc biệt đối với Lâm Tế, hỏi là đánh, hỏi là đánh.

Khi từ già ra đi là đã chất chứa đau khổ trong lòng, nó chậm chậm thấm thía vô cùng. Ngài Hoàng Bá bảo đi tới Cao An chỗ thiền Sư Đại Ngu, sẽ vì ông mà nói. Ngài trung thực đi thẳng đến đó. Như vậy nổi thống khổ dồn dập chất chứa trong lòng đến cả chục ngày.

Sư đến Đại Ngu. Đại Ngu hỏi:

- Ở chỗ nào đến?

Sư thưa:

- Ở Hoàng Bá đến.

- Hoàng Bá có dạy lời gì?

- Con ba phen hỏi đại ý Phật pháp, ba lần bị đánh. Chẳng biết con có lỗi hay không lỗi?

- Bà già Hoàng Bá đã vì người chỉ chỗ tốt khổ, lại đến trong ấy hỏi có lỗi không lỗi?

Ngay câu nói ấy, Sư đại ngộ, thưa:

- Xưa nay Phật pháp của Hoàng Bá không nhiều. Đại Ngu nắm đứng lại bảo:

- Con quý đái dầm, vừa nói có lỗi không lỗi, giờ lại nói Phật pháp của Hoàng Bá không nhiều. Người thấy đạo lý gì, nói mau! Nói mau!

Sư liền cho vào hông Đại Ngu ba thoi. Đại Ngu buông ra, nói:

- Thầy của người là Hoàng Bá, chẳng can hệ gì việc của ta.

Sư từ tạ Đại Ngu trở về Hoàng Bá.

Khi ngài đến chỗ Đại Ngu, được hỏi liền thưa mọi việc và nói luôn chỗ chất chứa trong lòng. *Con ba phen hỏi đại ý Phật pháp, ba lần bị đánh. Chẳng biết con có lỗi hay không lỗi?* Nếu chúng ta thì cũng nói thế thôi. Những câu hỏi đó có tội gì, xúc phạm tới Hòa thượng mà Hòa thượng đánh, hỏi như vậy có lỗi gì không? Cứ nghi ngờ trong lòng. Nhưng ngài Đại Ngu là bậc tri âm của ngài Hoàng Bá, nghe nói tới đó liền biết ngài Hoàng Bá dùng thủ thuật gì với người này. Ngài nói một câu chí lý: *Bà già Hoàng Bá đã vì người chỉ chỗ tốt khổ, lại đến chỗ đó hỏi có lỗi không lỗi.* Nhấn mạnh đã chỉ

tận chỗ tốt khổ rồi, nghĩa là nếu thấy được cái đó là qua khỏi hết khổ, ông còn nghĩ có lỗi không lỗi, còn nghĩ đối đãi thì tất nhiên làm sao ông hiểu được.

Nghe tới đó ngài bưng ngộ, thấy được chỗ Hoàng Bá dạy nên thốt lên câu: *Xưa nay Phật pháp của Hoàng Bá không nhiều.* Nghĩa là Phật pháp của Hoàng Bá ít quá, đơn giản quá. Cũng vậy tôi thường nói: “Chân lý hết sức đơn giản, mà phiền toái là tại vọng tưởng của con người.”

Thấy như vậy, nói được câu đó thì Đại Ngu biết gã này đã thấy, nhưng còn e dè chưa biết thấy tốt cùng chưa, nên liền nắm đứng lại bảo: *Con quở đái dầm, vừa nói có lỗi không lỗi, giờ lại nói Phật pháp của Hoàng Bá không nhiều. Người thấy đạo lý gì? Nói mau, nói mau!* Chỗ ngộ của ngài không thể dùng lời, nếu dùng lời thì không phải chỗ mình thấy, nên chỉ đâm lại Đại Ngu ba thoi. Ba thoi đó biểu hiện sự trung thực chỉ cái thấy của mình. Ngài Đại Ngu mừng quá, biết chú này xong việc mới đẩy ra: *Thầy của người là Hoàng Bá, không can hệ gì tới ta.*

Hoàng Bá thấy Sư về, liền bảo:

- Kẻ này đến đến đi đi, biết bao giờ liễu ngộ.

Sư thưa:

- Chỉ vì tâm lão bà quá thiết tha, nên việc làm đã xong, đứng hầu.

- Đến đâu về?

- Hôm trước vâng lời dạy của Hòa thượng đến tham vấn Đại Ngu trở về.

-Đại Ngu có lời dạy gì?

Sư liền thuật lại việc trước. Hoàng Bá bảo:

-Lão Đại Ngu này đã buông lời, đợi đến đây ta cho ăn đòn.

Sư tiếp:

-Nói gì đợi đến, ngay bây giờ cho ăn.

Sư liền bước tới tát Hoàng Bá một tát. Hoàng Bá bảo:

-Gã phong điền này lại đến đây nhổ râu cọp.

Sư liền hét. Hoàng Bá gọi:

-Thị giả! Dẫn gã phong điền này lại nhà thiền.

Ngài Hoàng Bá khi thấy ngài Lâm Tế trở về, biết đệ tử mình ngộ đạo hay chưa? Nếu biết thì đâu câu nói này: *Kể này đến đến đi đi, biết bao giờ liễu ngộ.* Đừng nghĩ rằng một vị thầy ngộ bản tâm rồi liền biết quá khứ vị lai, biết được tất cả tâm của người khác. Vị ấy chỉ biết được bản tâm mình, chưa thể có thần thông nên khi thấy học trò đi mới mấy ngày mà đã trở về liền, bèn hỏi xong việc chưa. Sư thưa: *Chỉ vì tâm lão bà quá thiết tha nên việc làm đã xong.* Ngài Hoàng Bá liền hỏi thêm: *Đến đâu về?* Sư liền thuật lại việc trước, Hoàng Bá bảo: *Lão Đại Ngu này đã buông lời, đợi đến đây ta cho ăn đòn.*

Chỗ này ngài Hoàng Bá không có lời, mà ngài Đại Ngu đã buông lời, chỗ đó là đáng trách hay không đáng trách? Nếu không buông lời thì làm sao Lâm Tế ngộ? Đó là chấp nhận lời của ngài Đại Ngu, cũng chấp nhận Lâm Tế. Ngài

Lâm Tế biết liền nói: *Nói gì đợi đến, ngay bây giờ cho ăn, rồi liền tát ngài Hoàng Bá một tát. Đây là đòn thưởng nhưng không phải thưởng Đại Ngu mà thưởng Hoàng Bá. Vì người làm cho ngài ngộ không phải Đại Ngu, mà gốc từ Hoàng Bá.*

Hoàng Bá bảo: Gã phong điền này lại đến đây muốn nhổ râu cọp. Sư liền hét. Ngài Lâm Tế trước khi chưa thấy đạo thì cử chỉ oai nghi rất diêm dā đúng đắn, nhưng thấy đạo rồi coi như điên cuồng không còn oai nghi lễ tiết gì cả. Điều này đúng không? Chính đây là chỗ nhà thiền nói: “Khi xô cờ ra trận thì không thấy có thầy.” Thầy trò chỉ phân biệt ở lãnh vực bên ngoài, còn lúc xô cờ ra trận thì không còn phân biệt thầy trò nữa.

Sư trông tùng, Hoàng Bá hỏi:

- Trong núi sâu trông tùng làm gì?

Sư thưa:

- Một là cho sơn môn làm cảnh trí, hai là cho người sau làm tiêu bản.

Nói xong, Sư trở đầu cuộc đánh xuống đất ba cái. Hoàng Bá bảo:

- Tuy nhiên như thế, con đã ăn ba mươi gậy của ta rồi.

Sư lại dùng đầu cuộc đánh xuống đất ba cái, cất tiếng: Hư! Hư! Hoàng Bá bảo:

- Tông của ta đến con rất hưng thịnh ở đời.

Khi ngài Hoàng Bá hỏi trông tùng làm gì, ngài thưa một là muốn làm đẹp cho cảnh chùa, hai là làm tiêu bản cho

người đời sau nhắm đến. Câu nói đó đã hàm ý lối truyền đạo lâu dài của ngài. Cho đến bây giờ chúng ta vẫn còn nhắm đến mục tiêu đó. *Nói xong trở đầu cuộc đánh xuống đất ba cái*, nghĩa là không còn ngôn ngữ gì hết. Ngài Hoàng Bá nói, tuy ông làm được như vậy nhưng ông đã ăn gậy của ta rồi, tức là đã thua. *Sư lại dùng đầu cuộc đánh xuống đất ba cái, rồi cất tiếng hư hư. Ngài Hoàng Bá bảo: Tông của ta đến con hưng thịnh ở đời.*

Chỗ ngài Lâm Tế ngộ, thật là không còn dùng ngôn ngữ mà chỉ thẳng chỗ tốt cùng đó. Chỗ này rất khó nhưng chính cái khó đó mới bền lâu. Nên phải hiểu: cái quý phải là khó, còn cái dễ quá thì không quý. Như trong nhà người có kim cương, vàng bạc..., chúng ta muốn thấy dễ không? Vật quý thì lúc nào cũng phải khó thấy, khó có được. Người xuất gia mà muốn tìm chỗ dễ chỗ vui, ăn ngon mặc đẹp, thì đó là không muốn tìm đạo mà muốn tìm sung sướng. Thật tình vì đạo rất khó chứ không dễ.

Một hôm Sư ngồi trước tăng đường, thấy Hoàng Bá đến liền nhắm mắt lại. Hoàng Bá làm thế sợ, liền trở về phương trượng. Sư theo đến phương trượng lễ tạ. Thủ tọa đứng hầu ở đó, Hoàng Bá bảo:

- Vị tăng đây tuy là hậu sinh lại biết có việc này.

Thủ tọa thưa:

- Hòa thượng già dưới gót chân chẳng dính đất, lại chứng cứ kẻ hậu sinh.

Hoàng Bá tự vả trên miệng một cái. Thủ tọa thưa:

- Biết là được.

Một hôm ngài ngồi trước tăng đường, thấy Hoàng Bá đến liền nhắm mắt lại. Như bây giờ chư tăng đang ngồi trước tăng đường, thấy tôi đến thì đứng dậy chào, như vậy là lễ phép hơn ngài rồi. Tại sao ngài nhắm mắt lại mà Hoàng Bá làm thế sợ? Thấy học trò nhắm mắt nên thầy giả bộ sợ, né qua bên, liền trở về phương trượng. Thầy trở về phương trượng thì trò theo đến phương trượng lễ tạ.

Thấy thầy đến mà vẫn không đứng dậy, không chào hỏi là tỏ ra mình đang như như bất động. Thầy bèn làm như thế nể sợ. Khi đối diện mà người kia đứng thì phải né qua và tránh đi. Trò thấy vậy phải sợ thầy, nếu tránh đi mà người kia cứ đứng vững hoài là không hiểu gì hết. Nên khi thấy Hoàng Bá làm thế sợ và trở về phương trượng thì ngài lúc đó phải thấp xuống và tới đánh lễ. Như vậy là đối đáp đầy đủ. Không phải như người bây giờ sợ thì sợ quá, còn ngang thì ngang quá.

Lúc đầu ngài làm thỉnh, nhắm mắt nhưng khi thấy ngài Hoàng Bá đi rồi thì đến đánh lễ. *Thủ tọa đứng hầu ở đó, Hoàng Bá bảo: Vị tăng đây tuy là hậu sinh lại biết có việc này. Thủ tọa thưa: Hòa thượng già dưới gót chân chẳng dính đất lại chứng cứ kẻ hậu sinh. Hoàng Bá tự vả vào miệng một cái. Thủ tọa thưa: Biết là được.* Trong nhà thiền không cho nói trắng ra, nói trắng ra tức là đã phạm lỗi. Ngài Hoàng Bá mừng thấy có người đệ tử được như vậy, mới khoe với Thủ tọa, tức là nói trắng rồi, nên Thủ tọa bảo rằng hồi xưa tới giờ Hòa thượng không dính chút đất, mà bây giờ lại chứng cứ kẻ hậu sinh, tức là dính đất rồi. Nghe nói vậy, vả miệng là thay lỗi của mình. Thủ tọa nói biết là được, biết lỗi là được rồi. Ý nghĩa đối đáp là như vậy.

Sư ngủ trong tầng đường, Hoàng Bá đến thấy, lấy gậy đánh bảng một tiếng. Sư ngóc đầu xem thấy Hoàng Bá liền nhắm mắt. Hoàng Bá lại đánh bảng một tiếng, lại đi đến gian trên thấy Thủ tọa ngồi thiền. Hoàng Bá bảo:

- Gian dưới hậu sinh lại ngồi thiền, ông trong đây vọng tưởng làm gì?

Thủ tọa nói:

- Ông già làm gì?

Hoàng Bá đánh bảng một tiếng liền đi ra.

Ngài ngủ trong tầng đường, Hoàng Bá đến lấy gậy đánh bảng một tiếng, ngài ngóc đầu xem thấy Hoàng Bá, liền nhắm mắt. Tôi thấy thật là ngộ nghịch. Như bây giờ ai nằm ngủ trong tầng đường, tôi đi tuần thấy, tôi đánh bảng thì người đó ngồi dậy thấy tôi thì ngồi luôn tới khuya, chứ không dám nằm nữa. Vậy mà ngài nhắm mắt nằm. Nếu ngài ngủ thì đâu có ngóc đầu dậy, không ngủ mà sao lại nằm mà không trỗi dậy?

Hoàng Bá lại đi lên gian trên thấy Thủ tọa ngồi thiền, Hoàng Bá bảo: *Gian dưới hậu sinh lại ngồi thiền, ông trong đây vọng tưởng làm gì?* Sao ngược nhau vậy? Nhà dưới người ngủ thì gọi là ngồi thiền, trên này người ngồi mà lại nói là vọng tưởng. Theo cái nhìn của ngài Hoàng Bá và tổ Lâm Tế thì thiền không phải chỉ có lúc ngồi. Đi đứng nằm ngồi cũng đều là thiền. Thiền là không động, chính cái không động đó mới là thiền. Như vậy ông thầy đến, Lâm Tế thấy rõ ràng mà vẫn nằm, không động thì tức là thiền. Còn Thủ tọa ngồi thiền

tức là hàng phục vọng tưởng, tức là có vọng tưởng mới hàng phục. Vì vậy ông trên này vọng tưởng còn dưới kia người ta ngồi thiền. Thủ tọa nói: *Ông già làm gì? Hoàng Bá đánh bằng một tiếng, liền đi ra.* Một câu chuyện rất lý thú.

Một hôm ngày công tác công cộng, Sư đi sau. Hoàng Bá ngó ngoái lại thấy Sư đi tay không bèn hỏi:

- Cuốc đâu?

Sư thưa:

- Có người đem đi rồi.

Hoàng Bá gọi:

- Lại gần đây cùng người bàn luận một việc.

Sư lại gần. Hoàng Bá dựng đứng cây cuốc bảo: Chỉ cái này, mọi người nắm bắt chẳng được.

Sư chụp tay giật lấy cây cuốc, đưa lên nói:

- Tại sao lại ở trong tay con?

Hoàng Bá nói:

- Ngày nay đã có người thay công tác.

Hoàng Bá trở về viện.

Chỗ này mới nghe qua ai cũng thấy ngài thật vô phép. Đây là công tác công cộng, tất cả từ Hòa thượng đường đầu cho đến toàn chúng đều phải làm hết. Hòa thượng còn vác cuốc mà chú đệ tử lại đi không, dễ tức không? Nhưng đâu không phải là lòng hiếu thảo của ngài? Đi tay không là muốn thay nhọc cho Thầy.

Hoàng Bá biết ý rồi, liền nói: *Lại gần đây để bàn luận một việc. Sư lại gần và Hoàng Bá dựng đứng cây cuốc, bảo: Chỉ cái này mọi người nắm bắt chẳng được. Sư đưa tay, giật cây cuốc đưa lên nói: Tại sao lại ở trong tay con? Nói nắm bắt không được mà tại sao lại nằm trong tay con. Hoàng Bá nói: Ngày nay đã có người thay công tác. Hoàng Bá trở về viện.*

Thấy như thầy trò đùa chơi nhưng trong đây có hai ý nghĩa rất rõ ràng: Ý nghĩa thứ nhất là ngài Hoàng Bá vác cuốc đi, ngài Lâm Tế đi sau, muốn lấy cuốc của Thầy để cuốc thì mình phải đi tay không, đó là lòng muốn thế công tác cho Thầy. Ý thứ hai là ngài Hoàng Bá biết, nhưng muốn thêm một ý nghĩa nữa, ngài dựng cuốc và nói, *chỉ cái này mọi người nắm bắt chẳng được*. Chỉ cái này là vừa chỉ cái cuốc mà cũng vừa chỉ cái sẵn có của mọi người. Ngài Lâm Tế nắm được cuốc đưa lên nói, mọi người nắm không được nhưng sao lại ở trong tay con. Câu nói biểu hiện chỗ thầy được, con cũng nắm bắt được.

Đó là sự kế thừa hết sức đầy đủ.

Công tác công cộng cuốc đất, thấy Hoàng Bá đến, Sư bèn dựng cuốc đứng. Hoàng Bá hỏi:

- Gã này mệt sao?

Sư thưa:

- Cuốc vẫn chưa giở, mệt cái gì?

Hoàng Bá liền đánh. Sư chụp cây gậy, cho một đập té nhào. Hoàng Bá gọi:

- Duy-na! Duy-na! Đờ ta dậy.

Duy-na chạy lại đỡ dậy nói:

- Hòa thượng đâu dung được gã phong điền này!

Hoàng Bá vừa đứng dậy, liền đánh Duy-na. Sư cuốc đất nói:

- Các nơi thì hỏa táng, còn tôi một lúc chôn sống.

Công tác công cộng cuốc đất, thấy Hoàng Bá đến, Sư bèn dựng cuốc đứng. Như chúng tăng đang cuốc đất mà thấy tôi tới thì sao? Nhiều khi ở xa dựng cuốc nghỉ, thấy tôi tới thì liền cuốc, phải không? Còn ngài thấy Hoàng Bá tới thì liền dừng cuốc nghỉ, ngược ngạo vậy đó.

Hoàng Bá hỏi: Gã này mệt sao? Sư thưa: Cuốc vẫn chưa giở mệt cái gì? Câu đáp nghe như vô phép mà sự thật bao hàm ý nghĩa, bởi vì có làm thì mới có mệt, có dẹp phiền não có dẹp vọng tưởng thì mới có mệt; không có vọng tưởng, không có phiền não thì lấy gì mà mệt. Đó là ý của ngài nơi chỗ không mệt. Nói tới đó Hoàng Bá đánh và ngài chụp cây gậy, đập té nhào. Hoàng Bá gọi: Duy-na! Duy-na! Đỡ ta dậy. Ông Duy-na rất thật thà, chạy lại đỡ. Vừa đỡ dậy vừa lẩm bẩm: Hòa thượng không dạy được gã phong điền này thì đuổi đi cho rồi. Hoàng Bá vừa đứng dậy liền đánh Duy-na. Sao không đánh ngài mà đánh Duy-na? Vì ông Duy-na không hiểu được đối đáp của hai thầy trò. Sư cuốc đất nói: Các nơi thì hỏa táng, còn tôi một lúc chôn sống. Như vậy Sư có lẽ phép không?

Sư mang thư Hoàng Bá đến Quy Sơn. Khi ấy Ngưỡng Sơn Huệ Tịch làm Tri khách, tiếp được thư liền hỏi:

- Cái này là của Hoàng Bá, cái nào là của người đem thư?

Sư liên tát. Ngưỡng Sơn nắm đứng nói:

- Lão huynh biết việc ấy?

Sư liên thôi, hai người đồng đến Quy Sơn. Quy Sơn hỏi:

- Sư huynh Hoàng Bá có chúng nhiều ít?

Sư thưa:

- Bảy trăm chúng.

- Người nào dẫn đầu?

- Vừa đem thư xong.

Sư lại hỏi Quy Sơn:

- Khoảng này Hòa thượng được bao nhiêu chúng?

Quy Sơn đáp:

- Một ngàn năm trăm chúng.

- Thật nhiều thay!

- Sư huynh Hoàng Bá cũng chẳng ít.

Sư từ Quy Sơn, Ngưỡng Sơn đưa ra cửa nói:

- Sau này huynh đi về Bắc sẽ có một trụ xứ.

Sư hỏi:

- Há có việc ấy!

Ngưỡng Sơn nói:

- Chỉ đi, về sau có một người phụ tá lão huynh. Người này có đầu không đuôi, có thủy không chung.

Sau, Sư đến Trấn Châu, Phổ Hóa đã có ở đấy trước. Sư khai đường giáo hóa, Phổ Hóa phụ giúp. Sư trụ chưa bao lâu, Phổ Hóa toàn thân đều thoát.

Ngài mang thư Hoàng Bá đến Quy Sơn. Khi ấy Ngưỡng Sơn Huệ Tịch làm tri khách nhận thư liền hỏi: *Cái này là của Hoàng Bá, cái nào là của người đem thư?* Gặp trường hợp này chúng ta nói sao? *Ngài liền tát một cái, Ngưỡng Sơn nắm đứng lại nói: Lão huynh biết việc ấy.* Cho một tát là chứng tỏ cái của người đem thư. Dụng của ngài rất đặc biệt, hỏi tới liền nêu lên. Ngài Ngưỡng Sơn chứng tỏ mình biết được Lâm Tế, sau hai người mới cùng tới Quy Sơn. Ngài Ngưỡng Sơn và ngài Lâm Tế là huynh đệ ngang hàng nhau, đều là bậc xuất cách trong nhà thiền.

Quy Sơn hỏi: Sư huynh Hoàng Bá có chúng nhiều ít. Sư thưa: Bảy trăm chúng. Khi hỏi người dẫn đầu của bảy trăm chúng, ngài trả lời là người đem thư đó. Không nói thẳng mà ngụ ý nói chính mình.

Sư lại hỏi Quy Sơn: Khoảng này Hòa thượng được bao nhiêu chúng. Quy Sơn đáp: Một ngàn năm trăm chúng. Ngài nói: *Thật nhiều thay!* Nếu ngang đó mà Quy Sơn không có câu sau thì Quy Sơn bị thua, vì còn thấy có nhiều ít. *Quy Sơn liền nói: Sư huynh Hoàng Bá cũng chẳng ít.* Câu đó là cứu lại, để qua được cái thấy đối đãi ít nhiều.

Sư giữa Hạ đến Hoàng Bá. Thấy Hòa thượng xem kinh, Sư nói:

- Tôi tưởng là người ấy, té ra là Hòa thượng già dâm đậu đen.

Sư ở lại mấy hôm, bèn từ đi. Hoàng Bá bảo:

- Người phá Hạ đến, sao chẳng trọn Hạ rồi đi?

Sư thưa:

- Con tạm đến lễ bái Hòa thượng.

Hoàng Bá bèn đánh đuổi đi. Sư đi được mấy dặm, nghĩ việc này liền trở lại ở trọn Hạ.

Sư giữa Hạ đến Hoàng Bá. Thấy Hòa thượng xem kinh, Sư nói: Tôi tưởng là người ấy, té ra là Hòa thượng già dâm đậu đen. Nói vậy là khen hay chê? Chỗ giáo ngoại biệt truyền không nằm trong kinh sách. Hôm nay gặp Hòa thượng xem kinh, vậy thì Hòa thượng xoàng quá, nên nói rằng Hòa thượng già dâm đậu đen. Ngài ở lại mấy hôm rồi từ giã đi, ngài Hoàng Bá bảo: Người phá Hạ đến sao chẳng trọn Hạ rồi đi? Giữa Hạ đến là phá Hạ. Ngài nói: Con tạm đến để lễ bái Hòa thượng. Hoàng Bá liền đánh đuổi đi. Sư đi được mấy dặm nghĩ việc này liền trở lại ở trọn Hạ. Sau từ giã Hoàng Bá.

Một hôm, Sư từ giã Hoàng Bá. Hoàng Bá hỏi:

- Đi đâu? Sư thưa:

- Chẳng phải Hà Nam là về Hà Bắc.

Hoàng Bá liền đánh. Sư nắm đứng, cho một tát. Hoàng Bá cười to, gọi:

-Thị giả! Dem thiên bản kỷ án của tiên sư Bá Trượng ra đây.

Sư gọi:

-Thị giả! Dem lửa lại.

Hoàng Bá bảo:

-Tuy nhiên như thế, con vẫn đem đi; về sau ở đâu sẽ dẹp sạch ngôn ngữ của mọi người.

Hoàng Bá hỏi: Đi đâu? Sư thưa: Chẳng phải Hà Nam là về Hà Bắc. Hà Bắc tức là miền bắc ở Trung Hoa. Ngài Lâm Tế là người truyền thiên ở miền bắc Trung Hoa.

Hoàng Bá liền đánh. Sư nắm đứng cho một tát. Đánh thì liền trả lại. Hoàng Bá cười to, gọi: Thị giả đem thiên bản kỷ án của tiên sư Bá Trượng ra đây. Như vậy là có ý gì? Đó là truyền thừa.

Sư gọi: Thị giả đem lửa lại. Chi vậy? Đốt hết. Bởi vì tất cả cái đó là hình thức, không phải cái thật. Nhưng Hoàng Bá bảo: Tuy nhiên như thế, con vẫn đem đi; về sau ở đâu sẽ dẹp sạch ngôn ngữ của mọi người. Nghĩa là tuy biết hình thức là không quan trọng, nhưng bảo ngài vẫn đem đi, để làm chứng cứ.

Sư đến Hòa thượng Bình ở Tam Phong. Bình hỏi:

- Ở đâu đến?

Sư thưa:

- Ở Hoàng Bá đến.

- Hoàng Bá có dạy lời gì?

Sư đáp:

Trâu vàng đêm trước lấm bùn lầy,
Thẳng đến hôm nay chẳng thấy dấu.

*(Kim ngưu tạc dạ tao đồ thán,
Trực chí như kim bất kiến tùng.)*

Bình hỏi:

Gió vàng thổi sáo ngọc,
Cái gì là tri âm?

*(Kim phong xuy ngọc quản,
Na cá thị tri âm?)*

Sư đáp:

Suốt thẳng muôn lớp cổng,
Chẳng dừng giữa trời trong.

*(Trực thấu vạn tùng quan,
Bất trụ thanh tiêu nội.)*

- Một câu hỏi của người cao tốt trời xanh.

Sư nói:

Rồng sanh con phượng vàng,
Vọt nát vách lưu ly.

*(Long sanh kim phượng tử,
Xung phá bích lưu ly.)*

Bình bảo:

- Hãy ngồi uống trà.

Lại hỏi:

- Vừa ở đâu đến?

Sư thưa:

- Long Quang.

Bình hỏi:

- Long Quang gần đây thế nào?

Sư liền ra đi.

Lúc này ngài đi du phương, nghe ở đâu có những bậc thiện tri thức liền đến để thăm dò. Đến chỗ hòa thượng Bình ở Tam Phong, Hòa thượng hỏi: *Ở đâu đến?* Đáp: *Ở Hoàng Bá đến.* Hỏi: *Hoàng Bá có dạy lời gì?* Ngài liền đáp bằng câu:

Trâu vàng đêm trước lấm bùn lầy,

Thẳng đến hôm nay chẳng thấy dấu.

Nghĩa là con trâu vàng lăn dưới đất dưới sình nhưng bây giờ tìm lại thì không thấy dấu. Chúng ta có con trâu vàng không? Nó lăn trong sình là ở đâu? Thấy dấu nó hay không thấy dấu? Câu trên ý nói cái đó hòa trong tứ đại, nhưng bây giờ tìm không còn dấu vết nữa. Diễn tả như vậy là quá tuyệt.

Ngài Tam Phong liền hỏi tiếp: *Gió vàng thổi sáo ngọc, cái gì là tri âm?* Gió vàng là gió gì? Ở miền Nam gọi là gió nam, còn gọi là gió tây. Gió chướng là gió đông, gió tây là gió mùa. Khi gió này thổi thì tất cả lá cây cuối thu bắt đầu rụng, vì vậy gọi là gió vàng. Gió thổi sáo thì có tâm thức không? Đều không có tâm thức. Thử hỏi *cái gì là tri âm?*

Ngài trả lời: *Suốt thẳng muôn lớp cổng, chẳng dừng giữa trời trong.* Đi qua luôn mọi lớp cổng không kẹt không dính lại chỗ nào hết. Đó là nói khí thế của ngài.

Ngài Tam Phong liền nói: *Một câu hỏi của người cao tột trời xanh.* Vậy là quá tuyệt rồi. Ngài trả lời: *Rồng sanh con phượng vàng, vọt nát vách lưu ly.*

Như vậy có ý nghĩa gì? Người tu được đến chỗ hoàn toàn thanh tịnh, nhưng coi chừng chỗ hoàn toàn thanh tịnh đó là chỗ kẹt. Như trong mười mục chần trâu, mục số tám không còn trâu không còn người chần, chỉ một vòng tròn trắng. Đó là tượng trưng cho chỗ thanh tịnh, gọi là đất vô sanh. Tới chỗ thanh tịnh đó nếu không khéo thì kẹt, gọi là bị nhốt trong vách lưu ly. Vách lưu ly trong sáng mà bị kẹt bị nhốt lại thì cũng chưa được. Phải qua khỏi cho này, đến mục thứ chín *Lá rụng về cội*, mục thứ mười *Thông tay vào chợ* mới là cứu cánh. Ngài nói *Vọt nát vách lưu ly*, nghĩa là tôi không dừng chỗ đó mà phải vượt qua. Như vậy hòa thượng Tam Phong mới mời ngồi uống trà.

Sư đến Phụng Lâm. Lâm hỏi:

- Có việc đem hỏi nhau được chăng?

Sư đáp:

- Đâu được khoét thịt làm thương tích.

Lâm nói:

Trăng biển trong không bóng,

Riêng cá lội tự mê.

(Hải nguyệt trường vô ảnh,

Du ngư độc tự mê.)

Sư bảo:

Trăng biển đã không bóng,

Cá lội đâu thể lắm?

(Hải nguyệt ký vô ảnh,

Du ngư hà đắc mê?)

Lâm nói:

Xem gió biết sóng dậy,

Nhìn nước đoán buồm bay.

(Quán phong tri lãng khởi,

Ngoạn thủy dã phàm phiêu.)

Sư nói:

Một vầng riêng chiếu non sông lặng,

Chợt cười một tiếng đất trời kinh.

(Cô luân độc chiếu giang sơn tịnh,

Tự tiểu nhất thanh thiên địa kinh.)

Lâm nói:

Mặc đem ba tác soi trời đất,

Một câu hợp lý thử bàn xem.

(Nhậm tương tam thốn huy thiên địa,

Nhất cú đương cơ thí đạo khan.)

Sư bảo:

Gặp tay kiếm khách nên trình kiếm,
Chẳng phải nhà thơ chớ hiển thơ.
*(Lộ phùng kiếm khách tu trình kiếm,
Bất thị thi nhân mặc hiển thi.)*

Phụng Lâm liền thôi. Sư đề bài tụng:

Đại đạo hản đông
Mặc hướng tây đông
Đá nháng chẳng kịp
Lần chớp không thông.

*(Đại đạo tuyệt đông
Nhậm hướng tây đông
Thạch hỏa mặc cập
Điện quang vãng thông.)*

Sư đến Phụng Lâm. Phụng Lâm hỏi: Có việc đem hỏi nhau được chăng? Sư đáp: Đâu được khoét thịt làm thương tích. Trong khi tu lúc chưa khởi niệm thì tròn trịa trong sáng, vừa dấy niệm lên là thương tích. Cho nên vừa đặt câu hỏi là khoét thịt thành thương tích.

Ngài Phụng Lâm cũng là một tay cừ khôi, nên liền đáp bằng câu: *Trắng biển trong không bóng, riêng cá lội tự mê.* Ngài liền nói rằng: *Trắng biển đã không bóng, cá lội đâu thể lầm?* Mặt trăng lưỡi liềm in bóng trên mặt biển giống như lưỡi câu, cá thấy bóng mặt trăng lưỡi liềm tưởng lưỡi câu nên sợ tránh. Bây giờ trăng sáng mà không có bóng dưới nước, cá

đâu có sợ. Ý ngài nói rằng, trong chỗ đối đáp không có tâm thì có gì ngại.

Ngài Phụng Lâm bèn nói: *Xem gió biết sóng dậy, nhìn nước đoán buồm bay*. Thấy gió mạnh gió yếu thì biết sóng nhỏ hay sóng lớn, nhìn mặt nước thấy nước đùa phía nào thì biết buồm hướng về phía đó. Ý nói thấy cái này biết được cái kia.

Ngài trả lời ngay: *Một vầng riêng chiếu non sông lặng, chợt cười một tiếng đất trời kinh*. Ý là đừng xem thường tôi, tôi đến chỗ chỉ còn một vầng trăng trong sáng, một tiếng hét lên thì trời đất đều chấn động.

Ngài Phụng Lâm nói: *Mặc đem ba tác soi trời đất, một câu hợp lý thử bàn xem*. Dù ông đem ba tác lưới nói động trời động đất đi nữa, thử bàn câu hợp lý coi.

Ngài đáp rằng: *Gặp tay kiếm khách nên trình kiếm, chẳng phải nhà thơ chớ hiến thơ*. Chừng nào gặp người đáng nhà thơ tôi mới trình thơ, chứ ông chưa đáng.

Phụng Lâm liền thôi, ngài liền để lại bài tụng:

Đại đạo hẵn đồng

Mặc hướng tây đông

Đá nháng chẳng kịp

Lần chớp không thông.

Đại đạo thì đồng nhưng đừng tìm bên này bên kia. Cái đó phải nhanh như đá nháng, tức là chọi đá nháng lửa, hoặc nhanh như lần chớp chứ không nghĩ suy được.

Đã được Hoàng Bá ẩn khả, Sư tìm đến Hà Bắc ở góc đông nam thành Trấn Châu, gần sông Hô Đà đất Lâm Tế, trụ trì một viện nhỏ. Nơi đây Phổ Hóa đã ở trước.

Một hôm Sư gọi Phổ Hóa, Khắc Phù đến bảo:

-Ta muốn ở đây dựng lập tông chỉ Hoàng Bá, hai ông hãy giúp đỡ ta.

Hai vị trân trọng lui ra. Ba ngày sau Phổ Hóa đến hỏi:

-Ba ngày trước Hòa thượng nói gì?

Sư liền đánh. Ba ngày sau, Khắc Phù lại lên hỏi:

-Ba ngày trước Hòa thượng đánh Phổ Hóa là sao?

Sư cũng đánh.

Ngài đến Hà Bắc, nơi góc đông nam thành Trấn Châu gần sông Hô Đà, đất Lâm Tế trụ trì một viện nhỏ. Chúng ta gọi tên người xưa phần nhiều gọi tên chùa tên đất vì kính trọng các ngài. Như sư tổ Khánh Anh thường được gọi là Hòa thượng Phước Hậu, vì ngài ở chùa Phước Hậu. Tổ Lâm Tế là vị rất nổi tiếng nên mọi người chỉ gọi tên đất, nơi ngài ở là đất Lâm Tế.

Khi ngài đến thì trước đã có Phổ Hóa với Khắc Phù ở đây. Một hôm ngài gọi Phổ Hóa và Khắc Phù tới. Phổ Hóa là đệ tử của Bàn Sơn, Bàn Sơn là đệ tử của Mã Tổ. Ngài nói: *Ta muốn ở đây dựng lập tông chỉ Hoàng Bá, hai ông hãy giúp đỡ ta.* Câu nói đó rất hiền lành, bình dị không có gì kỳ đặc hết, chỉ là nói thật thà, hai vị kia chào lui đi.

Ba ngày sau, Phổ Hóa mới khai chiến: *Ba ngày trước Hòa thượng nói gì?* Khai chiến thì lúc này không còn ngôn ngữ gì hết, ngài liền đánh. Rồi ba ngày sau Khắc Phù lại lên hỏi: *Ba ngày trước Hòa thượng đánh Phổ Hóa là sao?* Ngài liền đánh. Lúc khai chiến là khác, lúc nói thường là khác.

Một hôm Sư cùng Hà Dương, trưởng lão Mộc Tháp đồng ở tại tăng đường ngồi quanh lò lửa. Nhân nói chuyện Phổ Hóa mỗi ngày ở ngoài đường chợ chụp gió chụp đầu, biết y là phàm là thánh? Nói chưa xong, Phổ Hóa vào chúng đi đến. Sư liền hỏi:

- Người là phàm là thánh?

Phổ Hóa nói:

- Ông hãy nói tôi là phàm là thánh?

Sư liền hét! Phổ Hóa lấy tay chỉ nói:

- Hà Dương kẻ tân phu, Mộc Tháp thiên Lão bà, Lâm Tế đứa tứ nhỏ, lại đủ một con mắt.

Sư bảo:

- Kẻ giặc.

Phổ Hóa nói: “Giặc, giặc”, liền đi ra.

Người xưa đã là bậc tác gia rồi không rơi vào bẫy. Phổ Hóa nghe mọi người nói không biết ông là phàm là thánh, bèn vô hỏi: *Tôi là phàm hay là thánh?*

Nói một câu là đã giương bẫy ra, người biết rồi đâu rơi vào bẫy, ngài liền hét, hét đó là đã đập tan cái bẫy bên kia

rồi, Phổ Hóa nói thêm một câu: *Hà Dương kẻ tân phụ, Mộc Thập thiên Lão bà, Lâm Tế đứa tở nhỏ, lại đủ một con mắt.*

Tân phụ tức là cô gái mới về nhà chồng, còn nói Lâm Tế đủ con mắt tức là khen hay chê? Khen. Nên ngài nói: *Kẻ giặc!* Nghe vậy Phổ Hóa chỉ nói: *Giặc, giặc!* Rồi đi ra.

Một hôm Phổ Hóa ở trong chợ đến mọi người xin chiếc áo dài, mọi người đều cho, Phổ Hóa đều chẳng nhận. Sư dạy Viện chủ mua một quan tài. Phổ Hóa về đến, Sư bảo:

- Tôi đã vì ông sắm chiếc áo dài rồi.

Phổ Hóa liền tự vác đi. Phổ Hóa đi quanh đường chợ rao:

- Lâm Tế cho tôi chiếc áo dài rồi, tôi sang cửa Đông tịch.

Người trong chợ đua nhau đến xem. Phổ

Hóa bảo:

- Tôi ngày nay chưa tịch, ngày mai sang cửa Nam mới tịch.

Như thế đến ba ngày, mọi người đều chẳng tin. Đến ngày thứ tư, không ai theo xem, một mình Phổ Hóa tự chui vào quan tài, nhờ người đi đường đập nắp lại. Tin truyền đi mọi người trong chợ đua nhau đến giở quan tài xem, không thấy thi hài Phổ Hóa, chỉ nghe trong hư không tiếng mõ xa dần rồi mất.

Phổ Hóa nhận hiểu không thua ngài Lâm Tế nhưng Phổ Hóa không giáo hóa được như Lâm Tế. Con cháu của tổ Lâm Tế từ thế kỷ thứ IX đến ngày nay vẫn còn truyền. Như vậy mới thấy không phải hiểu như nhau mà duyên làm Phật sự giống nhau. Nếu khi làm Phật sự thấy bạn đồng học với mình có đủ nhân duyên tốt, giáo hóa đồ chúng đông, còn mình thì ít người lui tới, chúng ta vui hay buồn?

Nên hiểu rõ, duyên làm đạo không phải ai cũng có, tuy học được như nhau nhưng duyên truyền bá mỗi người có khác, đừng vì lẽ huynh đệ mình được cái hay, người ta tin phục rồi mình đổ ỹ, đó là tâm phàm phu. Khi thấy huynh đệ được thuận duyên chúng ta nên tán thưởng khen ngợi. Đó là tâm tùy hỷ rất quý.

Ngài Phổ Hóa vai vế ngang với tổ Hoàng Bá, tuy trụ ở đất Lâm Tế trước, nhưng vẫn nhận lời phụ tá cho Lâm Tế. Hành tung của ngài tự do tự tại, là một bậc thầy siêu xuất. Cho đến khi viên tịch cũng rất đặc biệt khác thường. Ngài chỉ đến đùa chơi với mọi người trong thời gian rồi đi. Có được sự phụ giúp của các bậc trưởng lão như ngài Phổ Hóa, ngài Hà Dương, ngài Mộc Tháp, tông phong của ngài Lâm Tế rất hưng thịnh.

Sư sắp tịch ngồi yên bảo:

-Sau khi ta tịch, chẳng được diệt mất chánh pháp nhân tạng của ta.

Tam Thánh Huệ Nhiên thưa:

-Đâu dám diệt mất chánh pháp nhân tạng của Hòa thượng.

Sư bảo:

- Về sau có người hỏi, người đáp thế nào?

Tam Thánh liền hét! Sư bảo:

- Ai biết chánh pháp nhãn tạng của ta đến bên con lửa mù diệt mất.

Sư nói kệ truyền pháp:

Theo dòng chẳng dứt hỏi thế nào,

Chân chiếu khôn ngần nói với ai,

Lìa tướng lìa danh như chẳng nhận,

Gươm bén dùng rồi gấp phải mài.

(Diên lưu bất chỉ vấn như hà,

Chân chiếu vô biên thuyết tự tha,

Ly tướng ly danh như bất bắm,

Xuy mao dụng liễu cấp tu ma.)

Nói xong Sư ngồi an nhiên thị tịch. Nhằm niên hiệu Hàm Thông năm thứ tám (867), ngày mười tháng giêng năm Đinh Hợi. Vua ban thụy là Huệ Chiếu thiên sư, tháp hiệu Trùng Linh.

Ngài bảo rằng ta có mất rồi các ông nên kế thừa truyền bá đừng để chánh pháp nhãn tạng diệt mất. Ngài Huệ Nhiên đứng ra nói: *Đâu dám diệt mất chánh pháp nhãn tạng của Hòa thượng*, tức là chúng con sẽ nối, sẽ kế thừa không cho mất. Ngài hỏi: *Về sau có người hỏi, người đáp thế nào?* Ngài Tam Thánh Huệ Nhiên *liền hét*, đó là thuật của tông Lâm

Tế, ngay đó liền được, được thì dùng không qua suy nghĩ. Ngài Huệ Nhiên dùng được tất nhiên kế thừa được, nhưng tại sao ngài lại nói: *Ai biết chánh pháp nhãn tạng của ta đến bên con lửa mù diệt mất*. Vậy là ngài buồn than phải không? Câu này rất khó hiểu. Trong mười hai năm con giáp không có năm con lửa, ý nói tông của ngài truyền bá không có ngày dứt, không có chỗ cùng. Đã năm lửa mà lửa mù, mù là không thấy làm sao biết nơi chốn. Không có chỗ nơi nhất định cũng không có thời gian nhất định, nên không ai biết tới đâu là hết. Đó là ngài thọ ký.

Bài kệ truyền pháp của ngài:

Diên lưu bất chỉ vẩn như hà,

Chân chiếu vô biên thuyết tự tha,

Ly tướng ly danh như bất bảm,

Xuy mao dụng liễu cấp tu ma.

Diên lưu bất chỉ là sự trôi chảy mãi không dừng, *vẩn như hà* tức là hỏi thế nào. Câu này ngụ ý nói đạo lý của ngài truyền thừa trôi chảy không dừng. *Chân chiếu vô biên thuyết tự tha*, cái chân thật chiếu soi này không ngần mé nói với ai? Tức là không thể nói được. Như vậy một bên đứng về thời gian thì không ngần mé, một bên đứng về không gian thì không giới hạn.

Ly tướng ly danh như bất bảm, chỗ này là tướng là danh, hai cái đều không dính. *Xuy mao dụng liễu cấp tu ma*, xuy mao tức xuy mao kiếm là cây kiếm bén, dùng sợi lông thổi qua cây kiếm, sợi lông đứt liền, vậy bén cỡ nào? Dùng rồi phải mài gấp, phải luôn luôn bén nhọn.

Lời kệ của ngài nói lên tinh thần truyền pháp nối tiếp không cùng, không mắc kẹt trên danh tướng. Người được pháp nhận rõ rồi đem giáo hóa chúng sanh, vẫn phải giữ cho mình không mất phẩm chất đạo đức, tức là không hao mòn. Kiếm mài bén rồi dùng, dùng rồi phải mài nữa, không để cùn lụt. Chúng ta thấy đạo, ra giáo hóa nhưng đừng có mất mình, đó là cái gốc.

Nói xong ngài ngồi yên thị tịch. Nhằm niên hiệu Hàm Thông năm thứ tám (867), ngày mười tháng giêng năm Đinh Hợi. Vua ban thụy là Huệ Chiếu thiên sư, tháp hiệu Trừng Linh.

Đây là kết thúc chương trình học ba năm. Phải nhớ tổ Lâm Tế nói đói thì ăn, mệt thì ngủ khi nào vô sự. Có sự mà mệt đến thì ngủ, đói đến thì ăn, đó là đại buông lung. Người học đạo nhận ra cái đó tức là xong việc, nhưng đem ra dùng là một chuyện khác nữa.

Thấy rồi phải ứng dụng cho được, nghĩa là trong mười hai thời cái đó luôn sống động, không phải lúc được lúc mất. Nếu lâu lắm mới thấy một tí rồi mất tiêu thì cái đó chưa ứng dụng được. Cho nên chỉ ra thì có thể nhiều người nhận được, nhưng ứng dụng được thì ít người. Tổ Bồ-đề-đạt-ma huyền ký sau này người thông hiểu lý đạo thì nhiều, người thực hành đạo thì ít là vậy. Nếu chưa sống được với cái đó, chỉ nói biết có mà đem ra dùng không được thì cũng như không có. Chỗ nhận được đã khó, tin được đã khó, tin rồi sống được thì trên đường giải thoát không còn gì khó khăn.

Trong khi tu chúng ta phải nỗ lực. Nói nỗ lực thì cũng không có gì nỗ lực, nhưng phải luôn luôn nỗ lực. Bên ngoài

đối với các duyên đừng cho xâm phạm, nó là nó mình là mình, như vậy tức là có nỗ lực; nếu gặp duyên thì dính theo duyên, đó là bất lực. Dù có hiểu biết tới đâu, lý luận giỏi cách nào cũng là trong luân hồi; khi nào đến chỗ tâm cảnh như như mới thật là sống được với cái của mình. Chỗ đó xem như không dụng công không cực khổ, dùng được nó thì an ổn.

Mong rằng ba năm, quý vị đã thấy hoặc sẽ thấy hoặc chưa thấy, phải nỗ lực sao cho xứng đáng. Sư tử phải rống tiếng sư tử, không thể rống tiếng dã can. Nếu cho rằng đời mật pháp tu hành sơ sơ thôi, không thể sánh bằng Phật tổ thời xưa, nghĩ như vậy là rống tiếng dã can.

Phật tổ xưa làm được, chúng ta bây giờ cũng làm được, nói thế có vẻ như khinh mạn, nhưng không phải.

Khinh mạn là tự khoe mình chê người, còn nói để tự mình cố gắng tiến tu thì không phải là khinh mạn. Lúc nào cũng tự nhắc nhở mình, người xưa làm được thì mình cũng làm được, phải cố gắng lên, đó là sức mạnh un đúc mình, không phải là khinh mạn.

Đó là chỗ mà tất cả chúng ta phải nỗ lực, tôi nhắc nhở như vậy. Sau khi học xong, mọi người không cần nhớ nhiều lời, chỉ cần nhớ ngay cái mình có, tìm cho ra cái đó, đừng bỏ quên nó, đừng cho xen hở. Tổ chỉ cái đó, chúng ta nhận được rồi phải sống trung thực với nó, đừng cho quên đừng cho sót. Như vậy mới xứng đáng con cháu nhà thiền.